

# PHẬT PHÁP

---

# BOUDDHADHARMA

Phát hành mỗi kỳ hai tháng / Edition bimestrielle Số N. 12 02/2003

CHUNG CHỨC TÂN XUÂN - Bonne Année **2003**

Thông đạt bốn tâm pháp  
Vô pháp vô phi pháp  
Ngộ liễu đồng vị ngộ  
Vô tâm diệt vô pháp.

*Thông đạt gốc tâm pháp  
Không pháp chẳng không pháp  
Ngộ rồi đồng chưa ngộ  
Không tâm cũng không pháp.*

Tổ thứ năm Đê Đa Ca Tôn Giả

Pénétrer l'origine de l'esprit du Dharma  
Le non-Dharma n'est ni Dharma  
Illuminé c'est comme non illuminé  
Sans conscience c'est aussi sans Dharma.

Cinquième Patriarche Đê Đa Ca

Các bạn muốn nghiên cứu và thâm nhập Phật pháp là ở đây.  
Cette propagation de l'Enseignement du Bouddha vous  
permettra d'étudier et connaître la voie du Bouddha.

**PHẬT PHÁP**

BOUDDHADHARMA

**Mục Lục / Sommaire**

<p><input type="checkbox"/> Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ hai tháng / Edition bimestrielle.</p> <p><input type="checkbox"/> Chủ Nhiệm / Directeur de publication : Thích Minh Định.</p> <p><input type="checkbox"/> Kỹ thuật máy vi tính / Technicien de l'ordinateur : Đỗ Lưu Vương.</p> <p><input type="checkbox"/> Phụ tá đánh máy : Ngô Trí Tuệ, Chú Hoàng Minh, Trần Xuân Tiến, Cô Hiếu Thảo, Anh Nguyễn Khắc Xương, Cô Hạnh.</p> <p><input type="checkbox"/> Les correcteurs des textes en français : Pan Xin Ya, Vilcoq Viviane, Nguyễn Chiém Khoa, Lý Thị Minh Nguyệt.</p> <p><input type="checkbox"/> Ban phát hành : Nguyễn Quang Lý, Anh Chị Phạm Văn Lộc, Lê Văn Thọ, Ngô Trí Tuệ, Cô Vi, Anh chị LethongSavanh Hảo, Cô Cẩm Vân, Fahma Fakine, Nguyễn Thị Kim Liên.</p> <p><input type="checkbox"/> Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang / Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.</p> <p><input type="checkbox"/> Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.</p> <p><input type="checkbox"/> La revue Bouddhadharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.</p> <p><input type="checkbox"/> Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.</p> <p><input type="checkbox"/> Mọi chi tiết xin liên lạc về :  Chùa/Pagode Kim Quang  8 B rue Fontaine  93000 Bobigny - France  Tel./fax : 01.48.50.98.66  kimquang@free.fr  kimquangtu@hotmail.com</p>	<p><input type="checkbox"/> Kinh Hoa Nghiêm 3</p> <p><input type="checkbox"/> Kinh Pháp Hoa 6</p> <p><input type="checkbox"/> Chú Lăng Nghiêm 10</p> <p><input type="checkbox"/> Chú Đại Bi 12</p> <p><input type="checkbox"/> Đại Trí Độ Luận 14</p> <p><input type="checkbox"/> Thiên Thắt Khai Thị 15</p> <p><input type="checkbox"/> Niệm Quán Âm Khi Khẩn Cấp 17</p> <p><input type="checkbox"/> Tương Lai Của Nhân Loại 18</p> <p><input type="checkbox"/> Hái Hoa Dâng Phật 21</p> <p><input type="checkbox"/> Nói Chuyện Đầu Năm 22</p> <p><input type="checkbox"/> Trâu Nước Cao Thượng 24</p> <p><input type="checkbox"/> Phương Pháp Dưỡng Sinh 25</p> <p><input type="checkbox"/> Le Sutra Du Dharma De La Fleur 27</p> <p><input type="checkbox"/> Le Sutra Shurangama 30</p> <p><input type="checkbox"/> Le Mantra Shurangama 33</p> <p><input type="checkbox"/> Le Sutra Du Vajna Prajna 35</p> <p><input type="checkbox"/> Le Bouddha Parle Le Sutra . . . 37</p> <p><input type="checkbox"/> Chant De L'Illumination 39</p> <p><input type="checkbox"/> Récitez Le Nom Du Bodhisattva. . . 40</p> <p><input type="checkbox"/> Récitez Le Nom Du Bouddha . . . 41</p> <p><input type="checkbox"/> Pratiquez Les Cinq Préceptes . . . 42</p> <p><input type="checkbox"/> La Planète Est Sur Le Point . . . 43</p> <p><input type="checkbox"/> A Propos Du Nouvel An 45</p> <p><input type="checkbox"/> Les Heureux Crabes 47</p> <p><input type="checkbox"/> Le Souvenir De La Vie . . . 49</p> <p><input type="checkbox"/> L'Histoire Du Bouddha 51</p>
---	---

# KINH HOA NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

LẠI CÓ VÔ LƯỢNG CHỦ THẦN PHƯƠNG HƯỚNG. ĐÓ LÀ : CHỦ THẦN PHƯƠNG HƯỚNG BIẾN TRỤ NHẤT THIẾT. CHỦ THẦN PHƯƠNG HƯỚNG PHỔ HIỆN QUANG MINH. CHỦ THẦN PHƯƠNG HƯỚNG QUANG HÀNH TRANG NGHIÊM. CHỦ THẦN PHƯƠNG HƯỚNG CHU HÀNH BÁT NGẠI. CHỦ THẦN PHƯƠNG HƯỚNG VĨNH ĐOẠN MÊ HOẶC. CHỦ THẦN PHƯƠNG HƯỚNG PHỔ DU TỊNH KHÔNG. CHỦ THẦN PHƯƠNG HƯỚNG ĐẠI VÂN TRÀNG ÂM. CHỦ THẦN PHƯƠNG HƯỚNG KẾ MỤC VÔ LOẠN. CHỦ THẦN PHƯƠNG HƯỚNG PHỔ QUÁN THẾ NGHIỆP. CHỦ THẦN PHƯƠNG HƯỚNG CHU BIẾN DU LĂM.

Lại có vô lượng vô biên Chủ Thần Phương Hướng. Chủ Thần Phương Hướng tức là thần quảng lý về phương hướng. Phương có mười phương, trong mười phương lại có thể phân ra làm trăm ngàn vạn phương. Nhưng có năm phương chủ yếu tức là : Đông, tây, nam, bắc và giữa. Năm phương này thuộc về ngũ hành. Phương đông thuộc mộc, phương nam thuộc hỏa, phương tây thuộc kim, phương bắc thuộc thủy, chính giữa thuộc thổ. Một năm bốn mùa thịnh vượng ở năm phương và ngũ hành. Mùa xuân thuộc mộc thịnh vượng hướng đông, mùa hạ thuộc hỏa thịnh vượng hướng nam, mùa thu thuộc kim thịnh vượng hướng tây, mùa đông thuộc thủy thịnh vượng hướng bắc, thổ thịnh vượng chính giữa, chính giữa là tứ thông bát đạt, cho nên thịnh vượng suốt bốn mùa.

Phương đông giáp át mộc, thuộc về màu xanh, thần quảng lý phương đông gọi là Thanh đế. Phương nam bính đinh hỏa thuộc màu đỏ, thần quảng lý phương nam gọi là Xích đế. Phương tây canh tân kim thuộc màu trắng, thần quảng lý phương tây gọi là Bạch đế. Phương bắc nhâm quý thủy, thuộc màu đen, thần quảng lý phương bắc gọi là Hắc đế. Chính giữa dậu kỷ thổ thuộc màu vàng, thần quảng lý chính giữa gọi

là Huỳnh đế. Những vị thần năm phương này mỗi vị đều có chức vụ riêng.

Vị Chủ Thần Phương Hướng thứ nhất tên là Biến Trụ Nhất Thiết. Vì vị này trụ ở bất cứ mọi phương, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Phương Hướng thứ hai tên là Phổ Hiện Quang Minh. Vì vị này hiện quang minh khắp tất cả, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Phương Hướng thứ ba tên là Quang Hạnh Trang Nghiêm. Vì vị này dùng quang minh để trang nghiêm, dùng hạnh để trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Phương Hướng thứ tư tên là Chu Hành Bát Ngại. Vì vị này đến bất cứ nơi nào cũng đều không chướng ngại, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Phương Hướng Thứ năm tên là Vĩnh Đoạn Mê Hoặc. Vì vị này vĩnh viễn đoạn trừ mê hoặc của chính mình, và còn giúp cho chúng sinh vĩnh viễn đoạn trừ mê hoặc, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Phương Hướng thứ sáu tên là Phổ Du Tịnh Không. Vì vị này ở trong hư không có thể đến bất cứ nơi nào, làm cho không khí thanh tịnh mà không ô nhiễm, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Phương Hướng thứ bảy tên là Đại Vân Tràng Âm. Vì vị này có âm thanh đại vân tràng, vang rộng khắp mười phương thế giới, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Phương Hướng thứ tám tên là Kế Mục Vô Đoạn. Vì bảo kế của vị này rất ngay ngắn, mắt của vị này rất sáng suốt, không tán loạn, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Phương Hướng thứ chín tên là Phổ Quán Thế Nghiệp. Vì vị này quán sát khắp hết tất cả nghiệp thế gian, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Phương Hướng thứ mười tên là Chu Biến Du Lãm. Vì vị này đi du lãm tất cả mọi nơi, cho nên được tên này.

CÓ VÔ LƯỢNG CHỦ THẦN PHƯƠNG HƯỚNG NHƯ VẬY LÀM THƯỢNG THỦ. CÁC VỊ THẦN NÀY ĐỀU DÙNG PHƯƠNG TIỆN PHÓNG ĐẠI

**QUANG MINH, THƯỜNG CHIẾU SÁNG KHẮP TẤT CẢ MUỖI PHƯƠNG LIÊN TỤC KHÔNG DỨT.**

Mười vị Chủ Thần Phương Hướng này làm thượng thủ trong chúng Chủ Thần Phương Hướng. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên Chủ Thần Phương Hướng.

Những vị Chủ Thần Phương Hướng này đều dùng phương tiện luôn luôn phóng quang minh chiếu khắp tất cả mười phương, chẳng có đen tối, quang minh này liên tục không đoạn tuyệt. Ở trên là chúng thứ mười bảy Chủ Thần Phương Hướng.

**LẠI CÓ VÔ LƯỢNG CHỦ THẦN BAN ĐÊM. ĐÓ LÀ : CHỦ THẦN BAN ĐÊM PHỔ ĐỨC TỊNH QUANG. CHỦ THẦN BAN ĐÊM HỈ NHÃN QUÁN THẾ. CHỦ THẦN BAN ĐÊM HỘ THỂ TINH KHÍ. CHỦ THẦN BAN ĐÊM TỊCH TỊNH HẢI ÂM. CHỦ THẦN BAN ĐÊM PHỔ HIỆN CÁT TƯỜNG. CHỦ THẦN BAN ĐÊM PHỔ PHÁT THỤ HOA. CHỦ THẦN BAN ĐÊM BÌNH ĐẲNG HỘ DỤC. CHỦ THẦN BAN ĐÊM DU HÍ KHOÁI LẠC. CHỦ THẦN BAN ĐÊM CHƯ CĂN THƯỜNG HỈ. CHỦ THẦN BAN ĐÊM XUẤT SINH TỊNH PHƯỚC.**

Lại có vô lượng vô biên Chủ Thần Ban Đêm. Chủ Thần Ban Đêm là thần quang lý ban đêm. Thần ban đêm là dương trong âm. Vì đêm là đen tối. Đen tối thuộc âm. Thần Ban Đêm ở trong đen tối thường phóng quang minh. Quang minh thuộc về dương, cho nên nói Chủ Thần Ban Đêm là dương trong âm.

Vị Chủ Thần Ban Đêm thứ nhất tên là Phổ Biến Tịnh Quang. Vì đức hạnh của vị này biến khắp mà quang minh của vị này thanh tịnh cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Đêm thứ hai tên là Hỷ Nhãn Quán Thế. Vì vị này dùng con mắt hoan hỉ để quán sát tất cả nhân duyên thế gian, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Đêm thứ ba tên là Hộ Thế Tinh Khí. Vì vị này hộ trì tất cả tinh khí của tất cả chúng sinh thế gian, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Đêm thứ tư tên là Tịch Tĩnh Hải Âm. Vì vị này ở trong động tĩnh hộ trì chúng sinh khiến cho họ đắc được định lực, không có vọng tưởng cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Đêm thứ năm tên là Phổ Hiện Cát Tường. Vì vị này hiện ra khắp cảnh giới cát tường như ý, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Đêm thứ sáu tên là Phổ Phát Thụ Hoa. Vì vị này quảng lý tất cả cây cỏ, nở hoa khắp tất cả, phóng đại quang minh, cho nên được tên này.

Vị Thần Ban Đêm thứ bảy tên là Bình Đẳng Hộ Dục. Vì vị này đối đãi với tất cả chúng sinh đều bình đẳng, không phân biệt đó đây, bảo hộ chúng sinh, giáo hóa chúng sinh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Đêm thứ tám tên là Du Hí Khoái Lạc. Vì vị này thích du hí, khiến cho tất cả chúng sinh đắc được hoan hỉ và khoái lạc cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Đêm thứ chín tên là Chư Căn Thường Hỉ. Vì sáu căn của vị này thường hoan hỉ, khiến cho chúng sinh thấy được đều sinh tâm hoan hỉ mà không ưu sầu cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Đêm thứ mười tên là Xuất Sinh Tịnh Phước. Vì vị này khiến cho tất cả chúng sinh đều đắc được phước báu thanh tịnh, trợ giúp cho chúng sinh lia khổ được vui cho nên được tên này.

**CÓ VÔ LƯỢNG CHỦ THẦN BAN ĐÊM NHƯ VẬY LÀM THƯỢNG THỦ. CÁC VỊ THẦN NÀY ĐỀU TINH TẤN TU TẬP LẤY PHÁP LÀM VUI.**

Mười vị Chủ Thần Ban Đêm này làm thượng thủ trong chúng Chủ Thần Ban Đêm. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên Chủ Thần Ban Đêm.

Những vị Chủ Thần Ban Đêm này đều tinh tấn tu hành, không giải đãi, lấy sự tu tập Phật pháp làm khoái lạc, cũng khiến cho chúng sinh lấy Phật pháp làm vui. Ở trên là chúng thứ mười tám Chủ Thần Ban Đêm.

**LẠI CÓ VÔ LƯỢNG CHỦ THẦN BAN NGÀY. ĐÓ LÀ : CHỦ THẦN BAN NGÀY THỊ HIỆN CUNG ĐIỆN. CHỦ THẦN BAN NGÀY PHÁT KHỞI HUỆ HƯƠNG. CHỦ THẦN BAN NGÀY LẠC THẮNG TRANG NGHIÊM. CHỦ THẦN BAN NGÀY HƯƠNG HOA DIỆU QUANG. CHỦ THẦN BAN NGÀY LẠC TÁC HỈ MỤC. CHỦ THẦN BAN NGÀY PHỔ HIỆN CHƯ PHƯƠNG. CHỦ THẦN BAN NGÀY ĐẠI BI QUANG MINH. CHỦ THẦN BAN NGÀY THIÊN CĂN QUANG CHIẾU. CHỦ THẦN BAN NGÀY DIỆU HOA ANH LẠC.**

Lại có vô lượng vô biên Chủ Thần Ban Ngày. Chủ Thần Ban Ngày là thần quảng lý ban ngày ở thế gian. Thần Ban Ngày là dương trong dương, vì ban ngày có ánh sáng, ánh sáng thuộc về dương, Thần Ban Ngày ở trong ánh sáng lại phóng ánh sáng, cho nên là dương trong dương.

Vị Chủ Thần Ban Ngày thứ nhất tên là Thị Hiện Cung Điện. Vì vị này thị hiện cung điện nhiều loại hình dáng, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Ngày thứ hai tên là Phát Khởi Huệ Hương. Vì vị này phát ra hương trí tuệ, khiến cho chúng sinh ngủi được bèn sinh trí tuệ, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Ngày thứ ba tên là Lạc Thắng Trang nghiêm. Vì vị này thích thú trang nghiêm tất cả chỗ ở của chúng sinh, khiến cho chúng sinh đắc được phòng xá thù thắng, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Ngày thứ tư tên là Hương Hoa Diệu Quang. Vì vị này thường tỏa ra mùi thơm hương hoa, lại có màu sắc quang minh vi diệu, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Ngày thứ năm tên là Phổ Tập Diệu Dược. Vì vị này thường tụ tập khắp hết tất cả cỏ thuốc để chữa trị bệnh cho chúng sinh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Ngày thứ sáu tên là Lạc Tác Hỉ Mục. Vì vị này muốn làm cho chúng sinh khoái lạc, khiến cho chúng sinh mất thường hoan hỉ, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Ngày Thứ bảy tên là Phổ Hiện Chư Phương. Vì vị này thường thị hiện khắp tất cả mọi nơi, khiến cho chúng đều thấy được, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Ngày thứ tám tên là Đại Bi Quang Minh. Vì vị này có tâm đại bi, phổ độ chúng sinh, thường phóng quang minh, gia bị cho chúng sinh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Ngày thứ chín tên là Thiện Căn Quang Chiếu. Vì vị này có quang minh chiếu soi chúng sinh có căn lành, chúng sinh không có căn lành thì làm cho họ sinh căn lành, chúng sinh đã có căn lành thì khiến cho họ được thành thực, căn lành thành thực thì khiến cho giải thoát, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Ngày thứ mười tên là Diệu Hoa Anh Lạc. Vì vị này dùng một thứ diệu hoa làm thành chuỗi, không những rất đẹp mà còn phóng quang, cho nên được tên này.

CÓ VÔ LƯỢNG CHỦ THẦN BAN NGÀY NHƯ VẬY LÀM THƯỢNG THỦ. CÁC VỊ THẦN NÀY ĐỀU SINH TÂM TIN HIỂU Ở TRONG DIỆU PHÁP. LUÔN LUÔN CÙNG SIÊNG NĂNG TINH TẤN, NGHIÊM SỨC CUNG ĐIỆN.

Mười vị Chủ Thần Ban Ngày này làm thượng thủ trong Chủ Thần Ban Ngày, ngoài ra còn có vô lượng vô biên Chủ Thần Ban Ngày.

Những Chủ Thần Ban Ngày này đều ở trong diệu pháp sinh ra tâm tin hiểu, không những tin mà còn hiểu rõ. Các Ngài thường tu hành nghiên cứu với nhau, dũng mãnh tinh tấn không giải đãi. Các Ngài cùng trang nghiêm tất cả cung điện, trên đây là chúng thứ mười chín Chủ Thần Ban Ngày.

(còn tiếp)

*Thơ*

*Hoa Năm Nay*

*Kim niên hoa tử khứ niên hảo*

*Kim niên nhân tử khứ niên lão*

*Thùy tri nhân lão bất như hoa*

*Khả tích hoa lạc quân mạc tảo !*

*Năm nay hoa đẹp hơn năm ngoái*

*Năm mới người già hơn năm cũ*

*Ai hay người già chẳng như hoa*

*Tiệc thay hoa rụng có ai mừng !*

Hoà Thượng Tuyên Hoá

# KINH PHÁP HOA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch : Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập

Việt dịch : Thích Minh Định

## Tiếp theo kỳ trước

Những vị đại A La Hán này vì đều đã đắc được lậu tận thông, cho nên chẳng còn phiền não. "Chẳng còn" nghĩa là chẳng có nữa. Những gì cần làm các Ngài đã làm xong, chẳng còn thọ thân sau nữa. Sinh tử đã dứt, cho nên chẳng có phiền não. Phiền não cứu kính có bao nhiêu ? Có tám vạn bốn ngàn, nhưng tổng quát lại thì tức là vô minh. Vô minh sinh ra tất cả phiền não, phân ra thành ba loại, tức là tham, sân, si, ba độc. Ba độc này che lấp Phật tánh của mọi người. Chúng ta từ vô thủy cho đến hiện tại chưa thành Phật là vì có ba thứ phiền não này. Ba thứ độc này độc hại người sinh ra trong cơn say, chết đi trong ảo mộng, khiến cho không thể trở về nguồn cội, khôi phục lại bộ mặt thật của thuở nào. Nhưng nếu tu ba học vô lậu : Giới, định, huệ thì có thể diệt trừ ba độc này, khôi phục lại thanh tịnh.

Gới : Gới tức là chấm dứt làm các điều ác, phòng ngừa việc quấy, đối trị với tâm tham. Tâm tham tức là tham mà không chán, không biết đủ. Người nhiếp chánh có dã tâm lớn đều muốn nuốt chiếm đoạt đất đai tài sản của nước khác. Người tham lam luôn luôn muốn tất cả vật chất của thế giới quy thuộc về mình. Có tâm tham thì sẽ sinh ra niệm tà, tham tài vật không thể có được. Vì sao sinh ra tham ? Là vì không hiểu về giới. Giới thì chấm dứt làm các điều ác, phòng ngừa việc quấy, kêu bạn nên biết đủ, đừng tham lam. Bạn giữ được giới luật thì có thể chiến thắng lòng tham của bạn.

Định : Tức là có định lực, chẳng có định lực thì sẽ nổi giận, thấy người thấy việc đều cảm thấy không vừa mắt. Nếu chẳng có ai, mình thấy không vừa mắt thì sẽ nổi giận. Có người không những chính mình nổi giận mà còn đánh mình nữa, cho một bạt tai vào má trái, lại sợ má phải "ăn dấm" cho nên lại bồi cho một bạt tai.

"Ăn dấm" là một câu chuyện vào thời xưa của Trung Quốc. Vào đời Đường có một ông quan đại

thần là thuộc hạ của vua, ông ta rất sợ vợ vô cùng. Ông quan này nếu mỗi lần về nhà trễ thì vợ của ông ta bắt ông ta quỳ ở trước giường cho đến khi bà ta bảo thôi thì ông ta mới dám đứng lên. Ông quan này ban ngày thấy hoàng đế thì phải lạy, ban đêm về nhà trễ thì phải quỳ vợ. Ông quan này rất thân với hoàng đế, do đó đem tình hình trên nói với hoàng đế, hoàng đế lập tức nói có biện pháp. Sang ngày sau hạ thánh chỉ gọi vợ của ông quan vào cung, hoàng đế nói với bà ta : "Chồng của bà chẳng làm bậy với người nữ, cũng chẳng làm việc sai quấy, chỉ về nhà trễ mà thôi, sao bà lại bắt ông ta phạt quỳ trước giường ? Đó thật là chẳng đúng, nếu về sau bà không tái phạm nữa thì trăm tha thứ bà vô tội, còn nếu về sau cũng như thế thì trăm bắt người chết, bà phải uống thuốc độc dưới tay của Trẫm". Bà ta nói : "Tốt ! Tôi chịu uống thuốc độc, dù tôi có chết cũng phải nghiêm trị ông ta". Do đó bèn bưng bát thuốc độc uống một hơi cạn sạch. Nhưng uống xong rồi vẫn không chết, chỉ cảm thấy bụng chua chua. Nguyên do chẳng phải là thuốc độc mà là một chén dấm. Hoàng đế cố ý nói dấm là thuốc độc để thử bà ta có dám uống chẳng, không ngờ bà ta có chí khí sắt đá, dù bà ta có thể uống thuốc độc chết, cũng phải nghiêm trị chồng, cho nên từ đó về sau Trung Quốc lưu truyền về chuyện "ăn dấm" này hoặc là "uống dấm" nghĩa là vợ rất là nghiêm nghị đối với chồng.

Vậy người rất nóng giận sao lại phải đánh mình ? Vì y chẳng có định lực, cho nên thấy người thấy việc thấy mình đều cảm thấy chẳng vừa mắt. Cho nên phải tu định, khi có định lực thì không nổi tâm sân hận mà hàng phục được cơn ma sân hận.

Huệ : Vì sao ngu si ? Vì chẳng có trí huệ, suốt ngày đến tối khởi vọng tưởng, làm chi phối tâm không được nghỉ ngơi, đều vì chẳng có trí huệ,

cho nên đối với bất cứ việc gì đều nhận thức không rõ ràng, hồ đồ điên đảo. Người có trí huệ thì việc đến thì ứng, việc đi thì lặng". Việc gì đến thì ứng phó nó, đều đón nhận mà giải quyết ; việc đi rồi thì để tâm nghỉ ngơi, không bắt tâm phải làm nô lệ cho thân thể. Bây giờ tôi nói với bạn một câu sự thật : "Ngu si là gì ? Tức là trí huệ". Bạn sẽ nói : "Thầy lại nói hồ đồ rồi, nếu như ngu si là trí huệ, trí huệ là ngu si thì sao lại còn phải học trí huệ mà vứt bỏ ngu si ?"

Bạn đừng cho rằng tôi nói pháp lộn xộn, tôi nói ngu si này bản thể của nó có thể biến thành trí huệ, chẳng phải nói lia khỏi ngu si, mà đi tìm trí huệ riêng ngoài. Trí huệ vốn ở trong ngu si, song, bạn không biết dùng nó, nếu bạn dùng nó được thì nó tức là trí huệ, không dùng được nó tức là ngu si. Ví như định tức cũng là sân, sân cũng tức là định. Bạn muốn đắc được định lực thì hãy biến cái sân hận thành định lực. Bạn thật muốn trì giới thì trong sự tham biến thành giới, chứ chẳng phải đi tìm bên ngoài. Tất cả những thứ này đều nằm ở trong tự tánh của bạn. Bạn dùng được nó thì tức là giới định huệ, không dùng được tức là tham sân si. Diệu lý là tại chỗ này, bạn không minh bạch cũng tại chỗ này.

Những vị A La Hán này vì các lậu đã sạch, chẳng còn phiền não, cho nên những gì cần làm đã làm xong. Tại sao chúng ta tự mình không đắc được lợi ích ? Vì lúc được lúc mất, lúc có lúc không. Thế nào mới gọi là chân chánh, đắc được lợi ích cho chính mình ? Tức là hiểu biết thật sự, đắc được trí huệ chân thật, chứng được quả A La Hán, mình giác ngộ rồi lại lợi ích chính mình.

"Dứt sự ràng buộc trong các cõi". Gì gọi là sự ràng buộc trong các cõi ? Tức là nghiệp và chướng, tức là dục giới, sắc giới và vô sắc giới, lại gọi là tam hữu (ba cõi) . Tam hữu phân ra thì có hai mươi lăm cõi. Dục giới có mười bốn cõi : Tức là bốn đại châu (Đông Thắng Thần châu, Nam Thiệm Bộ châu, Tây Ngưu Hóa châu, Bắc Câu Lưu châu), bốn đường ác (A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục), sáu cõi trời dục giới (Tứ Thiên Vương, Trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời Đâu Xuất, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa Tự Tại). Sắc giới có bảy cõi : Tức là Trời Tứ Thiên (trời sơ thiên, trời nhị thiên, trời tam thiên, trời tứ thiên), Trời Đại Phạm, Trời Vô Tướng, Trời Ngũ Bát Hoàn. Vô sắc giới có bốn cõi : Tức là Trời Tứ

Không Xứ (trời không vô biên xứ, trời thức vô biên xứ, trời vô sở hữu xứ, trời phi tướng phi phi tướng xứ). Dứt sự ràng buộc trong các cõi tức là vượt ra ba cõi, không ở trong cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Do đó : "Vượt ra khỏi ba cõi, không ở trong ngũ hành", như thế mới thật sự chấm dứt sinh tử.

Có những người chẳng minh bạch về Phật pháp, cho rằng tu đến Trời Tứ Thiên tức là cao siêu nhất rồi. Kỳ thật, đó vẫn còn ở trong tam giới hai mươi lăm cõi, căn bản họ chẳng biết gì là tốt, trong sự tu hành có thể nói là xa lại càng xa, song, những người đó hồ đồ, nói với mọi người rằng đã đạt tới cảnh giới cao nhất. Giống như Tỳ Kheo Vô Văn, lấy tứ thiên làm tứ quả, đến được cảnh giới tứ thiên cho rằng đã chứng tứ quả, khi ông ta bị đọa lạc thì phỉ báng Phật rằng : "Phật nói chứng được tứ quả thì dứt sinh tử, sao tôi bây giờ còn đọa lạc ?" Phỉ báng Phật thì càng đọa lạc vào bốn đường ác, vĩnh viễn không ra khỏi, không những chỉ một mình Tỳ Kheo Vô Văn đọa vào địa ngục mà bao nhiêu đồ đệ theo ông ta cũng đi theo vào địa ngục. Do đó có câu :

"U mê truyền cho u mê,  
Một truyền hai chẳng hiểu,  
Ông thầy đọa địa ngục,  
Đệ tử cũng theo vào".

"Tâm được tự tại". Những vị A La Hán này trong tâm khoái lạc vô biên, tiêu giao tự tại, giống như Bồ Tát Quán Tự Tại, suốt ngày đến tối ngồi tham thiền, rất khoái lạc vô ngần, chẳng có tư hào phiền não, tâm thật sự đắc được tự tại, trí huệ. Sự khoái lạc ở đây, bên trong thật sự tự tại, chứ chẳng phải bên ngoài cố ý tạo tác la lên om sòm. Bạn đừng cho rằng suốt ngày đến tối la lối thì tức là khoái lạc, ngược lại đó là phiền não điên đảo ! Tại sao ? Bạn thấy được việc của bạn thích thì bị nó chuyển, chính mình còn chẳng có định lực, mà la lối cười điên lên, đó thật sự có gì khoái lạc ? Chẳng có gì cả !

TÊN CỦA CÁC NGÀI LÀ : A NHÃ KIỀU TRẦN NHỰ, MA HA CA DIẾP, UU LẦU TẦN LOA CA DIẾP, GIÀ DA CA DIẾP, NA ĐỀ CA DIẾP, XÁ LỢI PHÁT, ĐẠI MỤC KIỀM LIÊN, MA HA CA CHIÊN DIÊN, A NẬU LẬU ĐÀ, KIẾP TÂN NA, KIỀU PHẠM BA ĐỀ, LY BÀ ĐÀ, TẮT LẶNG GIÀ BÀ THA, BẠT CẬU LA, MA HA CẬU HI

LA, NAN ĐÀ, TÔN ĐÀ LA NAN ĐÀ, PHÚ LẬU  
NADI ĐALA NI TỬ, TU BỒ ĐỀ, A NAN, LA HẦU  
LA.

Những tên vừa cử ra ở trên là đại chúng, hai mươi  
mốt vị đại Thanh Văn đệ tử của Phật ở trong một  
vạn hai ngàn người của đại hội Pháp Hoa.

1. "A Nhã Kiều Trần Như". Ngài là một trong năm vị  
đầu tiên được Phật độ trước nhất. Phật ở dưới cội bồ  
đề thấy sao mai mọc mà ngộ đạo, do đó Phật thốt lên  
ba lần lành thay : "Hết thảy chúng sinh đều có Phật  
tánh, đều có thể thành Phật". Đức Phật chỉ nói hết  
thảy chúng sinh đều có Phật tánh, đều có thể thành  
Phật, chứ chẳng phải nói tất cả chúng sinh tức là Phật,  
song, có những đệ tử của Phật sau này hoặc là Phật  
giáo đồ nói : "Ai ai cũng đều là Phật, người và Phật  
chẳng có khác biệt ". Đó tức là kẻ đui dẫn người mù,  
muốn lừa mắt thiên hạ.

Đức Phật thốt lên ba lần lành thay, rồi dùng diệu  
quán sát trí quán sát, biết trước hết phải đến vườn  
Lộc Uyển độ năm anh em Kiều Trần Như. Vì sao ?  
Vì trong quá khứ năm vị này chuyên môn phá hoại  
và phỉ báng Đức Phật. Trong vô lượng kiếp về  
trước, tuy nhiên sáu người cùng phát tâm tu đạo,  
nhưng năm người họ liên kết với nhau khinh khi  
Phật, có khi đánh Ngài, mắng Ngài, ăn thịt Ngài  
hoặc uống máu của Ngài, song, Đức Phật không  
những không khởi tâm oán giận họ mà ngược lại  
Ngài phát nguyện nói : "Các vị thật trợ giúp cho ta  
tu hành ! Nếu ta tương lai có thể thành Phật thì nhất  
định phải độ các vị trước hết. Hiện tại các vị đối  
với ta không tốt, nhưng ta chẳng phiền não oán  
giận chút nào, ngược lại ta càng đối xử tốt với các  
vị ". Đức Phật nhấn nhục được như thế thật là quá  
vĩ đại, chúng ta mỗi người tu đạo hãy học theo  
 gương tốt ấy.

Lại có câu chuyện về vua Ca Lợi và Tiên Ông nhấn  
nhục. Thuở xưa Đức Phật tu hành thì chuyên tu  
pháp môn nhấn nhục, cho nên gọi là Tiên Ông  
nhấn nhục. Một ngày nọ, vua Ca Lợi (tiền thân của  
Kiều Trần Như) đem một số cung phi mỹ nữ vào  
rừng săn bắn, trong sự vô ý các cung phi mỹ nữ  
thấy Tiên Ông nhấn nhục đang ngồi thiền, do đó  
bèn quây quần ông ta để hỏi đạo. Vua Ca Lợi cho  
rằng Tiên Ông nhấn nhục dụ dỗ phi tần của vua,  
bèn sinh tâm đố kỵ, do đó bèn chặt tay chân tứ chi  
của Tiên Ông nhấn nhục. Mỗi khi vua chặt một chi

thì hỏi : "Trong tâm ông có oán giận tôi chăng ?"  
Tiên Ông nhấn nhục đáp : "Tôi chẳng giận ông,  
nếu tôi không sân hận thì tứ chi của tôi hoàn lại  
như cũ, nếu có tâm sân hận thì tứ chi của tôi  
không thể hoàn lại như cũ". Vừa nói xong thì quả  
nhiên tay chân tứ chi hoàn lại như cũ, lúc đó tất  
cả Hộ Pháp thiện thần phần nọ vua Ca Lợi bèn  
mưa đá xuống chỗ của vua Ca Lợi để trừng phạt  
vua Ca Lợi. Nhưng Đức Phật cầu thỉnh với các vị  
thiện thần : "Đừng trách ông ta, ông ta đến khảo  
nghiệm tôi, để tôi thành tựu đạo nghiệp. Tương  
lai khi tôi thành Phật thì trước hết tôi sẽ độ ông  
ta". Tuy nhiên Ngài A Nhã Kiều Trần Như đối xử  
rất thậm tệ với Phật, nhưng Đức Phật thành Phật  
rồi thì độ ông ta trước nhất. "A Nhã" nghĩa là  
"giải bốn tề" cũng gọi là khai ngộ đầu tiên.

2. "Ma Ha Ca Diếp". Ma Ha nghĩa là lớn (đại),  
do đó Ma Ha Ca Diếp tức là Đại ca Diếp. Ca  
Diếp dịch là "ấm quang", còn ại gọi là "đại quy  
thị". Đại Quy Thị là họ của Ngài, vì khi tổ tiên  
của Ngài tu đạo thì thấy một con rùa lớn công  
trên lưng một họa đồ, cho nên lấy đó mà làm họ.

Tên của Ngài Đại Ca Diếp là Tí Bát La. Tí Bát La  
là tên cây, vì cha mẹ của Ngài cầu nguyện với  
cây này mà sinh ra Ngài, cho nên lấy Tí Bát La  
làm tên, và trên thân của Ngài có quang minh,  
che lấp hết các quang minh khác, giống như  
uống (ấm) hết tất cả quang minh khác. Sao Ngài  
lại có quang minh ? Có câu chuyện như vậy : Vợ  
của Ngài (Tỳ Kheo Ni Tử Kim Quang) trong quá  
khứ là một người nữ rất nghèo nàn. Sau khi Đức  
Phật Tỳ Bà Thi diệt độ, có người làm tháp thờ  
Phật và tạo tượng Phật trải qua thời gian lâu thì  
tháp cũng hư hoại mà tượng cũng hư. Do đó  
người nữ này thấy vậy bèn phát Bồ đề tâm muốn  
sơn sửa lại tượng Phật ở trong Chùa, cho nên cô  
ta đi các nơi xin tiền, mỗi ngày tiền xin được thì  
mua vàng, khổ nhọc trải qua mười chín năm, số  
vàng tích tụ cũng không ít, cô ta mời một thợ đúc  
vàng đến để thếp vàng tượng Phật. Khi thợ đúc  
vàng biết cô ta cực khổ như thế, khiến cho ông ta  
rất cảm động, ông ta bèn đi quyên mọi người  
thêm để tu bổ tượng Phật, cho nên ông ta cũng  
phát tâm muốn giúp đỡ cô ta làm. Hai người  
cùng nhau trùng tu Chùa và tượng Phật lại đẹp đẽ  
rồi, ông thợ vàng xin cầu hôn với người nữ nghèo  
đó, người nữ nghèo cũng vui vẻ đáp ứng. Hai



người kết hôn rồi thì phát nguyện đời đời kiếp kiếp đều muốn làm vợ chồng. Vì thép vàng tượng Phật cho nên hai người thân thể đều phóng kim quang, do đó khi Ngài Ca Diếp ra đời thì trên thân có kim quang (áng sáng vàng). Sau khi Ngài lớn lên, cha mẹ của Ngài muốn Ngài cưới vợ, Ngài nói : "Thân của con phóng kim quang, thì phải tìm người nữ trên thân cũng có kim quang thì con mới cưới cô ta, nếu không thì con sẽ sống độc thân". Thời gian sau tìm được một người nữ trên thân cũng phóng kim quang, cho nên hai người kết hôn với nhau. Hai người kết hôn rồi đều cùng xuất gia tu đạo, chứng được quả vị A La Hán rồi mới biết trong quá khứ đã từng phát nguyện đời đời kiếp kiếp đều muốn làm vợ chồng.

Bạn đừng làm rằng họ phát nguyện đời đời kiếp kiếp làm vợ chồng mà nói rằng : "Tương lai tôi gặp người nam (người nữ), tôi cũng muốn y phát nguyện như thế, đời đời kiếp kiếp đều làm vợ chồng". Tuyệt đối đừng như thế, họ phát nguyện đời đời kiếp kiếp làm vợ chồng là muốn tu đạo, đều phải quy y Tam Bảo, xuất gia tu đạo, bạn đừng phát nguyện đời đời kiếp kiếp làm vợ chồng, vì càng làm càng đọa vào địa ngục, phải xuất gia tu đạo mới có thể, cho nên Ngài Ca Diếp và vợ của Ngài xuất gia đều chứng quả.

Ngài Ma Ha Ca Diếp là vị Tổ thứ nhất. Bạn có muốn gặp vị Tôn Giả này chăng ! Bây giờ Ngài vẫn còn ở trong thế giới này, Ngài đang ngồi thiền nhập định trong núi Kê Túc ở Tỉnh Vân Nam Trung quốc. Ngài đợi đến khi Bồ Tát Di Lặc ra đời thành Phật thì đem y bát của Phật Thích Ca giao cho Đức Phật Di Lặc. Bây giờ Ngài vẫn chưa viên tịch. Nếu các bạn ai thành tâm đến núi Kê Túc lạy Ngài Ma

Ha Ca Diếp thì sẽ có thể thấy Ngài. Tại núi Kê Túc thường có ba thứ quang minh : Quang minh của Phật, quang minh màu vàng và quang minh màu bạc. Nếu ai có thành tâm, không những có thể thấy quang minh mà còn có thể nghe tiếng chuông. Tiếng chuông đó dù ở ngoài mấy trăm dặm cũng có thể nghe được.

Ngài Ca Diếp là người lớn tuổi nhất trong số đệ tử của Đức Phật, cũng là người tu khổ hạnh bậc nhất. Nhưng Ngài càng già thì càng có tinh thần sức lực. Cha mẹ của Ngài người ở nước Ma Kiệt Đề, giàu có vô cùng có thể nói "Phú khả địch quốc", mà vua nước Ma Kiệt Đề cũng từng lạy Ngài làm thầy, nhưng từ khi Ngài theo Phật xuất gia tu đạo thì không những đem tài sản ra bố thí mà còn chuyên môn hành đầu đà khổ hạnh, chịu khổ chịu cực. Một ngày nọ, khi Đức Phật thuyết pháp thì Phật chia cho Ngài nửa tòa ngồi, kêu Ngài Ca Diếp cùng ngồi. Lúc đó Ngài Ca Diếp đã già lắm, khoảng một trăm bốn mươi lăm tuổi (145 tuổi). Phật nói với Ngài Ca Diếp : "Ông tuổi đã quá lớn rồi, tinh thần chắc chắn không được sung túc, ông hành đầu đà khổ hạnh sợ chịu không được. Ông đừng hành khổ hạnh nữa, thay đổi ăn uống ngon một chút, mặc tốt hơn một chút, ở chỗ thích hợp hơn một chút !" Nhưng Ngài cũng nghe lời của Đức Phật, Ngài vẫn cứ hành khổ hạnh. Do đó Ngài được Đức Phật khen ngợi : "Phật pháp của ta trụ thế lâu dài là có quan hệ rất lớn với sự tu hành đầu đà khổ hạnh của Đại Ca Diếp. Nếu cứ tu hành đầu đà khổ hạnh như thế thì Phật pháp của ta nhất định trụ thế lâu dài". Cho nên Tổ Sư Ma Ha Ca Diếp là người tu hành đầu đà khổ hạnh bậc nhất.

(còn tiếp)

# CHÚ LĂNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

## 20. ĐỂ BA ĐA NA NĂM.

Kệ : *Chư thiên thần tướng hộ pháp thành  
Con nay xin thỉnh nguyện lai lâm*

*Thượng thiện phật ác rất công bình  
Cẩn thận tu hành chớ lơ là.*

Giải : Để Ba tức là "trời", tất cả chư thiên. Đa Na tức là "bất lai" không thọ sinh tử trong tam giới

nữa. Đây là nói tắt cả chư thiên có binh trời tướng trời, thiên thần đến hộ pháp thành, hộ trì người tu hành trì Chú. "*Con xin thỉnh nguyện lai lâm*". Con nay niệm một câu Chú thì hộ pháp thần đều đến. "*Thường thiện phật ác rất công bình*". Chư thiên thường thiện phật ác tại nhân gian, thấy có công thì thưởng cho bạn, có tội thì phạt bạn. "*Cẩn thận tu hành chớ lơ là*". Do đó người tu đạo không thể ăn nói bậy bạ, tùy tiện nói nói, muốn nói gì thì nói, tu hành phải kiểm điểm thân miệng ý. Thân miệng ý ba nghiệp luôn luôn phải thanh tịnh.

## 21. Nam Mô Đê Bà Ly Sát Noả.

Kệ : *Đánh lễ trời cõi dục cõi sắc  
Trường sanh bất lão luyện tiên đan  
Ngũ khí đầy đủ thấy đại đạo  
Tu lâu thuần dương thọ vạn niên.*

Giải : Nam Mô tức là "quy mạng đánh lễ". Đê Bà dịch là "thiên", Ly Sát Noả dịch là "sắc", tức là quy y chư thiên chúng cõi dục và cõi sắc. "*Trường sanh*

*bất lão luyện tiên đan*". Chư thiên trên trời đều nhận thấy rằng sinh về trời rất tốt, nguyên lai trong quá khứ họ không biết có Phật Pháp Tăng, chỉ biết tu hành, tu trường sinh bất lão, không muốn chết, chỗ này không giống trong Phật giáo. Trong Phật giáo thì chứng quả, chứng quả A La Hán. Sơ quả Tu Đà Hoàn là bậc thấy đạo, đoạn trừ tám mươi tám phẩm kiến hoặc, tư hoặc chưa đoạn. Nhị quả Tư Đà Hàm và Tam quả A La Hàm là bậc tu đạo, đang tu đoạn trừ kiến hoặc và tư hoặc. Tứ quả tức là bậc chứng đạo, đoạn trừ vô minh hiển pháp tánh, thô hoặc, tế hoặc, trần sa hoặc đều đoạn sạch, mới không có vọng tưởng, không có vọng tưởng thô, nhưng hoặc vi tế và vọng tưởng vi tế vẫn còn, quán sát vẫn không thấy được, nhưng rõ ràng chưa đoạn sạch. Đến sơ địa Bồ tát, nhị địa cho đến thập địa vẫn chưa đoạn sạch, khi đến đẳng giác Bồ tát vẫn còn một phần sinh tướng vô minh chưa đoạn, cho nên chưa thành Phật. Người sinh về trời đều hy vọng trường sinh bất lão, chấp giữ cái túi da hôi thối. Trong Phật giáo gọi họ là thủ thi quý, quý giữ thầy chết, xả chẳng đặng thầy chết, cho rằng túi da hôi thối này rất quý báu, đừng không cũng mang đi, giá vân cũng mang đi, luôn luôn cùng với túi da

hôi thối, cho nên gọi là thủ thi quý (quý giữ thầy chết). Đương nhiên danh từ "*quý*" này không đẹp lắm, có thể cải là thủ thi thần, bất quá, túi da hôi thối này có thể giữ được mấy vạn năm rồi cũng sẽ hoại, đến thời sẽ đọa lạc, đáo để luyện đan là luyện cái gì ? Có thuyết nói là ăn đàm, ăn nước mũi, đó là những người không biết luyện đan, người chân thật hiểu biết là luyện tinh, khí, thần, luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hoàn hư, gì cũng chẳng có, luyện hư hoàn không với hư không hợp mà làm một, rõ ràng họ còn chấp trước, cho nên cảnh giới rất nhỏ, không phải toàn thể đại dụng, tức là họ chấp trước đó là đan, cũng như rồng chấp trước hạt châu của nó. Pháp môn luyện đan, trong không lại sinh có, luyện đến lúc luyện hư hóa không, chẳng phải là luyện dễ dàng. Phải cần có năm khí đầy đủ. Năm khí là gì ? Tức là : Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, tức cũng là tim, gan, tỳ, phổi, thận. Tim thuộc hỏa, gan thuộc mộc, tỳ thuộc thổ, phổi thuộc kim, thận thuộc thủy. Tim là màu đỏ, gan là màu xanh, tỳ là màu vàng, phổi là màu trắng, thận là màu đen. Năm khí kim mộc thủy hỏa thổ này, luyện đến viên mãn không thiếu không thừa, thì khôi phục lại bốn thể, đạt được năm khí triệu nguyên thì trong mỗi một khí, trong mỗi một hạnh đều có đủ năm hạnh và năm hạnh lại hợp mà làm một. Năm hạnh hợp thành một thì mới tập trung được, đến được thiên môn, liền được tam hoa tụ đỉnh, năm khí đầy đủ, bèn thành thần tiên sống. Cho nên năm khí đầy đủ gọi là đại đạo, lúc đó thì có thần thông, bay đi tự tại. Ngoài thân có thân, tướng mà vô tướng. "*Tu lâu thuần dương thọ vạn niên*". Tu lâu tức là tu hành trải qua lần này rồi lần khác không biết tu đã trải qua bao nhiêu lần, trở thành thuần dương không có âm khí, không có đố kỵ, chướng ngại, phiền não, không có tâm tham, tâm sân, tâm si. Cho nên gọi là "hoạt tử nhân" (người sống như đã chết). Bạn nói người ấy chết rồi chẳng ? Người ấy vẫn còn hơi thở, bạn nói người ấy còn sống chẳng ? Người ấy không còn tham sân si, đố kỵ, chướng ngại như những kẻ khác. Vì những thứ đó đều là âm khí, nhưng mà thứ thuần dương này có chỗ bất đồng với Phật giáo, được ít cho là đủ, không tiếp tục nỗ lực, phé bỏ giữa đường, có sự giới hạn, có một cảnh giới, có sở chấp trước, còn chấp trước túi da hôi thối này (thân thể này), buông cũng buông không được, xả

cũng xả không xong, đi đến bất cứ nơi nào cũng phải mang túi da hôi thối này, còn chưa được *"Đồng thể với vạn vật, làm một với hư không, chưa được vô lượng vô biên với pháp giới tánh mà làm một, vì chưa thoát khỏi luân hồi, chưa phá được chấp trước, thần thông dù lớn vẫn còn tướng ta, chấp cái ta"*. Chư thiên, người trời đều niệm Chú, Chú này một khi niệm thì có thể dời núi lấp biển, đem núi phía bắc dời xuống phía nam, bưng núi lớn đem vào quả địa cầu như người chơi banh, làm việc gì cũng đều làm được, biến hóa vô cùng, tự có hóa không, tự không hóa có, mùa xuân biến thành mùa đông, mùa đông biến thành mùa xuân, vì do sự tu hành của họ cũng có chỗ tốt và sự diệu dụng. Mấy năm nay mọi người nói, khí hậu thường thay đổi, đại khái là thần tiên trên trời biểu diễn xem thần thông của họ lớn cỡ nào.

*hóa quần luân độ mọi loài"*. Giáo hóa khắp hết thấy Chúng sinh, hết thấy mọi loài. Cho nên Phật đang nghỉ ngơi tại cung trời Đâu Xuất ; nghỉ ngơi xong rồi sẽ hiện xuống nhân gian thành Phật, lúc đó sẽ có rất nhiều việc làm, phải giáo hóa chúng sinh. Cho nên trời Đâu Xuất là nơi rất lý tưởng, ai sinh về đó đều rất thanh nhàn tự tại, không cần làm mà vẫn có cơm ăn, áo mặc, thọ nhiều người cúng dường.

(còn tiếp)

## 22. Nam Mô Tất Đà Gia.

Kệ : *Bổ xứ tri túc thường an lạc  
Không suy không nghĩ không quá ngại  
Duyên đến hàng sanh xuống Ta Bà  
Giáo hóa quần luân độ mọi loài.*

Giải : Tất Đà Gia tức là "Trời Đâu Xuất", dịch là Trời Tri Túc. *"Bổ Xứ tri túc thường an lạc"*. Cho nên biết đủ thì thường an lạc, nhẫn nhịn được thì yên vui, vừa biết đủ vừa nhẫn nhục thì chẳng có phiền não. Ở Trời Đâu Xuất rất khoái lạc và yên tĩnh, du nhàn tự tại. *"Không suy không nghĩ không quá ngại"*. Không suy nghĩ lo lắng gì hết, tâm quá khứ không thể nắm bắt được, tâm hiện tại không thể nắm bắt được, tâm vị lai không thể nắm bắt được, ba tâm đều không thể nắm bắt được, không lo không nghĩ không quá ngại, bạn nói đó không phải rất thanh nhàn, rất khoái lạc, thì bạn quá nhiều phiền não, do đó không vui sướng, vì bạn không nghĩ cái này thì tưởng cái kia, tham cầu danh, tham không được thì sinh phiền não ; tham cầu lợi, tham không được thì sinh phiền não, tham cầu sắc đẹp, tham không được thì sinh phiền não, tham cầu không biết đủ, tham mà không biết chán thì có nhiều phiền não. *"Duyên đến hàng sanh xuống Ta Bà"*. Vị Bồ Xứ chờ để hàng sanh. Bồ xứ là gì ? Là nơi bồ làm Phật (trong tương lai), đợi thành Phật, đợi đến cơ duyên thành thực thì hàng sanh xuống thế giới Ta Bà, đến thế giới kham nhẫn này. *"Giáo*

# Chú ãi Bi

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

## 38. A La Sâm, Phật La Xá Lợi.

Kệ :

Tứ thập nhị thủ diệu vô cùng  
Thông thiên đạt địa cảm mê mông  
Bãi nô cung tiễn oai thần tốc  
Cường giả điều phục nhược giả hưng.

"A La Sâm" cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "chuyển luân pháp vương". Chuyển là vận chuyển, luân là bánh xe pháp, tức là đấng Pháp Vương chuyển bánh xe pháp. Chuyển đại pháp luân là luôn luôn diễn nói diệu pháp đại thừa, đạo lý nói ra rất thâm sâu vi diệu, những người khác nói không được vi diệu pháp mà bạn giảng giải rất tỉ mỉ, đó gọi là chuyển luân pháp vương.

Thủ Nhân này là "Chưởng Thượng Hóa Phật Thủ Nhân". Bạn tu pháp này thì đời đời kiếp kiếp đều luôn luôn theo chư Phật tu học, luôn luôn sinh vào chỗ của chư Phật.

Ở Đài Loan cũng có vị Pháp sư nào đó giảng Chú Đại Bi, mỗi một Thủ Nhân ông ta đều giảng thành một vị Bồ Tát. Ví như "Chưởng Thượng Hóa Phật Thủ Nhân" thì ông ta nói là "Chưởng Thượng Hóa Phật Bồ Tát Thủ Nhân". Đó là sai một ly đi một dặm. Tại sao ? Vì vốn chẳng có tên vị Bồ Tát này ! Bạn hãy mở toàn bộ Đại Tạng Kinh ra, từ đầu đến cuối chẳng có một Bồ Tát nào gọi là "Chưởng Thượng Hóa Phật Bồ Tát", chẳng có. Bạn có thể nói như vậy : "Bồ Tát tu Chưởng Thượng Hóa Phật Thủ Nhân"; ý nghĩa này khác nhau. Bạn đem tên của Thủ Nhân làm tên cho Bồ Tát, như thế thì chẳng có căn cứ, chẳng có căn cứ thì bạn tìm không ra tên của Bồ Tát này.

Giống như câu này ông ta cũng nói : "Như Ý Châu Bồ Tát Thủ Nhân". Như ý châu là tên của hạt châu, hoặc là có một vị Bồ Tát cũng gọi tên đó, song, 42 Thủ Nhân chẳng phải là tên của 42 vị Bồ

Tát, chẳng phải. Ở đây chỉ có thể nói "Bồ Tát tu Như Ý Châu Thủ Nhân", không thể nói : "Như Ý Châu Bồ Tát Thủ Nhân". Bạn nói như thế thì đã sai lại càng sai, bạn cũng không thể nói : "Bảo Bát Bồ Tát Thủ Nhân", chỉ có thể nói : "Bồ Tát tu Bảo Bát Thủ Nhân", chẳng phải Bảo Bát là tên của Bồ Tát. Tôi thấy họ ở Hương Cảng giảng lại quyển "Đại Bi Kinh giảng nghĩa" cũng giảng như thế, biến 42 Thủ Nhân thành 42 tên của Bồ Tát, đó là sai lầm.

Bốn Mươi Hai Thủ Nhân này đều là sở tu của Bồ Tát, chứ chẳng phải là tên của 42 vị Bồ Tát, chỗ này, chúng ta học Phật pháp phải nên biết. Giảng Phật pháp nhất định phải có căn cứ, chẳng có căn cứ mà giảng Phật pháp thì không chánh quyết. Cho nên "A La Sâm" là Chưởng Thượng Hóa Phật Thủ Nhân, là sở tu của Bồ Tát. Vị Bồ Tát nào ? Vị Bồ Tát này không nhất định. Ai tu 42 Thủ Nhân thì người đó là vị Bồ Tát đó, ai không tu thì người đó chẳng phải là vị Bồ Tát đó. Bạn tu 42 Thủ Nhân thành công rồi thì bạn sẽ chứng đắc quả vị Bồ Tát.

"Phật La Xá Lợi" là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "giác thân tử". Các bạn còn nhớ Xá Lợi Phất còn gọi là "Xá Lợi Tử" chăng ? Dịch ra nghĩa là "thân tử", tức là "xá lợi".

"Phật La Xá Lợi" là "giác thân tử", đây là Sở Châu Thủ Nhân, sở tu của Bồ Tát ; sở châu cũng là niệm châu. Bồ Tát tu Sở Châu Thủ Nhân thì có thể đắc được mười phương chư Phật cấp tốc đến nhiếp thọ, được mười phương chư Phật tiếp dẫn vị đó đến mười phương thế giới thành Phật.

## 39. Phật Sa Phật Sâm.

Kệ :

Oai mãnh từ bi đại trượng phu  
Điều phục chúng sinh xuất mê đồ

Cải ác tùng thiện tu chư độ  
Bồi thực phước huệ ngộ chân như.

"Phật Sa Phật Sâm" cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "hoan ngữ hoan tiếu", tức là thích nói, rất hoan hỉ nói. Còn có một ý nghĩa nữa, dịch ra là "Đại Trọng Phu"; còn có một ý nghĩa nữa, dịch ra là "Vô Thượng Sĩ", đó là ba ý nghĩa.

Trong 42 Thủ Nhân thì câu Chú này thuộc về "Bảo Cung Thủ Nhân", ai tu Thủ Nhân này, nếu là người tại gia thì có thể làm quan lớn, nếu là người xuất gia thì có thể chứng quả A La Hán.

## 40. Phật La Xá Gia.

Kệ :

Quán Âm Sư chủ A Di Đà  
Tứ thập bát nguyện hoá Sa Bà  
Tam bối cửu phẩm sinh Cực Lạc  
Thủy lưu phong động diễn Ma Ha.

"Phật La Xá Gia". Ở trên là "Phật La Xá Lị", dịch ra nghĩa là "giác thân tử", còn "Phật La Xá Gia" dịch ra nghĩa là "tượng". Ý ở đây nói là nếu trong tâm của bạn giác ngộ thì làm con của Đấng Tượng Vương. Con của Đấng Tượng Vương tức cũng là Pháp Vương Tử (con của Đấng Pháp Vương), tương lai sẽ làm Đấng Pháp Vương tối cao, cho nên nói "giác tâm giác tượng vương", là ý nghĩa đại khái của câu Chú này.

Câu Chú "Phật La Xá Gia" này là nói bản thân của Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là sư phụ của Bồ Tát Quán Thế Âm ; vì Bồ Tát Quán Thế Âm nơi nơi đều cung kính sư phụ của Ngài, cho nên Ngài nói Chú Đại Bi cũng là tôn trọng sư phụ của Ngài. Câu Chú này là Phật A Di Đà phóng quang để chiếu đến người trì Chú. Câu Chú này tức cũng là "Tử Liên Hoa Thủ". Trong 42 Thủ Nhân có Bạch Liên Hoa Thủ, Thanh Liên Hoa Thủ, Tử Liên Hoa Thủ, Hồng Liên Hoa Thủ. Tu Tử Liên Hoa Thủ Nhân có thể gặp được mười phương chư Phật, do đó Tử Liên Hoa Thủ này rất là quan trọng.

## 41. Hô Lô Hô Lô Ma La.

Kệ :

Quán Âm thị hiện quý thần vương  
Hàng phục chư ma thủ quy chương  
Nhất thiết chúng sinh y giáo hối

Cường giả điều nhu nhược giả xướng.

"Hô Lô Hô Lô Ma La" cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "tác pháp như ý", còn có ý nghĩa nữa là "tố pháp mặc ly ngã". Câu Chú này là "Kim Chạc Ngọc Hoàn Thủ Nhân". Chúng ta tu 42 Thủ Nhân gọi là "tác pháp". "Như ý" là toại tâm như ý. Bạn tu Thủ Nhân này thành công rồi thì sẽ toại tâm như ý.

"Tố pháp mặc ly ngã", "tố pháp" tức là tu hành, tức là chính mình phải tu hành, chứ chẳng phải kêu người khác tu hành. Cho nên tu pháp này thì pháp này chẳng lừa ta, ta cũng chẳng lừa pháp này, "ta, pháp", biến thành một. Tức nhiên biến thành một, cũng chẳng có pháp, cũng chẳng có ta ; ta và pháp hai chấp đều không ; cũng chẳng có pháp chấp, cũng chẳng có ngã chấp, đây gọi là "mặc ly ngã". Tu Kim Chạc Ngọc Hoàn Thủ Nhân hay khiến cho tất cả chúng sinh đều nghe sự giáo hóa của bạn ; bạn giáo hóa họ tu hành pháp gì thì họ tu pháp đó.  
(còn tiếp)

# ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

## Tiếp theo kỳ trước

**HỎI** : Mười bốn thứ khó không đáp, nên biết không phải là người nhất thiết trí. Đó là :

1. Thế giới và ngã là thường.
2. Thế giới và ngã vô thường.
3. Thế giới và ngã cũng hữu thường cũng vô thường.
4. Thế giới và ngã cũng chẳng thường cũng chẳng vô thường.
5. Thế giới và ngã có biên vô biên.
6. Thế giới và ngã cũng có biên, cũng vô biên.
7. Thế giới và ngã cũng chẳng có biên, cũng chẳng vô biên.
8. Sau khi chết, có thần thức đi đời sau.
9. Sau khi chết, không thần thức đi đời sau.
10. Sau khi chết, cũng có thần thức đi.
11. Sau khi chết, cũng không thần thức đi.
12. Sau khi chết, cũng có thần thức đi, cũng không thần thức đi.
13. Sau khi chết, cũng chẳng có thần thức đi, cũng chẳng không thần thức đi.
14. Thân ấy, thần ấy. Thân khác, thần khác.

Nếu Phật là người nhất thiết trí, mười bốn điều khó này tại sao không đáp ?

**ĐÁP** : Việc này không thực cho nên không đáp.

Các pháp có thường, không có lý ấy. Các pháp có đoạn, không có lý ấy. Thế nên Phật không

đáp. Như có người hỏi : vắt sừng trâu được mấy học sữa ? Đó là phi vấn, không nên đáp. Lại nữa, thế giới vô cùng như vành bánh xe quay,

không trước không sau. Lại nữa, đáp không lợi, rơi vào ác tà. Phật biết 14 khó thường che tứ đế và thực tướng của các pháp như qua nơi có vi trùng ác chẳng nên đưa người qua. Lại nữa có

người nói : việc ấy không phải là người nhất thiết trí thì không giải được. Bởi người ấy không biết nên Phật không đáp. Lại nữa, nếu có nói không, không nói có, ấy là người phi nhất thiết trí. Người nhất thiết trí có nói có, không nói không. Phật có chẳng nói không, không chẳng nói có, chỉ nói thực tướng của các pháp, sao chẳng gọi là người nhất thiết trí ? Ví như mặt trời bất kể cao thấp hay ngang mặt đất đều chiếu khắp nơi. Cũng như thế, Phật nói thực trí tuệ, chiếu soi mọi sự vật. Có một đạo nhân hỏi Phật rằng : Đại đức, mười hai nhân duyên, Phật làm ra chăng ? hay người ta làm ra ? Ta không làm, người khác cũng không làm. Có Phật hay không có Phật, sinh nhân duyên lão tử là pháp thường định. Phật hay nói sinh nhân duyên lão tử cho đến vô minh nhân duyên chư hành.

Lại nữa, trong 14 điều này nếu đáp thì có tội lỗi. Nếu có người hỏi : Con của thạch nữ và hoàng môn (người không căn) hình dạng như thế nào ? Điều đó không nên đáp vì họ không có con.

Lại nữa, 14 điều này là tà kiến không thực. Phật thường lấy chân thực vì thế mà để đó không đáp. Lại nữa, để đó không đáp là một cách đáp. Có bốn thứ đáp : một là quyết định đáp như Phật là niết-bàn an ổn thứ nhất, hai là giải nghĩa đáp, ba là đáp bằng cách hỏi lại, bốn là đáp bằng cách để lại đó.

Thực có người nhất thiết trí mà ông cố nói là không, đó là đại vọng ngữ ! Bậc nhất thiết trí được mười lực, biết rõ những điều hợp lý và trái lý ; biết rõ nhân quả nghiệp báo của chúng sinh trong ba đời ; biết rõ các pháp thiên định giải thoát tam-muội ; biết rõ từng bậc cao thấp các căn tánh của chúng sinh ; biết rõ những ưa muốn sai khác của chúng sinh ; biết rõ tất cả những cảnh giới sai khác của chúng sinh ; biết rõ chỗ đi đến của tất cả phàm phu, hiền thánh thế gian và xuất thế gian ; biết rõ tánh danh, khổ vui, thọ yếu của tất cả chúng sinh ; biết rõ sự sống chết qua lại các kiếp trước của tất cả

chúng sinh và vô lậu Niết-bàn của các hiền thánh ; tự biết mình đã dứt hết nghiệp hoặc tập khí, không còn sinh tử triền phược nữa. Biết tất cả thế giới pháp trung thượng. Được mùi cam-lộ, được trung đạo. Biết tất cả pháp thực tướng hữu vi, vô vi. Vĩnh ly ba cõi dục. Biết chủng chủng nhân duyên. Phật thật là người nhất thiết trí, là bậc người tôn quý nhất trong ba cõi. Kệ ca ngợi Phật rằng :

*Đính sinh chuyển luân vương,  
 Như nhật nguyệt đèn sáng ;  
 Thích-Ca dòng quý tộc,  
 Tịnh-Phạn vương thái tử.  
 Sinh thời động tam thiên,  
 Núi Tu-di hải thủy.  
 Vì phá già, bệnh, chết,  
 Lành thương sinh ra đời.  
 Khi sinh đi bầy bước,  
 Quang minh chiếu mười phương.  
 Coi bốn phương phát tiếng :  
 Ta hết phần sinh thai.  
 Thành Phật thuyết diệu pháp,  
 Tiếng lớn nhức trống pháp,  
 Để giác ngộ chúng sinh,  
 Thế gian vô minh ngủ.  
 Như thế đều hết thấy,  
 Hiếm có việc đã ra ;  
 Các trời và người đời,  
 Thấy rồi đều hoan hỉ !  
 Tướng Phật trang nghiêm thân,  
 Quang lớn mặt trăng đầy,  
 Tất cả các nam nữ,  
 Coi xem không đủ chán !  
 Sinh thân lực nhũ bộ,  
 Thắng muôn ức hương tượng !  
 Thần túc lực vô thượng,  
 Trí tuệ lực vô lượng,  
 Thân Phật đại quang minh,  
 Chiếu lại rõ thân Phật.  
 Phật ở trong quang minh,  
 Như trăng nêu ánh sáng.  
 Hết thấy hủy báng Phật,  
 Phật cũng không nghĩ ác ;  
 Hết thấy xưng khen Phật,  
 Phật cũng không tưởng vui !  
 Đại từ coi tất cả,  
 Oán thân không có khác.*

*Tất cả loài có thức,  
 Thấy đều biết việc ấy.  
 Lực nhãn nhục từ bi,  
 Cho nên hơn hết thấy.  
 Vì cố độ chúng sinh,  
 Đòi đòi chịu cần khổ,  
 Mà tâm thường nhất định,  
 Vì chúng làm lợi ích.  
 Trí tuệ lực có mười,  
 Vô úy lực có bốn,  
 Bát cộng có mười tám,  
 Vô lượng công đức tạng,  
 Như thế là vô số !  
 Hiếm có lực công đức,  
 Như sư tử vô úy,  
 Phá các pháp ngoại đạo,  
 Chuyển vô thượng pháp luân,  
 Độ thoát cả ba cõi.*

Ấy gọi là Bà-Già-Bà ; chữ này có vô lượng nghĩa không thể nói hết được.

(còn tiếp)

# THIÊN THẬT KHAI THỊ

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Tiếp theo kỳ trước

Tối nay tôi nói với các vị, những điều căn bản, rất quan trọng. Nếu các vị có thể y theo tu hành, thì trí huệ sẽ tăng trưởng. Khóa thiên thật này là lần đầu tiên mở tại đất Mỹ, lại có nhiều người đến tham gia, thật khó mà nói được, đó là cảnh giới không thể nghĩ bàn, như uống nước lạnh, nóng tự biết. Đối với người xuất gia mà nói, phải tiếp thọ sự rèn luyện này, mỗi khi gặp khóa thiên, phải đến tham gia, thậm chí không ngủ, không mặc đồ, không ăn cơm đều có thể được. Nhưng phải biết trân tiết cơ hội, thiên thật thật hiếm có. Mười phương chư Phật đều đã trải qua pháp môn rèn luyện này. Chúng ta trong quá khứ, đời đời kiếp kiếp cũng chưa gặp cơ hội như vậy, cho nên đến hôm nay còn lẩn quẩn trong sáu nẻo luân hồi.

Chúng ta tham gia thiền thất rồi mới không thể điên đảo thị phi, không thể khởi vọng tưởng, không thể còn tâm tham sân si, hoặc không thể có tâm tham cầu tài, sắc, danh, ăn và ngủ. Các vị tham thiền thì hay sinh định lực. Dầu có cảnh giới năm dục hiện tiền cũng không thể bị cảnh giới làm lay chuyển. Nếu không có tâm tham cầu năm dục thì trong mộng cũng thanh tịnh tức chân chánh đắc được diệu dụng.

Lúc sáng suốt thì không bị cảnh giới làm lay chuyển, nhưng khi vô minh hiện tiền, hoặc lúc hồ đồ thì cũng khó mà không bị cảnh giới làm lay chuyển. Khi ngủ mà có thể làm chủ được thì không bị cảnh giới chuyển. Trong mộng làm chủ được thì không bị cảnh giới chuyển, nhưng lúc bệnh hoạn thân thể chịu không thấu thì khó mà không bị cảnh giới làm lay chuyển, khiến cho bạn trong cơn bệnh cũng khó có thể làm chủ được. Đến lúc chết thì cũng không thể tự chủ được. Mục đích ngồi thiền là nhìn xuyên thấu, buông xả mọi thứ, sống chết tự tại, hết thấy đều làm chủ được, đến đi tự tại, không quá không ngại.

Tham gia thiền thất là cơ hội trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được, cho nên đừng có khinh thường bỏ qua cơ hội thù thắng này. Nhưng tham gia thiền thất cũng phải đầy đủ nhân duyên mới có thể thành tựu. Nếu có người bạn đi làm hoặc đi học không thể tham gia thì tương lai nhất định có cơ hội tham gia.

Tại sao không sợ khổ ? Đức Phật Thích Ca trong quá khứ hằng hà sa vô lượng A tăng kỳ kiếp đã thành Phật vì muốn giáo hóa chúng sinh cang cường khó dạy, mới thị hiện thành Phật. Ngài vốn là thái tử mà xả bỏ tất cả vinh hoa phú quý đến núi Tuyết ngồi thiền sáu năm, mỗi ngày chỉ ăn một hột mè. Tại sao Ngài lại chịu khổ như thế ? Vì thọ khổ được là cơ sở thành Phật. Cho nên thọ khổ được thì thật diệu dụng vô lượng vô biên. Nếu Phật không ngồi thiền ở núi Tuyết sáu năm thì cũng không thể ngồi dưới cội bồ đề tĩnh tọa bốn mươi chín ngày mà chứng đắc quả vị Phật.

Chúng ta hiện tại ngồi thiền ở tại thiền đường so với Phật đương sơ tại núi tuyết thì có phương tiện hơn nhiều. Cho nên mọi người phải đề khởi tinh thần nỗ lực thành tựu sở phát tâm nguyện.

Như Bồ Tát Vi Đà tay cầm cái chày (chùy) hàng ma. Hàng phục tất cả ma quỷ, thiên ma, tà ma, bệnh ma, tử ma, v.v. Dù có chết cũng phải dụng công. Cho nên các vị phải phấn chấn nỗ lực dụng công.

Tuy nhiên nói phải dũng mãnh tinh tấn, nhưng không thể quá sức. Tu đạo phải giữ trung đạo. Thái quá hoặc bất cập đều không tương ứng, chỉ cần dụng công, giữ tâm thường hằng, không nhanh không chậm, lâu ngày thì công phu sẽ tương ứng, liền được cảnh giới bất khả tư nghì. Đắc được cảnh giới cũng đừng sinh tâm hoan hỉ, cũng đừng sinh tâm ưu sầu. Tóm lại, bất cứ cảnh giới thuận hay nghịch (tốt hoặc xấu) đừng động tâm, nếu tâm động thì thiên ma liền thừa hư mà nhập, có thể nhiễu loạn định lực của bạn. Nếu bạn sinh tâm hoan hỉ thì con ma hoan hỉ liền đến nhiễu loạn định lực của bạn. Nếu sinh tâm ưu sầu thì con ma khóc lại đến nhiễu loạn định lực của bạn. Con ma hoan hỉ đến thì khiến bạn tối ngày vô duyên vô cớ cứ cười mãi. Đây là con ma cuồng nhập thể. Nếu sinh tâm bi ai thì khiến con ma khóc nhập thể, suốt ngày chảy nước mắt gào khóc. Tự mình cũng không biết vì cái gì mà khóc. Cho nên phàm ai tu hành không thể tùy tiện khóc cười. Khóc cười là cột đá vào chân của sự tu đạo, rất dễ khiến sinh tâm thoái chuyển. Cho nên chúng ta ngồi thiền phải chú ý. Đừng vì gặp cảnh giới nào đó liền vui mừng hoặc sợ sệt. Phải biết cảnh giới là sự khảo nghiệm định lực của bạn đến trình độ nào mà thôi.

Kim Cang là gì ? Bồ Đề Hải là gì ? Kim Cang là vĩnh viễn không bao giờ hư hoại. Bồ Đề Hải tức là biển giác. Biển giác là một ví dụ. Ví dụ tánh giác đồng như biển cả. Kỳ thật chẳng có bờ mé, là pháp tu hành bất hoại, khiến tự tánh của chúng ta biến thành quang minh ; tâm của chúng ta tu được kiên cố như kim cang. Thân của chúng ta tu thành như kim cang bất hoại. Cho nên tại "Bát Nhã Đường" này mà tu luyện, khử trừ hết tập khí ma bệnh, khiến cho trong tâm tham, sân, si, ba độc biến thành giới định huệ ba học. Làm thế nào để tiêu diệt được tham sân si ? Phải dùng tâm hằng viễn ; tâm kiên cố để rèn luyện, ngày càng tiến bộ thì tự tánh quang minh liền hiện tiền, như ánh sáng mặt trời chiếu xuống tuyết, liền khiến cho tan biến. Chúng ta ngồi thiền, tức là làm tan tuyết trong tự tánh. Trong tự tánh của chúng ta có tuyết tích tụ



hiều đời, nhiều kiếp, hiện tại dùng trí huệ Bát Nhã để làm tan biến.

Tuyệt ví như vô minh phiền não của chúng ta. Nhiều đời nhiều kiếp đến nay cũng không tỉnh giác. Đây là vô minh phiền não tích tập từ vô lượng kiếp đến nay, khiến cho chúng ta ngồi thiền thì chân đau, lưng ê. Chúng ta chân chánh nhẫn nhục thì sẽ phá cửa sinh tử, đạt được Kim Cang Bồ Đề Hải.

Đến được Kim Cang Bồ Đề Hải rồi tức hợp với pháp giới mà làm một. Pháp giới thì không có bờ bến. Trong Kinh Lăng nghiêm có nói :

"Trong không sinh đại giác,  
Như bọt nước trong biển".

Hiện tại khoa học tuy nhiên phát triển và tiến bộ, nhưng không cách chi trắc lượng được hư không cứu kính rộng lớn bao nhiêu ? Hư không là do một bọt nước trong biển đại giác sinh ra mà thôi. Chúng ta hiện tại phải trở về cội nguồn cho nên xuất bản tạp chí "Kim Cang Bồ Đề Hải".

Mục đích chung của chúng ta là trở về biển đại giác. Mười phương chư Phật, Bồ Tát đều ở trong biển đại giác đợi chúng ta. Cho nên chúng ta phải dụng công, nỗ lực hướng về biển đại giác tiến tới. Năm tháng vô tình mỗi giây phút qua rồi thì không thể nào trở lại. Các vị phải quý trọng thời gian, vì trí huệ trang nghiêm, phước đức trang nghiêm.

Chúng ta hiện tại tham thiền đả tọa, tức là phước huệ trang nghiêm. Phước huệ song tu là một loại công đức vô tướng. Đây là công đức mà người thế tục làm không đặng. Ngồi thiền thì đắc được trí huệ mà hết thấy người thế tục không làm được. Ngồi thiền thì tự tánh quang minh hiện tiền, là đắc được đại trí huệ, đại biện tài, đại thọ mạng, đại an lạc. Tóm lại, cái gì cũng lớn. Nếu bạn chứng quả tức thành đại A La Hán. Nếu bạn xuất gia tức là đại Tỳ Kheo, đại Tỳ Kheo Ni. Nếu bạn là người tại gia tu hành tức là đại Ưu bà tắc (cận sự nam), đại Ưu bà di (cận sự nữ), đại Bồ Tát, thành đại quả vị Phật, đều do các bạn hôm nay ở tại "Kim Cang Bồ Đề Hải Đường" tu hành mà thành.

## NIỆM QUÁN ÂM

## KHI KHẨN CẤP

Hoà Thượng Tuyên Hoá

**H**ôm nay tôi xin truyền cho quý vị một yếu quyết. Đó là yếu quyết để áp dụng trong giờ phút thật khẩn cấp. Gặp những trường hợp đó chúng ta phải giữ bình tĩnh, đừng hốt hoảng, chuyện sống chết hãy tạm gác qua bên, một lòng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì chắc chắn nguy hiểm sẽ hóa thành tốt lành, thoát khỏi ách nạn.

Trong giây phút khẩn trương, chúng ta hãy nghĩ rằng : "*Đàng nào cũng chết, vậy trước khi chết ta hãy dốc lòng niệm Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát, biết đâu đó là niềm hy vọng.*" Hành động như thế, tức là từ hiểm nguy mà gặp may mắn.

Như khi đi máy bay, gặp lúc trên không máy bay gặp nạn, sắp bị rơi. Ngay lúc đó chúng ta hãy niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Vì rằng Ngài Quán Thế Âm là một vị Bồ Tát chuyên cứu nạn, một vị Bồ Tát có cầu có ứng, nếu chẳng niệm danh hiệu Ngài, thì sanh mạng của chúng ta vô cùng nguy ngập, không còn hy vọng gì nữa. Lúc đó chúng ta đem hết lòng thành niệm, cảm ứng tới đức từ bi của Ngài, thì toàn thể sanh mạng trên máy bay được cứu vớt. Vào thất Quán Âm chúng ta cũng phải khởi lên những ý tưởng như vậy để hạ thủ công phu niệm Quán Thế Âm Bồ Tát.

Chúng ta lại tưởng tượng khi đi xe lửa, và giả thử khi biết xe lửa trật đường rầy, tức là trong khoảng thời gian đường tơ kẽ tóc đó, nếu chúng ta không niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, thì toàn thể hành khách trên chuyến xe đó đều gặp nạn tử vong. Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát có nghĩa là phát ra lời kêu cứu, Bồ Tát nghe được tiếng kêu thì dầu có cách xa cả ngàn vạn sông núi, Ngài cũng tới ngay, tiếp cứu chúng ta ra khỏi khổ nạn, linh nghiệm vô cùng.

Lại tưởng tượng chúng ta đi tàu trên biển, chẳng may gặp cảnh tàu sắp chìm, cái nguy cơ gửi thân trong bụng cá. Trong phút nguy cấp ta niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, tới phút chót cũng niệm, tới giây chót cũng niệm. Nếu được như vậy, nhất định là hung dữ hóa thành cát tường.

Lại giả thử ta ngồi trên xe hơi đang chạy nhanh trên đường, hốt nhiên xe không thể làm chủ được nữa, bay qua lề đường bên bờ vực sâu, vách dựng thẳng đứng. Xe hơi mà rớt xuống đáy vực thì hết đời, xương tan thịt nát. Ngay lúc đó nếu niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, với tất cả lòng thành khẩn, thì xe hơi sẽ đáp xuống an toàn, kinh hoàng nhưng không nguy hiểm. Đây chính là sự cảm ứng của pháp niệm Quán Âm.

Trong giờ phút khẩn cấp hiểm nghèo, niệm được một câu Quán Thế Âm Bồ Tát thì bằng cả trăm vạn câu trong lúc bình thường. Tại sao vậy ? Bởi trong lúc không có gì nguy hiểm, lời mình niệm chưa đủ tha thiết, lòng mình chưa đủ thành khẩn. Cho nên, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, ta phải hết lòng kiên thành, hết lòng chân thực, thì cảm ứng đó mới thật là không thể nghĩ bàn.

Vừa rồi tôi có nói với Quả Khiêm rằng : "Ngày nay ở tại Vạn Phật Thành này con có niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, thì hãy tưởng tượng như khi ở trên thuyền (vượt biển) mà thành tâm khẩn niệm, tất sẽ có cảm ứng. Hồi đó, trong lúc gió lớn sóng to, nguy hiểm vạn phần như vậy, nếu không niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, thì đâu còn hy vọng có ngày nay. Có niệm Quán Âm mới có phần hy vọng, hoặc giả được cứu vớt, cho nên đã hết lòng khẩn niệm thì cuối cùng tai nạn sẽ vượt qua, gió im sóng lặng, đến được bến bờ. Bây giờ con niệm Quán Âm còn để thì giờ để nghỉ ngơi, ấy là vì nay không còn ở trong cảnh ngộ nguy hiểm như trước." Sự thực thì :

*Một ngày trôi qua, mạng cũng giảm theo,*

*Như cá thiếu nước, nào có vui gì !*

*Đại chúng !*

*Hãy siêng tinh tấn, cứu lấy chính mình.*

*Nghĩ tới vô thường, đừng có phóng dật !*

Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, tùy nơi tùy lúc mà niệm, nói một cách khác, đi, đứng, nằm, ngồi, đều niệm được cả. Miệng niệm hay tâm niệm, công đức cũng ngang nhau, đừng khởi tâm phân biệt, lúc nào cũng tùy duyên. Phải nhớ rằng, chờ tới lúc mạng sống sắp chấm dứt mới niệm thì đã quá muộn, không còn cơ hội nữa. Vì vậy mới có câu : "Nghĩ tới vô thường, đừng có phóng dật."

# TƯỞNG LẠI CỦA NHÂN LOẠI

Hoà Thượng Tuyên Hoá

**T**rong thời đại hiện nay, khi kỹ thuật và chủ nghĩa vật chất lan tràn, chúng ta cần xem xét cẩn thận sự suy nghĩ của thời đại và tự hỏi xem đây có phải là thời kỳ tốt đẹp cho chúng ta sống hay không ! Khoa học đã đạt những bước tiến lớn về kỹ thuật và điều này chắc chắn phải được coi là một điều tốt. Nhưng chúng ta cũng cần nên nhận thức đạo lý của câu : "Vật cùng tác phản". Có nghĩa là sự vật phát triển đến cực điểm thì quay ngược lại.

Trong lãnh vực tiến bộ khoa học kỹ thuật, điều tốt cũng ngầm chứa tai họa. Ví dụ hãy xét về vô tuyến truyền hình, tôi biết có người sẽ phản đối sự phân tích của tôi về ti vi, họ nói : "Thưa thầy, thầy đã lui vào thời đại khác rồi. Thầy lạc hậu rồi. Thầy không đồng nhịp với thời đại." Tuy nhiên, theo ý kiến của tôi, ti vi là một đe dọa cho nhân loại. Ti vi là một loại ăn thịt người. Quý vị có biết điều đó không ? Hãy xem các trẻ em hiện nay. Thay vì làm bài vở ở trường, các em ngồi trước máy ti vi. Các em bị dán cứng vào màn hình, và máy ăn hết sinh lực các em. Những em này như đã chết rồi, vì các em sẽ không bao giờ học được những đạo lý căn bản để làm người tốt. Các em chỉ học cách chăm chăm nhìn ti vi.

Và ti vi đã dạy gì cho các em ? Đủ loại hành vi kỳ lạ khác thường mà quý vị có thể tưởng tượng được. Các em học được rất ít điều có giá trị. Các em học rất nhanh để làm lại các bài học xấu xa và nguy hại mà các em được xem. Và chẳng bao lâu, các em học được tất cả các điều xấu ác mà con người có thể làm.

Trước khi có ti-vi, loại ăn thịt người là ra-đi-ô. Ra-đi-ô hút hết sinh lực con người. Mọi người thường dán tai vào ra-đi-ô và hoàn toàn quên hết mọi việc khác. Ra-đi-ô làm chúng ta quên ăn, quên ngủ, và quên các việc thông thường khác trong cuộc sống. Bây giờ ti-vi đã làm chúng ta mê làm đến nỗi chúng ta không biết là mình đang đến hay đang đi.

Máy điện toán (computer) đã đến ngay sau ti-vi. Trong Hoa ngữ, chữ computer được dịch thành điện não. Trong tương lai sẽ có điện mắt, điện tai, điện lưỡi, điện mũi, điện thân. Mỗi giác quan của sáu giác quan này sẽ có những bộ phận tiêu chuẩn hóa (modules) có thể liệng bỏ đi, cũng giống như băng nhựa cassette, và sẽ được nạp điện. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý sẽ được điện toán hóa. Ngay cả kho ký ức toàn thức của máy điện toán cũng sẽ được nối liền như một bộ phận của trí óc. Đây có phải là thời đại tốt để làm người không ? Hẳn nhiên là không. Đây chính là thời đại đen tối trong lịch sử nhân loại. Trong thời đại đen tối này, trí tuệ chúng ta bị vật cướp đi. Không người nào còn có trí tuệ tự nhiên. Sự sáng suốt nội tại bị thay thế bởi sản phẩm và hàng hóa. Và khi chúng ta thay thế trí tuệ bằng vật chất, thì con người lớn lên trống rỗng như những kẻ khờ. Trí tuệ trở thành lỗi thời. Con người không còn phục vụ cho một chức năng nào hữu ích nữa. Hãy chú ý lời tôi : Trong tương lai, con người sẽ trở nên đồ bỏ. Quý vị thấy đây có phải là vấn đề quan trọng hay không ? Hãy nhìn kỹ xem ! Con người sắp trở thành vô dụng !

Ví dụ, một số khoa học gia vô đạo đức hiện nay đang bận rộn phát minh những quái vật kỳ lạ. Quý vị nói đó là người chẳng ? Đó không hẳn là người. Quý vị nói đó là thú vật. Nó cũng không hẳn là thú vật. Bởi vì họ ghép tế bào di truyền của con người vào cơ thể thú vật và thay đổi tế bào di truyền của con người với di truyền thú vật, việc biến đổi di truyền hổ tương này sản sinh những giống lai đột biến khác thường không giống cha mẹ của chúng.

Bấy giờ con người có thể sinh ra lại có sừng hoặc có vòi giống như voi. Theo ý kiến của tôi, một người sinh ra với mũi giống loại da dày thì là quý hơn là người. Những loại sinh vật dị dạng và khác thường này đều nằm trong phạm vi có thể thực hiện được hiện nay.

Ngoài ra, phạm vi của máy điện toán đã phát triển không kiểm soát nổi. Trong vòng hai thế kỷ tới, điện thoại và các thứ tương tự sẽ hoàn toàn lỗi thời. Ti-vi và máy điện toán sẽ biến mất. Mỗi cơ thể của con người sẽ có những khả

năng của các máy này. Không ai cần phải quay hay bấm số điện thoại nữa. Mỗi người chỉ cần phát ra số mình muốn gọi từ điện thoại gắn hẳn trong người, với cần ăn-ten có thể ở chân mày hoặc trong tóc, và người kia sẽ nhận điện thoại gọi đến cũng qua điện thoại gắn trong người. "Hê-lô, chào ông buổi sáng tốt đẹp !" Việc gọi điện thoại sẽ dễ dàng như thế. Đến đây có người có thể nghĩ rằng : Thầy ơi, đây là bài nói chuyện điên rồ nhất mà tôi từng nghe.

Thế à, tôi yêu cầu quý vị cứu xét điều này. Bao nhiêu người sẽ tin quý vị nếu cách năm trăm năm về trước quý vị nói : Trong năm trăm năm sẽ có máy bay, ti-vi và ra-đi-ô. Mọi người sẽ xem quý vị là điên khùng. Nhưng những phát minh này đã trở thành thông thường.

Tại sao tôi lại đề cập đến vấn đề này ? Bởi vì chúng ta cần nhận thức rằng những tiến bộ khoa học và các lợi ích về vật chất không hẳn là tốt cho nhân loại về lâu xa. Chúng chỉ là những ích lợi chưa đầy đủ, bất toàn.

Trong khi đó, trí tuệ là sự ích lợi toàn hảo lâu dài cho toàn thế giới. Sự suy nghĩ và thái độ xuất sanh từ đạo đức thì hoàn toàn tốt đẹp cho tất cả chúng ta. Bốn tâm vô lượng của Phật, Từ Bi Hỷ Xả, hoàn toàn lợi ích cho tất cả chúng sanh. Khi chúng ta dựa vào những tư tưởng như vậy, thì chúng ta có thể tiến lên và đem kỹ thuật làm việc cho chúng ta. Không sợ rằng chúng ta sẽ quên đi những phương diện căn bản của nhân loại như thân thể của mình chẳng hạn.

Trong tương lai người ta sẽ hoàn toàn quên đi con người trông giống như thế nào. Chúng ta tất cả sẽ trở thành như thú vật. Tôi không phải la rầy quý vị, sự tiên đoán này là một sự thật lạnh lùng và rõ ràng. Đó là cách thức thế giới sẽ chuyển biến. Tốt đến cực điểm sẽ trở thành xấu. Ác, một khi đến cực điểm trở thành thiện. Một người nghèo đến cùng cực có thể đột nhiên trở nên giàu có, trong khi người giàu có, có thể mất sạch hết trong một đêm. Khi sanh ra, chúng ta là đứa bé sơ sinh nhỏ xíu, nhưng rồi chúng ta lớn lên, già nua, bệnh hoạn và chết đi. Đó là chu kỳ của thành hoại luân chuyển trên thế gian này. Đó là sự biến đổi tự nhiên liên tục theo chu kỳ. Một tiến trình biến đổi và chuyển hóa. Nếu chúng ta nhận ra, thì tiến trình làm giàu sẽ không còn đặc biệt hấp

dẫn đối với chúng ta nữa. Và nếu chúng ta có bị mất mát tài sản, thì chúng ta sẽ nhìn sự việc theo ngạn ngữ :

*"Người quân tử, dù nghèo vẫn luôn chánh trực,  
Kẻ tiểu nhân không từ gì cả để làm giàu."*

Do đó điều quan trọng nhất trong thời đại điên rồ này, là đừng trở thành điên rồ, và không quên ý nghĩa của việc làm người. Chúng ta phải nhớ đến mục đích ban đầu và hình tượng con người. Khi nói đến ý nghĩa nhân sinh, tôi có thể nói rõ ràng rằng những điều hữu ích nhất mà tôi từng gặp trong suốt cuộc đời mình là Sáu Tông Chỉ của Vạn Phật Thành.

Thứ nhất là "không tranh". Điều này áp dụng đơn phương. Tôi sẽ không tranh với bất cứ ai. Dầu quý vị chỉ trích tôi như thế nào đi nữa, tôi sẽ chấp nhận không e dè gì cả. Cứ gọi tôi những gì quý vị muốn. Con mèo nhỏ ? Tốt, tôi là con mèo. Gọi tôi là con chó ? Được, tôi là con chó. Quý vị nhận thức tôi qua tâm của quý vị như thế nào, thì tôi là thế ấy. Quý vị có thấy tôi là Phật ? Thì tôi là Phật. Quý vị có thấy tôi là Bồ Tát ? Thì tôi là như vậy. "Vạn pháp đều do tâm tạo." Tôi là những gì quý vị nghĩ tôi là. Đối với riêng tôi, tôi có những mục đích làm người của tôi. Đó là gì ? Đơn giản là không tranh với người khác, đầu người đó là ai. Quý vị có thể gọi tôi là gì tùy thích, tôi sẽ mang nhãn hiệu đó. Tôi sẽ nhận tên đó. Tôi sẽ thành như vậy. Tôi sẽ không tranh với quý vị.

Điều thứ hai là "không tham". Những gì quý vị sở hữu, đó là của quý vị. Tôi không muốn sở hữu chúng. Và bất cứ cái gì của tôi mà quý vị muốn, tôi sẽ đưa cho quý vị. Tôi thật sự sẽ đưa cho quý vị. Khi tôi cho ra, không giống như vị tăng tham lam điển hình, thường luôn bảo người khác "Bố thí ! Bố thí ! Bố thí !" và miệng nói "Người xuất gia không tham sự giàu có, nhưng càng có nhiều càng tốt." Bất cứ một người phàm phu nào cũng đều mong mỗi người khác sẽ cho mình, nhưng vị tăng này thì hoàn toàn không thích ban ra cho người khác. Đây là một thái độ sai trái. Chúng ta phải tránh.

Về "không mong cầu", có nghĩa là đừng tìm cơ hội kiếm tiền nhiều nhanh chóng hoặc có lợi

nhuận thật nhiều. Tất cả mọi người trên thế giới tranh lợi. Nếu chúng ta hiểu đạo lý không mong cầu, và biết đủ, ít ham muốn, thì chúng ta sẽ không tranh với người nữa. Những người hiểu rõ điểm này thì thật sự hiểu Sáu Đại Tông Chỉ.

Tại sao chúng ta không mong cầu ? Vì chúng ta không muốn ích kỷ. Lý do duy nhất để một người mong cầu điều gì đó là do lòng ích kỷ. Không có cái ngã, thì không còn lý do gì để mong cầu. Và khi không còn ích kỷ, người ta sẽ không đui theo tự lợi. Trong Sáu Đại Tông Chỉ, hai tông chỉ này liên hệ lẫn nhau. Không ích kỷ tạo duyên cho không mong cầu tự lợi. Hai cái tên không ích kỷ và không tự lợi nghe thì hơi giống nhau, nhưng thực tế có sự khác biệt.

Điều cuối cùng là "không nói dối". Lý do duy nhất người ta nói dối là vì sợ hãi ; sợ rằng sẽ mất cái lợi ích của mình. Sự sợ hãi này làm cho họ luôn phê bình người khác, nói rằng : "Tất cả mọi người đều sai, chỉ có mình tôi là đúng." Vì sao người đó nghĩ như vậy ? Bởi vì người đó sợ rằng sẽ mất quyền lợi của mình. Nếu người nào không tham lam lợi ích riêng tư thì không có lý do gì để nói dối. Phân tích đến tận cùng, sự nói dối có giá trị gì chứ ? Nếu quý vị thật sự hiểu Sáu Đại Tông Chỉ, quý vị biết thế nào là ý nghĩa của việc làm người. Nếu quý vị không hiểu Sáu Đại Tông Chỉ, thì quý vị chỉ chạy bám sát theo cuộc đua chen quyết liệt của thời đại điên rồ này. Hễ quý vị còn trôi theo dòng thủy triều điên rồ này, thì quý vị vẫn là một người điên rồ, cũng điên rồ như người kế mình.

Đó là thông điệp hôm nay tôi gửi đến tất cả quý vị. Tôi hy vọng những người trẻ tuổi trong thánh giả nghe tôi sẽ không trở thành điên rồ. Những người lớn tuổi sẽ ráng giữ vững sự tỉnh táo của mình. Những em nhỏ có thể học theo người lớn. Học làm thế nào để không bị điên rồ.

Tôi luôn nói : "Mọi sự đều tốt đẹp cả, không vấn đề gì !" (Everything's okay, no problem !)  
Cũng cần thêm ở đây một chút. Quý vị đừng sợ tôi gọi ti-vi, ra-đi-ô và máy điện toán là những quý ăn thịt người. Không cần phải sợ. Niềm hy vọng của tôi là quý vị sẽ nhận rõ những vật này là gì. Một khi nhận ra chúng, thì những máy móc điện tử này sẽ mất quyền năng làm quý vị mê lầm. Biết như vậy là

đủ. Nhưng nếu quý vị để chúng làm mê làm, thì chúng sẽ nuốt chửng quý vị.

Đạo lý này cũng áp dụng cho sắc đẹp. Nếu hình dáng đẹp để làm quý vị điên đảo, tức là quý vị đã bị nuốt chửng bởi quỷ ăn thịt người. Nếu tiền bạc làm cho quý vị mê mờ, tức là quý vị đã bị quỷ ăn thịt người nhai nuốt rồi. Nếu mục đích của quý vị là tạo danh tiếng lớn, thì quý vị đã bị quỷ danh vọng nuốt chửng rồi. Nếu thức ăn khiến quý vị mê đắm, tuy cảm thấy như vừa thưởng thức một món ăn ngon, nhưng thật ra, quý vị đã bị thức ăn nuốt chửng rồi. Nó đã ăn thần thức, pháp thân của quý vị. Nó đã nuốt hết trí tuệ của quý vị, làm cho quý vị mất hết sự sáng suốt, khiến quý vị trở nên ngu xuẩn. Nếu ngủ nghỉ làm quý vị trở nên đỡ dần nhiều thế kỷ, cuối cùng khi thức dậy, thấy đã quá trưa rồi, lại lăn qua ngủ tiếp, thì quý vị đã bị việc ngủ nuốt chửng rồi. Quý vị hiểu rõ điểm này chứ ?

## Hái Hoa Dâng Phật

Việt dịch : Diệu Hạnh

Có một lần đức Phật đi dạo ở thành La Duyệt. Trời đương độ mùa xuân, cảnh xuân tươi đẹp, thời tiết lý tưởng. Đức Phật thong thả từ thành trong đi vòng ra thành ngoài, nhìn cảnh sông nước tươi tốt, đồng cỏ mơn mơn xanh, ngài thấy trong lòng thơ thới, an nhiên. Bỗng dừng từ xa vọng lại tiếng ca, tiếng ca sao mà ai oán, sao mà bi thảm đến thế ! Lúc ấy, Đức Phật yên tịnh ngồi bên bờ suối.

Không lâu sau, một đoàn người đủ cả già trẻ nam nữ, trong tay ôm một bó hoa tươi, im lặng tiến đến gần.

Từ xa, họ đã thấy đức Phật uy nghi, tướng hảo, như mặt trời mọc buổi bình minh, như trăng sáng giữa bầu trời đầy sao, còn có rất đông các vị đệ tử bồ tát vây quanh trước sau, trong lòng họ, ai nấy đều cảm thấy như mình bắt được một kho tàng quý báu, nên không ai bảo ai, như ong vỡ tổ, họ chạy đến trước mặt đức Phật, đánh lễ Ngài và nói :

Thế Tôn ! Chúng con thấy Ngài tướng hảo trang nghiêm, biết ngay Ngài chính là đức Phật tối tôn,

chỉ có Ngài mới là bậc cứu thế chân chính mà thôi. Chúng con phụng mệnh quốc vương, mỗi ngày phải ra ngoài thành hái hoa để chưng bày trong vương cung, ngày nào không hái được hoa thì sinh mệnh chúng con khó có thể bảo toàn, chúng con sẽ bị chịu khổ hình roi vọt trút trên đầu trên cổ không thương xót. Hôm nay chúng con có may mắn lớn gặp được Ngài là bậc Đại Thánh, giống như người bệnh được thuốc, thật không ai có thể hình dung được niềm vui mừng của chúng con. Thịnh Thế Tôn tiếp nhận những bó hoa tươi chúng con xin cúng dường.

Đức Phật mỉm cười, xót thương họ mà nói :

Không nên làm như thế. Các người phụng mệnh nhà vua mà hái hoa, nếu đem hoa tặng ta thì các người sẽ chịu sự trừng phạt của nhà vua, làm sao ta có thể nhẫn tâm lấy hoa của các người !

Thế Tôn ! Xin Ngài quan sát rõ tâm của chúng con. Được gặp Phật xuất thế là chuyện ức kiếp khó mà có được. Chúng con thà xả bỏ cái thân mệnh ngắn ngủi đau khổ, đem hoa cúng dường Phật gieo trồng nhân duyên thiện lành và thoát khỏi cái thân phận đốn đau này.

Nếu quả thật các người bị nhà vua xử phạt thì các người sẽ phải làm thế nào ?

Thế Tôn ! Chúng con quyết không ân hận vì dù cho có bị sát hại đi chăng nữa, thì nhờ nương vào công đức của Phật, chắc chắn sẽ không rơi vào nẻo ác, cuối cùng cũng sẽ sinh vào chỗ tốt đẹp an vui.

Người nào biết rõ rằng sống là khổ đau mới phát tâm muốn giải thoát một cách chân thật. Đức Phật mỉm cười, im lặng gặt đầu. Những người ấy bèn lấy hoa rải lên thân Phật và chúng đệ tử Bồ Tát xung quanh Ngài. Không trung lập tức ngát lên hương thơm ngào ngạt.

Những người hái hoa thấy tôn nhan của đức Phật lộ vẻ hoan hỉ, họ bèn nhảy nhót vui mừng và xin thọ tam quy ngũ giới.

Sau đó, đức Phật còn thuyết pháp Đại thừa Lục độ cho họ nghe. Những người hái hoa này đều phát tâm đạo vô thượng, hiểu rõ sâu xa ý nghĩa Phật pháp, đắc được vị bất thối chuyển.

Đức Phật hoan hỉ thọ ký cho họ :

Các người sau này sẽ thành Phật, đều có tên là Diệu Hoa.

Những người háo hoa đành lễ đức Phật xong, vui vẻ lui đi.

Cúng dường Phật bằng tâm chân thành, dù chỉ một đóa hoa cũng được Phật thọ ký, Phật pháp quả thật là không thể nghĩ bàn !

**NỖI CHHUYỆN  
ĐÀM NĂM**  
Hoà Thượng Tuyên Hoá

Hôm nay tôi xin chúc quý vị năm mới khoái lạc. Vậy thì năm cũ phải chăng chẳng khoái lạc chăng ? Chúng ta cần phải vui sướng hằng năm, hằng tháng, hằng giờ. Vì sao mình cần phải vui sướng ? Vui sướng không phải vì có đồ ăn ngon, cũng chẳng do mặc quần áo đẹp, mua đặng xe bóng nhoáng, ở chốn nhà cao cửa rộng. Vậy mình phải làm sao để vui sướng khoái lạc ? Thì đây : Trong thâm tâm mình phải thường luôn biết tri túc, bởi vì hễ biết đủ thì ta luôn an vui. Biết nhẫn nại thì ta sẽ thường được yên ổn. Nhận rằng mình có đủ thì mình sẽ luôn luôn đầy đủ. Chúng ta phải thường biết tri túc. Con người có trí huệ, linh tri linh giác hơn hẳn loài vật, chúng ta hơn tất cả mọi loài về đủ thứ phương diện ; do đó chúng ta phải biết tri túc. Khi biết tri túc thì mình sẽ an vui, chẳng phiền não. Cho nên, chẳng phải năm mới tới mình mới vui vẻ mà phải an vui trong mọi thời mọi lúc. Khi chẳng có phiền não thì mình mới có thể :

*"Vun bồi mảnh đất tâm linh,  
Hàm dưỡng bầu trời bản tánh".*

Khi mảnh đất tâm linh sáng tỏ thì bầu trời nơi thể tánh cũng chói lọi. Sự rực rỡ ấy cũng chính là sự quang minh của Phật. Vì sao chúng ta chẳng thể phóng quang minh ? Bởi vì mình chẳng vun bồi mảnh đất trong tâm, chẳng hàm dưỡng bầu trời bản tánh. Vì vậy trong đạo Phật, nếu bạn có thể thường an vui thì tức là bạn tu hành rồi đó.

Trong quyển Trai Căn Đàm có nói :

Quang phong tế nguyệt, thảo mộc hân hân.

Nghĩa là :

*Gió trong, trăng tỏ, cây cỏ vui vui.*

Lúc gió trong, trăng tỏ là lúc gió thổi nhẹ nhẹ, trăng sáng chẳng mây che. Cây cỏ vui vui là nói cây cỏ cũng tươi tốt, hân hoan, như thử là vui vẻ lắm. Còn thế nào là "nộ vũ tạt phong" ? Tức là ám chỉ trời nổi cơn thịnh nộ, giáng cơn mưa lớn. Mưa lớn cũng như là nước mắt trời khóc vậy. Tạt phong là cuồng phong, bão táp. Khi gió ấy thổi thì đừng kể là người, ngay cả loài vật, chim chóc cũng cảm thấy thắc thom chẳng yên. Ai cũng buồn bã. Toàn bài thơ viết như sau :

Quang phong tế nguyệt, thảo mộc hân hân,  
Nộ vũ tạt phong, cảm điều thích thích.

Cố : Thiên địa bất khả nhất nhật vô hoà khí,  
Nhân tâm bất khả nhất khắc vô hỉ thần.

Nghĩa là :

*Gió trong, trăng tỏ, cây cỏ vui vui,  
Mưa gầm, gió lộng, chim thú co ro.*

*Nên : Trời đất chẳng thể một ngày không hòa khí,  
Lòng người chẳng thể một phút thiếu niềm vui.*

Khi trời đất nổi cơn giông tố, thì hòa khí mất hết. Do đó mới nói rằng trời đất chẳng thể một ngày không có hòa khí ; mà phải luôn có gió thổi hiu hiu, tỏa khí cát tường. Lòng người cũng chẳng thể một phút thiếu niềm vui. Cũng như Đức Di Lạc Bồ Tát, người ta đối với Ngài như thế nào Ngài cũng không sinh phiền não. Ngài dạy rằng :

*Lão quê mặc áo vá,  
Cơm lạt no đầy bụng,  
Áo vá che rét hàn,  
Vạn sự tùy duyên thôi !  
Hễ ai chửi lão quê :  
Lão quê tự nói : Tốt.  
Hễ ai đánh lão quê  
Lão quê nằm lăn ra.  
Khạc nhổ nơi mặt lão,  
Để nó tự nhiên khô.  
Lão này chẳng tốn công,  
Bạn cũng không phiền não.  
Như thế Ba-la-mật,  
Đúng là báu nhiệm màu,  
Thấu rõ lý lẽ này,*

## *Lo gì đạo chẳng thành ?*

Lão què tức là chỉ lão già ngu dốt này, kẻ chẳng chút tri thức. Mặc áo vá, tức là mặc áo vá vớ. Cơm lặt no đầy bụng : Nghĩa là tôi chỉ ăn đạm bạc, miễn có ăn là đủ rồi. Lão già thường vỗ bụng, rằng : Coi bụng tôi no lắm rồi đây ! Áo vá che rét hàn. Áo quần của tôi đã rách rồi, song chỉ cần vá lại để tôi tránh rét. Vạn sự tùy duyên thôi ! Cứ tùy theo mọi chuyện, chuyện tới thì ứng phó, chuyện qua rồi thì yên lặng. Chuyện gì làm cũng tùy theo duyên. Hễ ai chưởi lão què: Đờ quái vật, già đầu mà chẳng chết ! Lão què tự nói : Tốt lắm ! Bạn chưởi tôi thật là quá hay ! Hễ ai đánh lão què, lão què nằm lăn ra : Nếu ai đánh tôi thì tôi lăn người ra ngủ, đưa lưng ra cho họ đánh. Khắc nhỏ nơi mặt lão : Tức là bạn nhỏ nước miếng lên mặt tôi, cứ để nó khô tự nhiên : Tôi sẽ chẳng lau nó, mặc nó tự khô lấy. Bởi vì : Lão này chẳng tốn công để lau nước miếng. Bạn cũng không phiền não, vì tôi sẽ không trả đũa, nhỏ vào mặt bạn, do vậy bạn sẽ chẳng có gì bức bối. Như thế là Ba-la-mật : Đây là một pháp Ba-la-mật, pháp đưa ta tới bờ giải thoát. Đứng là báu nhiệm màu : Mà đa số chúng ta không ai biết dùng nó, dùng phương pháp đưa ta tới bờ bên kia. Đây đúng là sự màu nhiệm trong sự màu nhiệm, báu vật của tất cả của báu. Thấu rõ lý lẽ này. Nếu bạn biết được đạo lý này, Lo gì đạo nghiệp chẳng thành tựu, nhất định bạn sẽ thành tựu đạo nghiệp.

Có vị giáo sư ở đây giảng về từ bi của nhà Phật và nhân từ của đạo Khổng ở Trung Hoa. Kỳ thật đạo Khổng nói về lòng trung thứ, còn đạo Cơ Đốc, Thiên Chúa giáo thì nói về lòng bác ái. Hai chữ bác ái đều có bộ chữ tâm ở trong đó, tức là chỉ lòng thương ở trong tâm. Đạo Lão thì nói về cảm ứng. Tuy đạo Lão dạy rằng thanh tịnh, vô vi, tu theo đạo tự nhiên, như Đạo Đức Kinh dạy : Con người học theo pháp Đất, Đất theo mẫu của Trời, Trời theo mẫu Đạo, Đạo làm theo tự nhiên. Song, thật sự thì cốt tủy đạo Lão dạy ta hai chữ cảm ứng. Đạo Phật thì chủ trương từ bi. Nho, Đạo, Thích, ba tôn giáo chẳng thể tách rời cái tâm. Ra ngoài tâm thì chẳng có tôn giáo. Đạo Khổng dạy hai chữ Trung và Thứ. Trung hay sự trung thành là để giữ mình (trì kỷ), thứ hay tha thứ thì dùng để đối đãi với người (đãi

nhân). Giữ mình tức là khi mình làm việc gì mình cũng cần có lòng trung thành đối với người, phải làm cho tận lòng trung. Đây là điều kiện căn bản để vun bồi phẩm đức của mình. Tha thứ với kẻ khác nghĩa là bỏ qua những điều sai trái của kẻ khác. Ai làm sai mình hãy biết tha thứ, khoan dung họ. Nếu biết trung thành để giữ mình, thì nhân cách bạn sẽ thanh cao. Nếu biết tha thứ đối đãi người khác, thì bạn sẽ làm lợi kẻ khác, mà chẳng đi tìm lỗi làm sai trái của họ. Đây là giáo nghĩa của đạo Nho, nó nào có tách rời cái tâm này. Nếu bạn xem hai chữ trung thứ, sẽ thấy nó bao gồm chữ tâm đó.

Đạo Lão dạy về cảm ứng. Thế nào là cảm ? Cảm tức là thông đạt. Sao gọi là ứng ? Chẳng có điều cầu mong gì mà chẳng thành, gọi là ứng. Ai cầu gì cũng sẽ được toại nguyện. Rằng : "Hễ cảm thì thông, cầu gì cũng ứng". Thế nào là cảm ứng ? Ví như dòng điện : Hễ điện nối tới đâu thì đèn sáng tới đó. Đó là nghĩa của câu : Hễ cảm thì thông, cầu gì cũng ứng. Cũng vậy, lòng bạn nghĩ gì, kẻ khác cũng có thể thông hiểu được, đó là vì có dòng điện cảm ứng giữa tâm bạn với tâm người. Do đó, khi cầu nguyện gì với lòng chí thành khẩn khiết, thì bạn sẽ cảm, sẽ thông : Thông đạt, tiếp giao tới thần minh. Bởi vì đạo Lão nói cảm ứng bắt đầu như sau :

Họa phước vô môn, duy nhân tự chiêu.

Nghĩa là :

*Họa, phước chẳng có chỗ nhất định,  
Chỉ do mình chiêu cảm mà ra.*

Đây tức là giải về cảm ứng. Bởi vì tai họa chẳng có cửa ngõ, mà hạnh phúc cũng chẳng có cửa vào. Nếu bạn làm thiện thì phước tới, làm ác thì họa tới. Do đó họa phước chẳng có nhất định, chỉ do mình chiêu cảm mà chúng tới.

Thiện ác chi báo như ảnh tùy hình.

Nghĩa là :

*Quả báo lành, dữ, như bóng theo hình.*

Quả báo lành hay dữ cũng hết như cái bóng lúc nào cũng theo thân hình ta. Mình đi tới đâu, bóng đi tới đó. Quả lành cũng là bóng mà quả dữ cũng là bóng, chúng luôn đeo đuổi theo thân ta. Bởi vậy thiên địa có thần minh coi xét việc sai trái. Thiên địa cũng có thần năm, thần tháng, thần ngày, thần giờ, gọi là

tứ trực công tào. Các vị ấy yên lặng xem xé mọi chuyện. Cho nên nói : Thiên địa hữu ty quá chi thần, nhân nhân sở phạm khinh trọng, dĩ đoạt nhân toán, toán giảm tắc bản hao. Nghĩa là : Trời đất có thần xét việc sai trái, tùy theo lỗi nặng nhẹ của người mà thần giảm thiểu phước phần kẻ ấy, khi phước phần giảm thiểu thì kẻ ấy sinh nghèo cùng, khốn đốn. Giảm thiểu phước phần tức là giảm thiểu thọ mạng. Tức là kẻ ấy đáng lẽ sống lâu, bây giờ phải đoán mạng. Theo như cách tánh này thì giảm thiểu tánh theo đơn vị 12 năm, hay một kỷ. Khi mạng sống giảm bớt thì với nó là sự nghèo nàn, khốn đốn. Lúc đó thì đủ thứ tai nạn, họa hoạn, bệnh tật, thị phi, đều tới cả. Đó cũng chính là sự cảm ứng. Rằng : Hễ cảm thì thông, cầu gì cũng ứng. Tức là giáo nghĩa mà đạo Lão dạy. Đạo Phật chủ trương từ bi. Từ là gì ? Có câu rằng : Vô duyên đại từ. Nghĩa là thái độ hiền hòa, hiền từ đối với kẻ ta chẳng có duyên. Bạn đối với kẻ ấy hiền từ, tốt đẹp bất kể là y có đối xử tốt với bạn hay không. Kẻ ấy chẳng có duyên với bạn ? Thì mình mới dùng lòng từ hòa với họ chứ. Đó là lòng đại từ đối với kẻ chẳng có duyên. Làm sao để có lòng đại bi ? Lòng đại bi là lòng đồng tình, xem cái khổ của kẻ khác như là khổ mình chịu, như khổ nơi thân mình vậy. Cho nên mới nói : Đồng thể đại bi. Mình phải thực hành từ bi hỉ xả bởi vì lòng hiền từ có thể đem lại sự an lạc, lòng đại bi có thể xóa tan sự đau khổ, vì khiến ta thông cảm nỗi khổ của kẻ khác. Đó cũng chính là thương người như thương mình vậy. Đạo Thiên Chúa hay Tin Lành đều dạy về lòng bác ái. Chữ bác có bộ tâm viết ở một bên, còn chữ ái cũng có bộ tâm viết ở giữa. Ái hay tình thương này cũng gần giống như tình yêu thương nam nữ vậy. Song tình yêu nam nữ là tình chẳng thanh tịnh, tình thương ô nhiễm. Tình thương thanh tịnh thì chẳng có nhiễm ô tạp nhạp. Thiên Chúa giáo dạy rằng ta phải biết yêu thương, thương tất cả mọi người. Tình thương chân chính thì vô hình vô tướng, không thể diễn bày được. Lòng bác ái không phải là tình yêu nam nữ, rằng : Nam nữ ăn ở với nhau là chuyện tự nhiên của con người. Đạo của người của người quân tử bắt đầu bằng quan hệ vợ chồng. Đây là pháp thế gian. Trong pháp xuất thế thì tình thương chẳng hề còn ý tưởng nhiễm ô nữa. Vì vậy mình phải thông hiểu

ý nghĩa và phạm vi của chữ tình thương. Tình yêu giữa nam nữ là thứ tình si mê, trong khi đó tình thương xuất thế mới đúng là tình bao la thương khắp chúng sinh.

# TRÂU NƯỚC CAO THƯỢNG

Việt dịch : Diệu Hạnh

**T**rong một khu rừng lớn ở Ấn Độ, có một con trâu nước không khác gì một vị Bồ Tát hóa thân.

Con trâu nước này không giống đồng loại của nó. Với một màu da đen xanh, nó có một thái độ nghiêm túc và trang trọng, lại có bản tính nhân từ và hiền hậu, giàu lòng thương người, biết chịu đựng và nhẫn nhục.

Vì thế có những con thú nhỏ nghịch ngợm hay phá quấy nó bằng những trò đùa ác độc, hay ức hiếp, làm nhục nó, coi nó có chịu đựng được không.

Có một con khỉ xấu tính và ngu dần, thấy con trâu nước này dễ bắt nạt nên thường hay cười lung nó nhảy múa đùa giỡn không một chút sợ hãi. Hơn nữa, nó còn kiêu mạn mắng trâu rằng :

Con trâu già xấu xí kia, ta không sợ mi đâu ! Mi có khác gì cục đá ngu si bị vất bỏ bên bờ ao cho thiên hạ đánh đập chửi rửa, vậy mà sao cứ đứng chết tiệt, đực mặt ra đó không có phản ứng gì cả !

Không cần biết trâu đang ăn cỏ hay đang làm việc, con khỉ càng ngày càng phóng túng, lộng hành. Có lúc nó cười lên đầu, lên sừng trâu mà phóng uest, có lúc nó khoa chân múa tay trên lưng trâu, thậm chí lấy cây thọc vào tai trâu, động đây không ngừng. Trong lúc trâu đang ngâm mình trong ao tắm, thì nó lấy hai tay bịt mắt trâu lại không cho thấy đường đi, làm đủ cách ngăn không cho trâu hưởng cái vui thú của sự tắm mát.

Trâu nước nhẫn chịu mọi sự nghịch quấy của khỉ, tuy khỉ càng ngày càng lộng hành, một khắc cũng không tha nhưng trâu từ đầu chí cuối không một lần phát ra một lời oán than hay độc ác.

Không hiểu bằng cách nào mà chuyện trâu nước nhẫn nhục này lại đến tai trời Đế Thích. Có một hôm, trong lúc con khỉ đang quấy phá trên lưng trâu



nước, trời Đế Thích bỗng hiện ra trước mặt trâu thờ dài nói :

Trâu nước ! Với sức mạnh của người, người chỉ búng một cái là con khi hung hăng kia chết toi. Tại sao người lại cứ nhẫn nhục chịu đựng cho nó bắt nạt đủ mọi bề như thế ? Không lẽ người không biết sức mạnh của chính mình hay sao ? Tại sao không dạy cho nó một bài học đích đáng?

Chính thế, tôi biết sức mạnh của của tôi có thể đập tan một con khi, nhưng tôi không muốn dùng sức mạnh ấy mà đối phó với một con vật nhỏ yếu. Giá như nó mạnh bằng tôi hay hơn tôi thì tôi đã không nhẫn nhục với nó như thế.

Trời Đế Thích lại khuyên trâu nước :

Người nhẫn nhục như thế tuy rất cao thượng, nhưng người lại sẽ bị cái bọn vô lại ấy ngược đãi hoài, không có ngày nào thoát được tay chúng.

Tôi đang tu thiện pháp, chỉ sợ không tu được, làm sao dám làm hại một con thú vật khác ? Tôi muốn đem hạnh nhẫn nhục ấy mà đánh thức lương tâm của chúng nó. Mặc dù con khi này không hiểu được bài học không lời của tôi, nhưng khi nó bị người khác xử phạt đích đáng thì tự nhiên nó sẽ hối cải và hiểu ra.

Trời Đế Thích nghe thế, rất lấy làm kính phục, lớn tiếng tán thán :

Trâu nước cao thượng kia ! Thực hành nhẫn nhục với một nghị lực kiên cố chính là cái tâm của Bồ Tát dùng để hành đạo, chính loài người cũng phải tôn người lên làm thầy. Nhẫn nhục được thì không có tâm sân hận, mà không sinh tâm sân hận thì giữ được trí tuệ, mà có trí tuệ thì không có gì là không làm được. Hạnh nhẫn nhục của người đã làm cho Trời, người phải tôn kính.

Nói xong trời Đế Thích thuận tay nắm cổ con khi trên lưng trâu, giận dữ mà mắng rằng :

Này con khi ngu si, quả báo đau khổ sẽ giáng xuống đầu mi, chưa chịu mau thông ra nữa hay sao ?

Nói xong trời Đế Thích rời trâu nước nhẫn nhục mà trở về thiên cung.

Về sau trâu nước được hưởng hạnh phúc, và cuộc đời của con khi thì vô cùng bi thảm !

Dùng nhẫn nhục đối xử với người không có nghĩa là chịu thua họ, mà là chiến thắng họ một cách chân chính.

## PHƯƠNG PHÁP DƯỠNG SINH BẰNG NĂM LOẠI NƯỚC CỐT RAU QUẢ NGUYÊN CHẤT

1. RAU CẦN TÂY (Celery) : Làm ngon ăn, hạ huyết áp, loại trừ chất mỡ trong máu, giảm cân, lợi tiểu, trừ các loại sạn, làm chắc răng, điều hòa hệ thống tiêu hóa trong cơ thể.

2. DƯA LEO (Loại nhỏ trái, Chinese cucumber) : Thanh lọc máu, hạ huyết áp, trừ chứng khát nước, làm giảm các trường hợp bị viêm và gia tăng khả năng biến chất (metabolism) của cơ thể.

3. ỚT BI (Loại không cay, Red or green bell pepper, Capsicum) : Thanh lọc gan bị nhiễm trùng, làm sạch đường ruột khi bị nhiễm trùng, tẩy trừ các loại mốc, làm cho xương và bắp thịt được rắn rỏi, làm phai các vết thâm trên da, làm giảm sưng đau và chữa lành mụn nhọt, bỏng.

4. TRÁI KHỔ QUA HAY HỦ QUA (Chinese bitter cucumber) : Làm giảm các trường hợp bị viêm, giảm khát nước, làm cho ngon ăn, giải độc, giảm sưng đau và mụn nhọt, trị chứng tay chân bị lạnh, bổ não, hỗ trợ sự phát triển về mặt tâm linh và làm sáng mắt.

5. TRÁI BÔM HAY TRÁI TÁO (Apples, lựa loại lớn trái) : Bồi bổ bao tử, giúp củng cố tinh thần, hệ thống tiêu hóa tốt, giảm đau nhức bắp thịt, trừ chứng trầm cảm (Depression), giảm chứng xuất mồ hôi bất bình thường, làm nhuận trường nên trị được chứng táo bón, cải thiện làn da được xinh đẹp.

### Phân lượng :

-Rau cần tây : 2 bẹ lớn

-Dưa leo gọt vỏ sạch : 1/4 trái

-Ớt bi lấy sạch hạt : 1/2 trái

-Khổ qua lấy sạch hạt : 1/4 trái

-Trái bom hay táo tây : 1 trái, gọt vỏ

LƯU Ý : Nên dùng các loại rau trái còn tươi tốt.

### CÁCH ĐIỀU CHẾ :

Rau trái phải được rửa thật sạch, để chung với nhau rồi dùng một cái máy ép vắt nước trái cây (juicer) để lấy một thành phần nước cốt 500 phân khối

(500cc) cho một người bình thường. Khi bị bệnh, liều lượng có thể tăng lên đến 800 phân khối cho một người. Nên nhớ không được chế thêm nước, đường hoặc pha chế các thành phần thức uống khác.

#### CÁCH DÙNG :

Uống vào lúc buổi sáng khi bụng còn đói, rồi một lát sau mới ăn điểm tâm thì kết quả hữu hiệu hơn. Đừng cho thêm thành phần khác vào nước cốt vì sợ giảm hiệu năng của thuốc. Sau khi điều chế xong, phải uống nước rau trái này trong vòng 15 phút. Vì để lâu sẽ mất công hiệu. Mỗi ngày chỉ cần uống một lần.

**Chủ trị :** Thuốc này chữa được cả hai chứng huyết áp cao hay thấp, bệnh sầu cảm (depression), bệnh

tiểu đường, trí nhớ kém, bệnh gan các loại, đau răng, chứng phì mập, táo bón, tiểu tiện nhiều, chứng mất ngủ, các chứng bệnh về mắt, thận nhiễm trùng, sạn thận, bệnh ngoài da và đặc biệt có khả năng chữa lành một số bệnh ung thư.

Một nhà văn ở Nhật Bản 76 tuổi, bị bệnh ung thư, đã được giải phẫu hai lần, mạng sống như chỉ mảnh treo chuông, đã uống thuốc này điều đặn trong vòng bốn tháng đã lành bệnh. Một đồng hương Việt Nam tại Hoa Kỳ bị bệnh ung thư đến hồi tuyệt vọng, bà sợ quá, thay vì mỗi ngày uống một lần, bà đã uống 3 lần và hiện nay đã hoàn toàn bình phục, nên đã truyền bá toa thuốc này cho công chúng biết.

(Nhóm Thân hữu Sydney lược dịch.)

# Le Sutra Du Merveilleux Dharma De La Fleur

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

## 10. KAPPHINA

Le nom KAPPHINA veut dire « la maison de la constellation » lorsque ses parents eurent dépassé la quarantaine sans avoir encore de descendant, ils allèrent dans un temple prier une des vingt huit constellations. Leurs prières furent exaucées et peu de temps après naquit Kapphina. Il était le premier des disciples du Bouddha quant à la connaissance de l'astrologie.

## 11. GAVAMPATI

Le nom du Vénérable Gavampati veut dire « alimentaire à vache » ou « la vache roi » en raison de son habitude de se lécher les babines à la fin de chaque repas tout comme une vache qui mâche son aliment. Quand les vaches ont fini de manger, elles s'endorment tout en continuant à ruminer leur aliment.

A cause de cette habitude, Le Bouddha Shakyamuni craignait que les gens le

ridiculiseraient et qu'il se découragerait. Il envoya alors Gavampati aux cieux pour recevoir les offrandes des Dieux.

Pourquoi avait-il cette habitude ? C'était la rétribution d'avoir créé le mauvais Karma par sa bouche avoir prononcé une calomnie. Dans le passé lointain, lors d'une vie antérieure, il rencontra un vieux Pratyeka Bouddha qui avait perdu ses dents et mâché sa nourriture très lentement. « Vieux Maître, » dit Gavampati, « vous ressemblez à une vache qui mâche son aliment ! »

Le Pratyeka Bouddha dit, « la rétribution que vous subirez pour vous être moqué de moi sera extrêmement grave. Dépêchez-vous de vous repentir ! »

Gavampati qui était un Shramenera à cette époque, n'en croyait pas un mot et répondit : « Me repentir de quoi ? Pourquoi dois-je mendier votre pardon ? » Par suite de cette calomnie, pendant cinq cents vies, il renaissait à chaque fois dans le corps d'une vache. Quand il redevint finalement une personne, ses habitudes de ruminer comme une vache persistaient encore et

chaque fois qu'il avait fini de manger, il continuait à ruminer comme une vache. Tel était la rétribution d'avoir diffamé un Pratyeka Bouddha. A partir de cet exemple, nous devons surveiller nos faits et gestes et paroles afin de ne pas calomnier volontairement ou involontairement les autres. La leçon que nous tirons de cet exemple est que nous devons surveiller chacun de nos faits et gestes, chacun de nos paroles, car intentionnellement ou non, ils peuvent blesser quelqu'un. Prenez-garde donc à ce que vous faites.

## 12. REVATA

Le nom de Revata veut dire « la constellation » parce que ses parents avaient prié aussi une constellation pour l'avoir. Il veut dire aussi « la fausse unité ». Comme il était pauvre et n'ayant pas d'abri, une nuit, il s'était abrité dans une vieille cabane abandonnée, où se réfugiaient deux fantômes un grand et un petit. Le grand avait vingt pieds de haut et le petit en avait deux. Ils entrèrent dans la cabane, traînant un cadavre et lui demandèrent : « Mangerons-nous ce cadavre ou non ? » Ce qu'ils voulaient dire c'était : « Si vous nous dites de ne pas manger ce cadavre, comme nous n'aurons rien à manger et alors nous devons vous manger. De toute façon, ils allèrent le manger quoiqu'il dise, alors il ne disait rien.

Le grand fantôme détacha les jambes du cadavre d'un coup de dents et les mangea et le petit fantôme arracha les jambes de Revata et les greffa sur le cadavre. Ensuite le fantôme mangea les bras du cadavre et le petit fantôme arracha les bras de Revata et les greffa sur le corps. Le grand fantôme mangea le cadavre entier et le petit remplaçait ces parties une par une avec les parties du corps de Revata.

Revata s'affôla : « Mon corps a été utilisé à réparer un autre corps et alors maintenant je n'ai plus de corps ! » Le jour suivant, il courut comme un fou à travers la ville en demandant à tous ceux qu'il a rencontrés,

« Ai-je un corps ? Dites-moi s'il vous plaît ! »

« Quoi ? » qu'est-ce que vous dites ? Les gens n'avaient aucune idée de ce qu'il voulait dire et supposaient qu'il était fou. Ensuite il rencontra des Grands Maîtres. « Shramaneras, » demanda-il, « Ai-je un corps ? » Parmi les Grands Maîtres se trouvaient les Arhats qui savaient qu'il avait le potentiel de quitter la vie séculaire.

« Votre corps est fondamentalement faux, » disaient-ils. » Si vous cultivez et atteignez le fruit, vous obtiendrez alors la brillante lumière de la

nature de soi. Cela est vrai. Quelle différence, alors cela fait-il si oui ou non vous avez un corps ? Le corps est fondamentalement une combinaison de causes et de conditions. Lorsque les causes et les conditions se dispersent, le corps est détruit. Il n'y a rien qui soit vous et rien qui ne soit pas vous. »

Juste comme ils disaient cela, Revata s'éveilla. Bien qu'il eût été mangé par les fantômes, l'histoire entière avait été fondamentalement inventée. Pourtant, il prit le nom de « la fausse unité » Revata.

## 13. PILINDAVATSA

Le nom de ce Vénérable veut dire « la survivance des habitudes » celles qui se sont incrustées depuis plusieurs siècles et plusieurs vies dont il n'arrivait pas à se débarrasser. Une fois, il voulait traverser la rivière ; comme il était parvenu au fruit d'un Arhat et avait des pénétrations spirituelles, il pouvait exiger que l'esprit de la rivière stoppe le courant, afin qu'il puisse la traverser. Comme l'esprit de la rivière, était une femme, il dit : « Petite esclave, arrête le courant. »

Celle-ci étant aussi un Arhat, elle n'oserait rien dire mais au fond, elle était extrêmement vexée. Ceci se répétait à plusieurs reprises et finalement, l'esprit de la rivière s'en plaignit auprès du Bouddha. « Votre disciple Pilindavatsa, » dit-elle, n'a pas le moindre respect pour moi. Il arrivait à la rivière et dit sans ménagement : « Petite esclave, arrête le courant ! » Il n'est vraiment pas aimable. »

Le Bouddha dit : « Quand il sera de retour, je lui dirai de vous faire des excuses. Quand Pilindavatsa arriva, le Bouddha dit : « Quand vous traversiez les Ganges pourquoi disiez-vous : « Petite esclave, arrête le courant ? » Vous n'auriez pas dû dire cela. Maintenant, vous feriez mieux de vous dépêcher d'aller lui présenter vos excuses.

Mains jointes, Pilindavatsa alla immédiatement vers l'esprit de la rivière et dit en riant : « Petite esclave, je vous présente mes excuses. » Il avait été chargé de s'excuser pour l'avoir appelée « Petite esclave, » mais en s'excusant il lui adressa les mêmes paroles ! Inutile de dire qu'elle était furieuse.

« Voyez-vous cela ! » dit-elle. Devant le Bouddha et il m'appelle encore Petite esclave ! »

« Vous ne savez pas ceci, » dit le Bouddha, « mais, il y a cinq cents vies, vous

étiez la servante de Pilindavatsa et à l'époque, il vous appelait Petite Servante lorsqu'il vous donnait des ordres. Bien que vous soyez maintenant un esprit de la rivière ; ses habitudes n'ont pas changé et à cause de votre relation antérieure de maître et servante, il vous appelle encore Petite esclave. »

A cause de pareilles habitudes du passé, on le surnommait « les habitudes en surplus », Pilindavatsa.

#### 14. VAKKULA

Le nom de ce vénérable signifie « bien endurer ». Dans le passé, à travers d'un nombre illimité de kalpas, il cultivait exclusivement le précepte de la tuerie. Sa pratique de ce précepte n'était pas du tout la même que celle des gens ordinaires. Sa pensée n'engendra même pas la réflexion de la tuerie. Il ne tuait pas non seulement extérieurement, mais il était intérieurement d'une propreté irréprochable par le fait qu'il n'a jamais tué une seule créature vivante. Grâce à cela, il recevait cinq sortes de retribution de la non tuerie.

Lorsqu'il était né, il était capable de parler. Il souriait gaiement et disait : « Maman » et « Papa ». Sa mère pensait : « Que diable ! Je n'ai jamais entendu parler d'un enfant qui pouvait parler ou plaisanter à la naissance. Il doit être un monstre. » Puisqu'elle était cruelle et n'était pas compatissante, elle le mit dans un poêle et essaya de le faire frire. Mais il n'en était pas affecté. C'était comme si rien ne se produisait. Le poêle était chaud, mais Vakkula était simplement heureux. « Très bien, » dit-elle. « Tu peux être incombustible, mais tu n'es certainement pas imperméable ! » Et elle le lança dans un pot d'eau bouillante, mais il ne mourut toujours pas. Alors, elle essaya de le faire noyer en le tenant sous l'eau, mais il ne pouvait pas être noyé. Pensez-vous que ceci est étrange ou non ?

Elle l'abandonna dans l'océan et il fut avalé par un poisson et alla tout droit dans son estomac, s'échappant assez étrangement aux dents du poisson ; le poisson fut pris dans le filet d'un pêcheur et celui-ci ouvrit le poisson à l'aide d'un couteau. Vakkula ne fut même pas blessé par le couteau et il en est sorti sain et sauf. Parce qu'il avait reçu les cinq sortes de rétribution de la non tuerie : Le feu ne le brûlait pas ; l'eau bouillante ne le cuisait pas ; l'océan ne le noyait pas, le poisson ne le mangeait pas et le couteau du pêcheur ne le coupait pas. Le fait qu'il s'en est sorti cinq fois,

sain et sauf, paraissait comme une réponse à sa pratique du précepte de la tuerie, et parmi les disciples du Bouddha, c'était celui qui vivait le plus longtemps.

#### 15. MAHAKAUSHTHILA

Le nom du vénérable Kaushtia veut dire « des gros genoux » parce que « gros genoux » étaient un trait héréditaire. Ce vénérable était l'oncle maternel de Shariputra. Comme cela a été dit précédemment, il avait parié avec le Bouddha que s'il gagnait en discussion, le Bouddha permettrait à son neveu, Shariputra, de quitter les rangs du Sangha et de retourner avec lui à la maison et s'il perdait, il donnerait sa tête. Bien qu'il ait perdu en discussion. Le Bouddha le persuada qu'il lui serait plus profitable de se joindre au Sangha plutôt que de lui couper la tête et mahakaushthila lui obéissait. C'était un orateur bien doué et éloquent. Il était un des compagnons les plus constants du Bouddha et le premier disciple remarquable par l'éloquence.

#### 16. NANDA

Il y a trois disciples qui portaient le nom de Nanda : Nanda, Ananda et Sundarananda. Nanda est connu comme « Nanda le Bouvier. » Le nom de Nanda veut dire « la bénédiction totale. » Lorsqu'il était bouvier, il avait entendu le Bouddha parler des Onze Facteurs pour garder les vaches. En fait, Bouddha avait utilisé la garde des bœufs comme une analogie à la pratique de la voie ; Nanda, se rendant compte que le Bouddha possédait toutes les connaissances, prit la décision de quitter la maison et de se convertir et très tôt atteignit le fruit d'Arhatship.

Une fois, le Bouddha chargea Nanda d'aller prêcher devant un groupe de cinq cents Bhikshunis. En l'écoutant parler, elles obtinrent toutes la position d'Arhat. Dans le passé, ces cinq cents Bhikshunis avaient été les concubines d'un seul roi. Le roi, un grand protecteur du Dharma, avait fait construire une grande Pagode en l'honneur d'un Bouddha. Les concubines avaient cru en Bouddha et avaient apporté des offrandes à la pagode, faisant serment que dans le futur elles obtiendraient toutes la libération venant du roi. Le roi était l'incarnation antérieure de Nanda. (à suivre)

# LE SUTRA SHURANGAMA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

## LA DIVISION DANS LAQUELLE, LE SUTRA EST COMPRISE ET LE VEHICULE AUQUEL IL APPARTIENT

La « division » fait allusion au Tripitaka, au triple entrepôt du Canon Bouddhisme : L'entrepôt de Sutra, l'entrepôt de Vinaya et l'entrepôt de Shastra. Les trois entrepôts correspondent aux trois études du non-débordement : Les préceptes, le samadhi et la sagesse. L'entrepôt de Sutra enseigne le samadhi, l'entrepôt de Vinaya enseigne les préceptes et l'entrepôt de Shastra enseigne la sagesse. Dans les Sutras, on voit souvent le titre « Le Maître Tripitaka. » Ceci fait allusion à celui qui a maîtrisé tous les trois entrepôts.

Bien que les Sutras contiennent les chapitres du le Vinaya ou de la sagesse, ils s'introduisent dans l'étude du samadhi d'une manière prédominante. Par exemple, le Sutra Shurangama enseigne aux gens comment pratiquer le samadhi de Ch'an. Ceci a déjà été cité dans la quatrième raison lorsque le Bouddha enseignait ce Sutra : Pour manifester le samadhi de la nature et pour nous encourager au véritable accomplissement. Il y a un court chapitre dans le Sutra sur les Quatre Règles de la pureté c'est une explication de Vinaya, mais puisque le Sutra c'était initialement attaché à une discussion du samadhi, il n'a pas été classé dans le Vinaya, mais dans le Sutra.

Le « Véhicule » fait allusion aux deux véhicules dans le Bouddhisme : le grand Véhicule (le Mahayana) et le petit Véhicule (le Hinayana). Le petit Véhicule est comme une petite charrette pouvant seulement transporter peu de gens. Il s'agit du Véhicule des Shravakas et des Bouddhas pratyekas. Le grand Véhicule est le

véhicule du Bodhisattva qui, comme un autocar, peut transporter beaucoup de gens. Ce Sutra expose le Dharma du Grand Véhicule pour instruire les Bodhisattvas, qui seront protégés et veillés par les Bouddhas. Selon l'instruction des

Bodhisattvas, ce Sutra conseille aux Arhats de délaissé le petit et d'aller vers le grand véhicule pour renforcer leur esprit du Bodhi et pratiquer la Voie du Bodhisattva. Par exemple, quand Ananda revenait de la maison de la fille de Matangi à l'endroit où se trouvait le Bouddha Sakyamuni, il suppliait ce dernier de l'instruire dans la voie qui menait au Bodhi et que tous les Tathagatas du passé ont suivie. La réponse du Bouddha à sa demande est le SUTRA SHURANGAMA, un Dharma pratiqué par les Bodhisattvas. Ce sutra fut donc classé comme le Dharma du Grand Véhicule plutôt que celui du petit Véhicule.

## L'INSTRUCTION DE LA PROFONDEUR DE LA SIGNIFICATION ET DU PRINCIPE

A quels enseignements les principes contenus dans le Sutra appartiennent-ils ? L'école T'ien T'ai décrit les quatre enseignements suivants ;

- 1) Le grand enseignement ;
- 2) L'enseignement correspondant ;
- 3) L'enseignement de discernement ;
- 4) Le parfait enseignement.

Le Grand Enseignement ou l'enseignement du Tripitaka se réfère aux Dharmas du petit véhicule. Il comprend les Sutras d'Abhidharma et d'Agama. Agama veut dire « L'incomparable dharma, » mais, il appartient toujours à l'enseignement du Petit Véhicule.

L'enseignement correspondant réunit l'enseignement du Tripitaka qui le précède et l'enseignement de discernement qui le suit.

L'enseignement de discernement est différent de celui qui vient avant et après lui. Ce n'est pas le même que l'enseignement correspondant qui le précède ni le parfait enseignement qui suit.

Le quatrième des enseignements décrit par le T'ien T'ai est le Parfait Enseignement. Parmi ces quatre, le Sutra Shurangama appartient à l'Enseignement de discernement.

L'école Hsien Shou fait cinq divisions :

- 1) Le Petit Enseignement ;
- 2) L'Enseignement du commencement ;

- 3) L'Enseignement de la fin ;
- 4) L'Enseignement du soudain ;
- 5) Le Parfait Enseignement.

Le Petit Enseignement s'accorde avec le grand Enseignement de la division de T'ien T'ai. L'Enseignement du commencement comprend à la fois l'Enseignement correspondant et l'Enseignement de discernement de T'ien T'ai. L'Enseignement de la fin, l'Enseignement du soudain et le Parfait Enseignement sont tous contenus dans le Parfait Enseignement de la division de T'ien T'ai. Bien que les noms différents, les principes sont les mêmes.

Le Petit Enseignement fait allusion aux Enseignements du Petit Véhicule. L'Enseignement du commencement se réfère au début de l'Enseignement du Grand Véhicule. Il fut enseigné à ceux qui ont seulement compris le vide des êtres mais qui ne s'étaient pas rendus compte du vide de Dharmas. Ils ne s'étaient pas encore détachés des Dharmas. »

L'Enseignement ultime est le Dharma du Grand Véhicule. La doctrine du Grand Véhicule s'adresse à ceux qui ont compris le vide des êtres ainsi que celui des dharmas. En parlant du vide des êtres et des dharmas, je me rappelle une histoire inscrite dans l'archive.

Quand le Bouddha Sakyamuni était de ce monde, les gens lui demandaient souvent d'accepter l'offrande d'un repas végétalien. Après le repas, il était de coutume pour l'hôte d'aller devant le Bouddha, le saluer et le prier de lui enseigner le Dharma. Si le Bouddha n'était pas présent alors l'hôte demanderait à ses disciples d'accepter l'offrande et en retour les disciples lui enseigneraient le Dharma.

Un jour le Bouddha et ses grands Bhikshus quittaient la Grotte Jeta dans la ville de Shravasti, où ils vivaient, et sortaient pour recevoir des offrandes de nourriture, laissant à la maison seulement un petit Shramanera pour surveiller la porte. Après le départ du Bouddha, un Upasaka (laïc) vint au prier un membre du sangha de venir chez lui afin de recevoir les offrandes au Triple Joyaux. Apprenant que les Bhikshus et le Bouddha étaient tous sortis, il dit au petit Shramanera qui était resté au monastère, « je vous invite, Shramanera, de venir chez moi recevoir l'offrande. Venez avec moi. » Le Petit Shramanera accepta craintivement de l'accompagner, il était paniqué car auparavant, il

n'était jamais sorti seul pour recevoir l'offrande. Il avait toujours accompagné les autres Bhikshus. Lorsqu'il se rendit compte qu'il était obligé d'enseigner le Dharma, il s'aperçut qu'il n'avait rien à dire. Bien que cette situation lui fût très pénible, il suivit néanmoins l'hôte qui le supplia avec tant de sincérité. Après le repas, l'inévitable se produisit. L'hôte alla très respectueusement vers le petit Shramanera et s'inclina profondément en le priant de lui enseigner le Dharma. Comme signe de respect, l'hôte gardait sa tête inclinée. S'agenouillant devant le petit Shamanera il attendait patiemment qu'il enseignât le Dharma. Devant lui se trouvait le Petit Shamanera qui regardait avec embarras son hôte se prosterner à ses pieds. Et alors qu'arrivait-il selon vous ? Sans proférer un seul mot, il se leva de la chaise, sortit sur la pointe des pieds et rentra rapidement à la Grotte de Jeta. Il était naturellement couvert de honte pour avoir mangé à sa faim puis s'être enfui sans enseigner le Dharma.

Pendant un bon moment, l'hôte s'agenouillait avec la tête inclinée mais finalement, n'ayant toujours rien entendu, il souleva discrètement la tête pour jeter un regard furtif. Il s'aperçut alors qu'il n'y avait personne sur la chaise devant lui. Le petit Shramanera avait disparu. Or, à l'instant où il vit que le Shramanera était parti, il devint illuminé. Il entrevit le vide des gens et le vide des dharmas. « Haaah ! Alors, c'est ainsi S'exclama-t-il et désira immédiatement chercher la confirmation de son illumination. Il retourna évidemment à la Grotte de Jeta à la recherche du Petit Shramanera.

Pendant ce temps là, le petit Shramanera pétrifié par l'idée que ce dernier le poursuivrait pour lui réclamer l'enseignement, retourna à la Grotte de Jeta, alla directement dans sa chambre, claqua la porte et s'y enferma. Qui aurait pu deviner que peu de temps après qu'il eût fermé à clé la porte, il entendit qu'on frappa à la porte ? Le Petit Shramanera restait cloué sur place sans faire un bruit derrière la porte. Il était complètement affolé. Après tout, il avait mangé de la nourriture chez l'hôte qui venait maintenant lui demander l'enseignement du Dharma. Son agitation atteignit son point culminant quand tout d'un coup il devint illuminé. A son tour, il entrevit le vide des êtres ainsi que celui des Dharmas.

Cette histoire montre qu'on ne sait pas du tout dans quelles circonstances, on deviendrait

illuminé. Peut-être que vous le deviendriez quand vous êtes intimidé au plus haut point ; ou peut-être encore un immense bonheur ou n'importe quelle épreuve vous permettra d'atteindre l'illumination. Certains entendent le souffle du vent et deviennent illuminés. D'autres écoutent l'écoulement de l'eau et deviennent illuminés. D'autres encore deviennent illuminés en entendant le carillon du vent ; ou simplement le son d'une cloche. « J'ai entendu toutes ces choses plusieurs fois. Pourquoi ne suis-je pas devenu illuminé ? » Vous pouvez vous demander.

Comment saurais-je pourquoi vous n'êtes pas devenu illuminé ? Vous devez attendre jusqu'à ce que votre temps arrive, juste comme vous devez attendre que la nourriture soit cuite avant de pouvoir la manger. Vous devez attendre que la situation soit mûre. Quand elle le sera, alors tout ce que vous rencontrerez, pourra vous permettre d'atteindre l'illumination. Dans le passé, les Patriarches chinois ont été éveillés dans plusieurs circonstances différentes. Il est simplement primordiale que vous continuiez à pratiquer et à étudier sans relâche la Doctrine du Bouddha avec une ferme détermination et une forte concentration, alors un jour vous deviendrez illuminé. Tant mieux si vous l'êtes déjà, si vous ne l'êtes pas encore, alors vous devriez aller lentement et attendre le bon moment. Ne craignez rien. Ne soyez pas si inquiet au point que vous ne puissiez pas dormir ni manger.

L'enseignement terminal s'adresse à ceux qui ont entrevu le vide des êtres et des dharmas. Il s'agit de l'introduction à l'enseignement du Grand Véhicule. L'enseignement terminal, qui instruit les Bodhisattvas, ne constitue pourtant pas l'enseignement ultime. Il est surpassé par l'enseignement subit et l'enseignement Parfait. L'enseignement Parfait explique la fusion parfaite et sans limite de toutes choses. Bouddha est à l'origine de tout. Le Sutra du Dharma de la fleur, un Enseignement Parfait, dit que tous les êtres vivants deviendront dans l'avenir des Bouddhas. Ce Sutra dit : « Si les gens mène à l'esprit agitée et confus, entrent dans un stupa ou un temple et disent juste une fois « Namô Bouddha », ou juste pour saluer Bouddha, ils pourront un jour réaliser, la Voie de Bouddha. Evidemment, ils doivent être sincères et appliqués dans et leur paroles leur action. Mais ici, le Sutra du Dharma de la Fleur fait allusion à une personne même peu sincère qui entre dans un temple et qui récite au hasard « Namô Bouddha », Grâce à cette unique

récitation du « Namô Bouddha. » Il pourra lui aussi un jour devenir un Bouddha.

Cela me rappelle une autre histoire encore une fois inscrite dans un livre sacré. Quand vous récitez le nom de Bouddha, vous devriez transmettre le mérite aux êtres vivants ; vous ne devriez pas réciter seulement pour votre propre intérêt. Quand vous récitez le nom du Bouddha même une fois et dédicacez à tous les êtres vivants le mérite et la vertu provenant de cet acte ; vous augmentez alors par ce fait le mérite et la vertu de la récitation et vous le faites sans aucune restriction. On raconte qu'une fois, accompagné par ses disciples, excepté Mahamaudgalyana, Bouddha Shakyamuni est allé dans une certaine contrée pour mendier, mais personne ne leur faisait d'offrandes. Ni le roi, ni ses officiers, ni les membres de son gouvernement, ni ses citoyens ne faisaient d'offrandes au Bouddha et à ses disciples. Plus tard, pourtant quand Mahamaudgalyayana arriva dans cette région, il y eut un changement total d'attitude. Le roi, les officiers et tous les citoyens se rassemblèrent pour accueillir solennellement Maha-maudgalyayana et pour le vénérer, ils le supplièrent de leur faire savoir ce dont il avait besoin afin qu'ils puissent lui faire offrandes. Les disciples du Bouddha ne comprenaient pas pourquoi le Bouddha, une personne d'une vertu sans pareille, n'avait reçu aucune offrande, alors que Mahamaudgalyayana qui n'était qu'un de ses disciples, recevait les honneurs d'une ville entière. Tout le monde lui faisait offrandes. « Que signifie cela ? » Les disciples demandèrent au Bouddha.

(à suivre)

# LE MANTRA SHURANGAMA

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

1. DANS LE SUTRA DES ENQUETES DES MERVEILLES DU BOHISATTVAS, il dit que si un médecin désire maintenir ce mantra, il aura rapidement l'avantage du Mantra spirituel. Mais celui qui atteint l'accomplissement de ces avantages, ne peut avoir aucun défaut dans son comportement. Si vous pratiquez un Dharma et vous réjouissez de ses avantages, vous ne pourrez pas poursuivre la règle même infiniment petite. Ne pouvant pas suivre les règles. Vous ne pourrez pas suivre les préceptes. Vous ne pouvez pas violer, pas même infiniment petit. Alors vous tous qui désirez pratiquer ce Dharma vous devez observer définitivement les règles. Si vous ne suivez pas les règles et essayez toujours de tromper les autres afin d'obtenir le meilleur des autres, vous allez à l'encontre des préceptes ! vous devez suivre les règles. Si vous pratiquez ce Dharma et ne suivez pas les règles alors il n'y aura pas bon résultat. Il n'y aura pas non seulement pas de bon résultat, mais de graves incidents malheureux pourront arriver et ceci ouvrira la porte aux obstacles démoniaques. Si vous ne voulez pas laisser les obstacles démoniaques vous submerger. Si vous ne développez pas votre comportement méritant, les démons seront capables de commander. Alors vous aurez des écoulements. De même vous possédez des bijoux précieux et au lieu de les mettre dans un dépôt ou en coffre fort, vous les mettez sur votre seuil. Dans ce cas, ils seront sûrement volés. Alors, en pratiquant la doctrine du Bouddha, vous devez définitivement être très prudent. Vous ne voulez pas que les démons célestes et ceux des voies extérieures imposent leur manière de pratiquer dans votre opération, pour cette raison, le médecin devrait maintenir

continuellement et réciter le Mantra sans cesse. Ne vous arrêtez pas à n'importe quel moment. Vous devriez considérer le Mantra comme étant aussi important que manger, porter des vêtements et dormir et vous ne pouvez pas l'oublier, pas même pendant un jour.

Ensuite vous devriez considérer les caractères sanscrits comme de vrais mots jusqu'à ce que vous en soyez entièrement familiers. Vous devriez être

lucide pour pénétrer les caractères, du Mantra et chacune des lettres sanscrits. Tout aspect devrait être en accord mutuel. Toutes vos actions devraient être en accord avec le Dharma. Ensuite vous réaliserez la merveilleuse pratique du Yoga du non agi. Vous obtiendrez ce genre de pouvoir inconcevable.

En plus, la personne qui tient et récite ce Dharma ne devrait pas évoquer des états d'esprit étranges. Vous ne devriez pas avoir constamment des réflexions fausses et ni éprouver des états d'esprit étranges. Si vous arrêtez la récitation pour discuter avec les autres, alors vous perdez la chance de gagner.

Si vous interrompez votre récitation pour parler, alors votre Samadhi ne sera jamais parfait. Et en outre si en maintenant et en récitant la Mantra, vous vous tracassez sur l'origine des méthodes, vous vous demandez si vous n'avez pas suivi les règles, ni observé les préceptes ou si vous êtes pur. Cela veut dire que vous nourrissez toujours dans votre esprit toutes sortes de pensées souillées, alors vous ne réussirez pas non seulement à pratiquer ce Dharma, mais vous porterez toujours le mal en vous. Quand les mauvais événements arriveront et vous porterez le grand tort sur vous même. Alors quand vous pratiquez ce Dharma du Mantra Shurangama, vous devez être extrêmement prudent et pur physiquement et mentalement. Vous devez purifier les trois Karmas du corps, de la bouche et de l'esprit. Seulement de cette façon vous obtiendrez une réponse. Vous ne pouvez pas être fortuit.

Vous ne pouvez pas être confus et ne parlez pas des raisons et des torts sur ses gens vous ne pouvez pas créer le schisme, provoquant tout le monde dans le Bodhisattva d'être malheureux, vous ne pouvez pas faire aucune de ces choses. Vous devez surveiller votre propre comportement. En marchant, en vous asseyant, en restant debout et en vous allongeant, ne laissez pas votre propre nature aller guetter le linge sale chez les autres. Occupez-vous de vos propres affaires, observez-vous vous même,



retournez la lumière pour éclairer votre l'intérieur.

Dans ces divisions, les brillants rois qui gouvernent sont tous des Bouddhas et des Bodhisattvas qui ne feraient jamais de mal à personne, cela désigne la division du Bouddha, la division du lotus, la division du trésor et la division de l'accomplissement, toutes ces différentes divisions n'ont pas de haine, ni d'esprit de nuire à qui que ce soit. Les Bouddhas et les Bodhisattvas ne feraient jamais de mal à un être vivant, parce qu'ils sont compatissants, mais les saints, les êtres célestes, les dragons, les spectres brutaux, et vitoxicant et des esprits, feront du mal à n'importe qui qu'il voient commettre des fautes. Ceci fait allusion à des dieu qui protègent le Dharma, les dragons, les spectres, et les esprits qui ont de grand sang froid lorsqu'ils témoignent vos transgressions, s'ils voient une personne qui pratique ce Mantra et qui commet aussi des fautes alors ils vous feront du mal. Ils vous gêneront et vous causeront beaucoup de problèmes.

3. LE SUTRA DES PRECEPTES DU BODHISATTVA DIT, « Celui qui tient et reçoit ce Mantra spirituel, ou n'importe quel Mantra spirituel, doit observer des préceptes formulés dans cinq interdictions suivantes. Interdictions de:

1. Manger de la viande ;
2. Consommer les produits alcoolisés, ces deux interdictions sont très difficiles à observer pour certains.
3. Manger les cinq plantes caustiques, c'est à dire, ail, oignons, poireaux, ciboulettes et échalotes. Cette interdiction est très difficile à maintenir pour d'autre.
4. Commettre l'adultère.
5. Manger ou boire des choses dans des lieux malsains, vous ne pouvez pas manger ou boire dans des maisons de prostitution ou des lieux où les gens s'adonnent à des pratiques souillées.

Ces cinq interdictions, ne pas manger de viande, ne pas consommer de produits alcoolisés, ne pas manger les cinq plantes caustiques, ne pas s'adonner à l'adultère et ne pas manger et ou boire dans les lieux malsains, sont grandement

profitables aux êtres vivants. Si vous êtes capable de tenir ces cinq interdictions et les pratiquez, alors vous obtiendrez de grands avantages et profitable à tous les êtres vivants. Vous pourrez guérir les gens possédés par les mauvais esprits ou empoisonnés par les fantômes. Si vous pouvez tenir ces cinq interdictions, alors même si vous étiez empoisonné, vous en seriez guéri.

4. DANS LA COLLECTION DES DHARMAS, il dit, quand une personne religieuse ou une personne laïque, récite le mantra et il n'y a pas de réponse, c'est parce qu'ils ne sont pas assez sincère et calamite les mots en disant qu'il n'y a pas de preuve qu'il en font. Peut être ces gens pratiquent et ressentent qu'il n'y a pas de réponse à leur effort. Et alors il le calamite parce qu'il n'y a pas de preuve que ceci fait, il n'y a pas d'événement efficace. Alors ils pensent que ce Mantra est faux ou peut être ils disent que la texte est fausse. Ils disent que le Sutra SHURANGAMA est faux, ou peut être leur prononciation est incorrect. Le Mantra ne marche parce qu'il n'est pas été prononcé correctement et en accord avec le Dharma ou peut être il consomme ou mange de la viande et ainsi il n'est pas efficace. Ou peut être il mange des plantes caustiques les cinq plantes caustiques. Ou peut être leurs mains entrées en contact avec les choses souillées. Peut être quand vous réciter le Mantra, vos mains sont sales, parce que vous ne les avez pas les lavées après allé aux toilettes et ainsi vous avez des choses impures, l'urine et l'excrément sur vos mains lorsque vous touchez le livre du mantra, ou peut être leur (parole) discours est irresponsable. Peut être vous parlez imprudemment et grossièrement et dans votre discours vous ne suivez pas les règles. Vous parlez des choses malsaines ou des fautes des autres. Ou peut être leur vêtement est sale. Peut être les habits que vous portez sont sales. Ou peut être leur foyer est mal tenu.

(à suivre)

# LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

## La suite

**S**UBHUTI a trois significations : “Sans-né”, “bon témoin” et “bonne chance”. Dans la propriété de Subhuti, il y avait cent huit entrepôts remplis de sept sortes de pierres précieuses : Or, argent, lapis lazuli, cristal, nacre, perles rouges et carnelian. Quand Subhuti était né, il se trouvait que les entrepôts étaient entièrement vides. L’une après l’autre, les portes s’ouvraient pour faire voir qu’il n’y avait absolument rien à l’intérieur. “Qui a volé mes bijoux ?”, cria (Subhuti) le père de Subhuti affolé. “Nous étions fortunés et aujourd’hui nous n’avons plus un sou. Quelle signification porte la naissance de ce fils ?” Voyant que cette disparition des bijoux et la naissance de l’enfant avaient été simultanées, son père l’appela l’enfant “né vide”. Ensuite il alla consulter un devin, celui-ci le déclara très chanceux, c’est pourquoi, l’enfant fut renommé “bonne chance”.

Sept jours après la naissance de Subhuti, toute la richesse de la famille réapparut dans les cent huit entrepôts. Cela poussa le père à changer encore le nom de son fils qui fut maintenant appelé “bon témoin”. Subhuti grandissait pendant que le Bouddha Sakyamuni était de ce monde enseignant et transformant les êtres vivants, Subhuti quitta la maison en faveur du Bouddha.

**SUBHUTI SE LEVA DE SON SIEGE DANS LE RASSEMBLEMENT**, parmi des millions des millions (billions) d’hommes et de dieux dans le Rassemblement, Subhuti se leva de son siège. Il vit le Bouddha Sakyamuni assis là dans un état (qui peut être seulement décrit comme) “Ainsi, ainsi

impassible, totalement et éternellement brillant”, et il savait que le Bouddha représentait le Dharma de la sagesse du Prajna. A travers ses faits et gestes quotidiens depuis le fait de marcher, rester debout, s’asseoir et (rester) s’allonger...

Le Bouddha Sakyamuni enseignait toujours le vrai signe du Prajna, le prajna méditatif et le prajna littéraire.

La merveilleuse porte du prajna peut seulement être pénétré au moyen de la sagesse. La sagesse (de Subhuti) les bénédictions et la vertu de Subhuti étaient complètes, et alors il comprenait que le Bouddha avait enseigné la porte du Dharma du vrai signe de Prajna. Pour cette raison il se leva de son siège dans le rassemblement et mit à nu son épaule droite. Selon la coutume indienne, dévoilant l’épaule droite était un signe de respect important et les moines chinois, honorant cette coutume, laissaient l’épaule droite nue quand ils portaient la robe indienne.

Le chinois modifiait la robe légèrement adoptant d’autres signes de respect, utilisait les nuances du marron foncé pour la robe à 5 pièces et la robe à sept pièces plutôt que la couleur jaune safran utilisée par le Sangha de l’Inde, la Thaïlande, la Birmanie et le Ceylan. Ensuite comme le climat en Chine était plus froid qu’en Inde, les moines chinois avaient besoin de vêtements supplémentaires sous leurs robes pour garder la chaleur, mais qui ne se collaient pas directement contre leur peau, et pour que la robe ne tombât pas. Le Bodhidharma du Patriarche décida d’ajouter une fermeture à l’épaule gauche pour retenir la robe, et la fermeture devenait une partie du modèle de la robe chinoise.

Subhuti dévoilait son épaule droite, **METTAIT SON GENOU DROIT PAR TERRE, JOIGNAIT LES MAINS AVEC RESPECT, ET DIT AU BOUDDHA.**

Les rites représentés dans la demande du Dharma symbolisent la pureté des trois Karmas :

1.(Mettant) Dévoilant l’épaule droite et plaçant le genou droit par terre représentent la pureté du Karma du corps.

2. Joignant les mains ensemble respectueusement représente la pureté du Karma de l’esprit.

3.Verbaliser la demande manque la pureté du Karma de la bouche. “Comme c’est rare, le Seul Honoré du Monde, est le Tathagata

qui se rappelle et protège tous les Bodhisattvas et qui représente leur champs de bénédictions.”

L'événement rare dont se souvenait Subhuti c'était l'apparition du Bouddha, seul Honoré du Monde. Le Bouddha Sakyamuni arrangeait son siège s'asseyait sans dire un mot. Subhuti avait-il fait quelque chose hors sujet, faisant des signes où il n'y avait pas de vent.

Se dressant mal où il n'avait même pas été un droit, plaçant une tête sur le sommet d'une tête, ajoutant un signe à un signe, était-il en train de chercher la difficulté ? Si le Bouddha avait parlé un principe ou fait un signe, cela pourrait avoir fait un sens de répondre, “Comme c'est rare, le seul Honoré du Monde...” mais tout ce que le Bouddha Sakyamuni avait fait c'était d'arranger son siège et de s'asseoir.

Ce passage mérite une très spéciale attention, pour le point principal du Sutra Vajra est justement ici. Quand le Bouddha Sakyamuni arrangeait son siège et s'asseyait, il avait déjà fini d'enseigner le Dharma. C'est pourquoi Subhuti prononçait ses mots d'éloge. Parce que le Bouddha Sakyamuni avait enseigné le prajna du vrai signe qui est séparé du signe du mot parlé, séparé du signe du mot écrit, séparé du signe du mot parlé, séparé du signe du mot écrit, séparé du signe du coeur conditionné, séparé de chaque et tout signe. Seulement les sages qui ont réalisé le fruit comprenaient : les gens ordinaires n'étaient pas à la hauteur à cela. En réalisant cela, Subhuti espérait que le Bouddha Sakyamuni parlerait d'un enseignement provisoire, d'un Dharma expédient du prajna littéraire dans l'intérêt des êtres vivants. C'est pourquoi il écrivait une préface pour demander au Bouddha de parler du Dharma en disant, “Comme c'est rare, le Seul Honoré du Monde...” c'est vraiment le Tathagata . Il existe rarement un Seul Honoré du Monde. Le vrai signe du prajna est une protection et une dotation pour tous les Bodhisattvas. Le Dharma est extrêmement merveilleux.

SEUL HONORE DU MONDE, SI UN BON  
HOMME, OU UNE BONNE FEMME,  
DONNAIT SON COEUR AU  
ANUTTARASAMYAKSAMBODHI,  
COMMENT DEVRAIT-IL SE FIXER,  
COMMENT DEVRAIT-IL MAITRISER SON  
CŒUR ?”

Puisque Subhuti avait demandé le Dharma pour les êtres humains, il répétait discours au Seul Honoré du Monde, “Bouddha Sakyamuni, Seul Honoré du Monde, “dit-il”, vous avez déjà enseigné le vrai

Signe du Prajna, mais la plupart des êtres vivants ne l'ont pas compris clairement. S'il vous plaît, Seul Honoré du Monde, enseignez-le encore une fois pour les êtres humains dans le futur au moment de la décadence du Dharma. Si les hommes et les femmes à la bonne conduite se donnent entièrement et sincèrement à l'Anuttarasamyaksambodhi...”

ANUTTARASAMYAKSAMBODHI est un mot sanscrit qui signifie “ la véritable illumination, sans égale, et pure.”

Le mot n'est pas traduit parce qu'il est une désignation honorifique du dernier fruit, celui de la Bouddhité. ANUTTARA signifie “sans égal”.

SAMYAK se traduit comme “pur et égal”, et SAMBODHI signifie “vrai-illumination”. Réelle illumination est affirmée par ceux des deux véhicules, et c'est ce qui les distingue des gens ordinaires ignorants ; la pure et sans égale illumination des Bodhisattvas diffère de la réelle illumination des deux véhicules.

Il n'est cependant pas toujours l'illumination sans égale. Une fois, ils ont confirmé la pure et sans égale illumination, les Bodhisattvas sont appelés “Maîtres incomparables.” Le Bouddha est connu comme “le maître sans égal”, parce qu'il n'y a rien au dessus de lui. Les maîtres du Dharma de la grande vertu qui avaient traduit les Sutras dans le passé, retenaient le nom original en sanscrit du Bouddha et les maîtres du Dharma qui les poursuivaient, faisaient honneur à cette décision dans leurs propres traductions.

(à suivre)

# LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENERALE PAR  
LE VENERABLE MAITRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

## L'EXPLICATION DU TEXTE DU SUTRA

### LA PREFACE

Tous les Sutras peuvent être divisés en trois parties :

- 1) La préface
- 2) Le principe proprement-dit
- 3) La transmission.

La préface explique le sens général du Sutra, le principe explique ses doctrines et la transmission pour transmettre le Sutra, pour le propager et le faire répandre partout comme l'eau. La préface est comme la tête d'une personne et le principe est comme son corps. De même, nos organes sont très nettement arrangés dans notre corps, ainsi sont les doctrines nettement mis dans les Sutras.

La préface peut aussi être appelée « L'après-propos ». C'est une contradiction n'est-ce pas ? Vous demandez-vous. Ce n'est pas une contradiction puisqu'elle a été parlée par le Bouddha Sakyamuni lui-même mais elle a été ajoutée plus tard par Ananda et Mahakasyapa lorsque ceux-ci rédigeaient les Sutras. Elle peut aussi être appelée le "produit du Dharma" parce qu'elle mettait en place les raisons dont le Sutra avait été parlé. Elle fut appelée aussi la "Certification de la Préface de la Foi" parce qu'elle prouvait que le Sutra pouvait être cru.

Dans la préface, six conditions sont remplies. Elles sont :

1. La foi. 2. L'auditeur. 3. L'époque, 4. L'invité, 5. Le lieu et 6. Le public.

SUTRA :

AINSI J'AI ENTENDU, UNE FOIS LORSQUE LE BOUDDHA SE TROUVAIT A SRAVASTI, DANS LA GROTTA JETA, DANS LE JARDIN DU BIENFAITEUR DES ORPHELINS ET DU SOLITAIRE, AVEC UN RASSEMBLEMENT DES GRANDS BHIKSUS, MILLE DEUX CENTS EN TOUT, TOUS LES GRANDS ARHATS QUE LE RASSEMBLEMENT SAVAIT ET RECONNAISSAIT.

Commentaire :

« AINSI » remplit la condition de la Foi. « J'AI ENTENDU », répond à la demande de l'auditeur. « UNE FOIS » répond à la nécessité du temps et le « BOUDDHA » est l'invité « SRAVASTI, DANS LE JARDIN DU BIENFAITEUR DES ORPHELINS ET DU SOLITAIRE » répond à la demande du lieu. « LA REUNION DES GRANDS BHIKSUS » répond au besoin de l'audience. Comme toutes les six nécessités sont accomplies, nous sommes certains que le Sutra peut être cru.

AINSI J'AI ENTENDU...

Que veut-il dire par « AINSI » ? « AINSI » répond à la nécessité de la Foi. Vous pouvez faire confiance au Dharma qui est « AINSI », pas au Dharma qui n'est pas AINSI. AINSI désigne le texte comme l'enseignement du Bouddha orthodoxe. AINSI veut dire IL EST AINSI.

AINSI c'est la tranquillité : IL EST indique un état. S'il est AINSI, il l'est ; s'il n'est pas AINSI, il ne l'est pas. Tout ce qui n'est pas non-existant, existe ; tout ce qui est sans erreur est correct.

AINSI signifie "immobile sans mouvement".

AINSI est le vrai vide ; IL EST la merveilleuse existence.

La Merveilleuse Existence n'est pas séparée du vrai vide.

Le Vrai vide n'est pas séparé de la merveilleuse existence.

Le vide et l'existence sont non-doubles (uniques)

A la fois vide et existant, ni vide ni existant.

Ce Dharma peut être cru.

Les quatre mots AINSI J'AI ENTENDU débutent tous les Sutras bouddhistes. C'est AINSI ; si ce n'était pas AINSI, ce ne serait pas correct. La doctrine est AINSI, donc le Dharma peut être cru.

J'AI ENTENDU...

Ananda dit qu'il avait entendu personnellement cet enseignement lui-même. Mais, après avoir obtenu le fruit d'Arhatship, Ananda n'avait plus son « moi ». Comment pouvait-il dire "J'ai entendu". C'est le "moi du non-moi". Ananda dit "J'ai entendu" pour être compréhensible aux gens ordinaires qui ont encore un "moi".

ENTENDU répond à l'accomplissement de la nécessité de l'auditeur. Pourquoi y croyait-on ? Parce qu'on l'a entendu. Si on ne l'avait pas entendu, comment pourrait-on en avoir confiance ?

#### LES QUATRE QUESTIONS D'ANANDA

L'utilisation du AINSI J'AI ENTENDU vient des instructions données à Ananda par le Bouddha juste avant que le Bouddha soit entré dans le Nirvana.

Un jour, le Bouddha Sakyamuni a annoncé, « Cette nuit, au milieu de la nuit, je vais entrer dans le Nirvana ! ». Lorsque Ananda entendit ceci, il était si angoissé qu'il pleurait comme un bébé et appela « Bouddha, Bouddha, n'entrez pas dans le Nirvana. S'il vous plaît, ne nous laissez pas, s'il vous plaît ! ». Il pleurait et plaignait à tel point que son cerveau devint troublé probablement. Puisqu'il pensait que c'était bien ce qu'il était en train de faire.

Juste à ce moment, un aveugle passa, différent des autres hommes. Ses yeux ordinaires étaient aveugles mais son œil céleste était ouvert. Parce qu'il était aveugle, il n'était pas alourdi par beaucoup de fausses réflexions et son esprit était très lucide. « Vénérable, dit-il, en s'adressant à Ananda, pourquoi pleurez-vous ? ».

« Le Bouddha va entrer dans le Nirvana », répond Ananda, « Comment puis-je retenir mes larmes ? ».

Le vieux aveugle répondit, « Comment pouvez-vous faire votre travail si vous pleurez ? Après l'entrée dans le Nirvana du Bouddha, nous devons établir beaucoup de choses. Il y a du travail à faire et des questions à poser ».

« Quelles questions ? » dit Ananda. Le Bouddha va entrer dans le Nirvana. Que reste-t-il à faire Que pouvait-il avoir de plus important que le Nirvana du Bouddha ? ».

L'aveugle, dont le nom était Aniruddha et qui était le plus avancé dans la capacité de l'œil céleste, dit, « Il y a quatre choses extrêmement importantes qui doivent être mises en place ».

« Quelles sont-elles ? », demanda Ananda.

« La compilation des Sutras en est un », dit-il, « avec quels mots devrions-nous commencer chaque Sutra ? ».

« Juste ! » dit Ananda. Cela est important. C'est une bonne chose que vous souleviez cette question. Je n'y avais jamais pensé. Tout ce que je peux penser c'est que le Bouddha va entrer dans le Nirvana. Quelle est la deuxième question que je devrais poser ? ».

(à suivre)

# CHANT DE L'ILLUMINATION

## Le Grand Maître Yung Chia

Commentaire par le Vénérable Maître Hsuan Hua

Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

### La suite

TEXTE : LE DHARMA SE DEVELOPPAIT  
A L'EST

ET ENTRAIT DANS CE MONDE.

BODHIDHARMA FUT LE PREMIER  
PATRIARCHE.

LA ROBE RELIGIEUSE FUT  
TRANSMISE A LA SIXIEME GENERATION

QUE TOUT LE MONDE L'A ENTENDU.

COMMENT POUVAIT ON CALCULER  
LES GENS QUI

ONT REALISE LA VOIE DEPUIS CE  
TEMPS LA ?

COMMENTAIRE : LE DHARMA SE  
DEVELOPPAIT A L'EST ET ENTRAIT DANS  
CE MONDE. La doctrine du Bouddha fleurissait à  
l'est et fut transmise à Zhung Kuo(en Chine).  
BODHIDHARMA ETAIT LE PREMIER  
PATRIARCHE. Le Vingt Huitième Patriarche en  
Inde, Bodhidharma, était aussi le Premier  
Patriarche en Chine.

LA ROBE RELIGIEUSE FUT TRANSMISE A  
LA SIXIEME GENERATION, QUE TOUT LE  
MONDE A ENTENDU PARLER. Elle était  
transmise au Patriarche de la sixième génération, le  
Grand Maître Hui Neng, qui recevait la robe et le  
bol en personne du cinquième Patriarche, que tout le  
monde savait.

COMMENT POUVAIT-ON CALCULER LES  
GENS QUI ONT REALISE LA VOIE DEPUIS  
CE TEMPS ? Ceci fait allusion aux futurs étudiants  
qui entendront le Dharma et réaliseront la Voie. La  
fleur s'épanouit en cinq pétales et l'enseignement  
se répandit dans plusieurs écoles. En effet,  
comment pouvait-on calculer les héritiers du  
Dharma ?

TEXTE : LA VERITE N'EST PAS  
ETABLIE ;

LE MENSONGE EST EN REALITE  
VIDE.

L'EXISTENCE ET LA NON-EXISTENCE  
SONT

TOUTES LES DEUX BANNIES, ET LE  
NON-VIDE EST VIDE.

LES VINGT PORTES DU VIDE SONT  
ESSENTIELLEMENT NON-ATTACHEES.

LA SEULE CARACTERISTIQUE DU  
CELUI-venu-AINSI

C'EST L'IDENTITE FONDAMENTALE  
DU SOI.

COMMENTAIRE : LA VERITE N'EST PAS  
ETABLIE, LE MENSONGE EST EN REALITE  
VIDE. Puisque la vérité n'est pas établie, les  
caractéristiques des mots et du discours sont  
laissés derrière. Puisque le mensonge est en  
réalité vide, les caractéristiques de la réflexion  
sont laissées derrière.

L'EXISTENCE ET LA NON EXISTENCE  
SONT TOUTES LES DEUX BANNIES, ET LE  
NON-VIDE EST VIDE. Le double Dharma de  
l'existence et du non-existence sont toutes deux  
éliminées et les pensées du non-vide sont aussi  
vidées totalement.

LES VINGT PORTES DU VIDE SONT  
ESSENTIELLEMENT NON-ATTACHEES. La  
division du Prajna enseigne en détail les vingt  
portes du vide, qui toutes sans exception  
conduisent les gens vers le non attachement.

LA SEULE CARACTERISTIQUE DU CELUI-  
venu-AINSI EST L'IDENTITE  
FONDAMENTALE DU SOI. La substance  
illuminée du Celui-Venu-Ainsi c'est l'identité du  
soi fondamental. « Ainsi » veut dire  
« immuable » ; « Venu » signifie « conforme aux  
conditions ».

TEXTE : LA PENSEE EST LA RACINE ;  
LES DHARMAS SONT LA  
POUSSIÈRE.

TOUS DEUX SONT COMME DES  
TRACES SUR UN MIROIR.

QUAND LES TRACES SONT  
ENLEVEES TOTALEMENT,

LA LUMIERE APPARAÎT.

QUAND LA PENSEE ET LES  
DHARMAS SONT TOUS DEUX OUBLIES,

ALORS APPARAÎT LA NATURE REELLE.

COMMENTAIRE : LA PENSÉE EST LA RACINE, LES DHARMAS SONT LA POUSSIÈRE. Dans la pensée consciente qui flambe avec insouciance dans les esprits souillés des gens ordinaires, les organes de sens externes (les yeux, les oreilles, le nez, la langue, le corps, et l'esprit), entrent en contact avec la poussière des Dharmas (les formes, les sons, les odeurs, les saveurs, les objets du toucher et les dharmas).

TOUS DEUX SONT COMME LES TRACES SUR UN MIROIR, l'esprit impur et la poussière des Dharmas sont comme les taches salissant le miroir brillant.

QUAND LES TRACES SONT ENLEVÉES COMPLETEMENT, LA LUMIÈRE COMMENCE À APPARAÎTRE. La lumière est capable de se manifester une fois que les traces sont parfaitement enlevées.

QUAND LA PENSÉE ET LES DHARMAS SONT TOUS DEUX OUBLIÉS, ALORS APPARAÎT LA NATURE REELLE. Quand l'esprit impur et la poussière des Dharmas sont complètement enlevés alors apparaît la nature brillante et pure de la vérité réelle.

## RECITEZ LE NOM DU BODHISATTVA GUAN SHI YIN EN CAS D'URGENCE

Vénérable Maître Hsuan Hua

Aujourd'hui, je vais vous révéler un secret. De quoi s'agit-il ? Lorsque vous vous trouvez dans une situation urgente, ne paniquez pas. Restez calme, mettez la situation de la mort et de la vie à côté et récitez le nom du Bodhisattva Guashiyin résolument d'un cœur absolument sincère. Vous sortirez sûrement du danger sain et sauf.

Quand vous vous trouvez dans un grand danger, pensez de cette façon : « Je vais bientôt mourir, mais avant de mourir, je veux réciter le nom du Bodhisattva Guanshiyin de toutes mes forces.

Peut-être, il me reste encore une petite chance. » Si vous pouvez réfléchir de cette façon, vous n'aurez pas de problème même dans des situations dangereuses. Par exemple, supposez que l'avion où vous vous trouvez a tout à coup un problème et il va s'écraser. A ce moment là, récitez le nom du Bodhisattva Guashiyin. Le Bodhisattva Guashiyin sauve les gens de la souffrance et du danger, et il répond à tous les prieurs. Vous devriez penser : « Ma vie est en grand danger. Si je ne le récite pas le nom du Bodhisattva Guashiyin, il n'y aurait plus d'espoir. » A un moment comme ceci, vous devez réciter de toutes vos forces d'un cœur absolument sincère et prier le Bodhisattva Guashiyin, qui par compassion sauve tout être vivant sur terre. Quand nous récitons le nom du Bodhisattva Guanshiyin dans une session qui est le genre de contemplation que nous devrions faire. Nous pouvons aussi pratiquer cette contemplation : « Le train où je me trouve a déraillé. En ce moment critique, si je ne récite pas le nom du Bodhisattva Guanshiyin, tous les passagers dans ce train vont mourir. » La récitation du nom du Bodhisattva Guanshiyin est un appel au secours. Quand le Bodhisattva entend vos prières quelle que soit la distance où vous vous trouvez, il sera là, à l'instant même et vous sortira du danger et de la difficulté. C'est très efficace.

Nous pouvons aussi imaginer cette situation : « Nous sommes au milieu de la mer et notre bateau va sombrer. A cet instant dangereux, je dois réciter le nom du Bodhisattva Guanshiyin. Même à la dernière minute ou même à la dernière seconde, je dois réciter. » Si vous pouvez imaginer et réciter

comme ceci, le danger sera transformé en favorable.

Nous pouvons aussi imaginer que nous nous trouvons dans une voiture roulant à toute vitesse. Tout à coup, la voiture tombe en panne et s'éloigne de la route et tombe une falaise raide. Et si la voiture s'écrase sur les rochers en dessous, tout sera réduit en mille morceaux. A ce moment, si vous récitez le nom du Bodhisattva Guanshiyin comme si votre vie dépendait de lui, alors la voiture arrivera au fond de la falaise sans danger. Vous serez évidemment choqué, mais pas en danger. Ceci est le résultat de la récitation du nom du Bodhisattva Guanshiyin.

Quand nous récitons le nom du Bodhisattva Guanshiyin à un moment critique, cette récitation surpasse des dizaines de millions de réceptions

pendant les moments normaux. Pourquoi ? Parce que quand nous sommes sain et sauf, notre récitation n'est pas assez sincère. Nous devrions donc réciter sincèrement si nous voulons obtenir une réponse inimaginable.

Maintenant, je dit à Guo Qian : « Si vous récitez le nom du Bodhisattva Guanshiyin comme si vous étiez à la Cité des dix Mille Bouddhas aussi sincèrement que quand vous étiez sur le bateau, vous obtiendrez la réponse. A ce moment, il y avait un orage et le bateau où vous vous trouviez, aurait pu chaviré à tout moment. Si vous n'aviez pas récité le nom Guanshiyin, vous n'auriez pas eu cette chance. Puisque vous avez récité, vous aviez cette chance sur dix mille à vivre. Vous continuiez à réciter sérieusement et alors la tempête s'apaisait et vous vous faisiez transporter sans danger. Maintenant, vous voulez faire une pause quand vous récitez, parce que vous ne vous trouvez pas dans ce genre de danger. » En réalité, nous devrions penser ainsi :

*Un jour est déjà passé*

*Nos vies s'écourteront .*

*Nous sommes comme un poison dans une mare où  
l'eau se retire peu à peu.*

*Quelle joie y-a-t-il à cela ?*

*Grande assemblée !*

*Nous devrions être vigilants et vigoureux*

*Comme sile feu brûle sur notre tête.*

*Observez la loi de la non-impermanence,*

*Ne soyez pas négligents et ne vous laissez pas  
aller!*

Nous devrions réciter le nom du Bodhisattva Guanshiyin à tout moment. En action comme en repos, jour et nuit, nous devrions être constamment vigilants. Nous pouvons réciter à haute voix ou en silence dans notre esprit ; le mérite est le même. Nous devrions pratiquer cette récitation selon nos conditions. Nous devrions savoir que quand c'est l'heure de mourir, nous pouvons ne pas avoir de l'occasion de réciter le nom Guanshiyin même si nous voulons. Et ainsi, « Soyez attentif de l'impermanence et soyez prudent de ne pas être paresseux ! »

(à suivre)

RECITER LE NOM DU  
BOUDDHA POUR  
COMPRENDRE L'ESPRIT

## ET POUR VOIR LA NATURE DE BOUDDHA

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

L'espri et la nature des êtres vivants sont à l'origine clairs et brillants, mais ils sont voilés par d'innombrables obstructions, défauts et pensées oisives.

Par nature, les êtres vivants aiment le bonheur et haïssent la souffrance. Mais à cause de leur stupidité, ils ne savent pas comment atteindre la béatitude qu'ils ont tant désirée et éloigner la souffrance qu'ils ont tant détestée. Cependant, quoiqu'ils disent, ils « poursuivent toujours le bonheur, » malheureusement ils ne reçoivent que souffrance.

Les Bodhisattvas sont des êtres bienveillants et compatissants qui sont déjà devenus illuminés. Ils comprennent qu'ils doivent quitter la souffrance pour atteindre la béatitude. Voyant tous les êtres vivants pitoyables et affligés, les Bodhisattvas grandement compatissants font le serment d'écouter leur voix et les délivrent de la souffrance. Et ainsi les êtres vivants ne sont pas totalement sans espérance. Si nous récitons le grand nom du Bodhisattva kuan Yin, il nous sauvera avec son pouvoir de Dharma illimité, et capable de nous délivrer de la souffrance et d'atteindre la béatitude. Ce genre de béatitude est la béatitude absolue du pays pur de l'ouest. En récitant le grand nom du Bodhisattva, non seulement nous pouvons transcender toute douleur et souffrance de ce monde, mais nous pouvons aussi renaître dans le pays de la béatitude absolue, nous verrons le Bouddha quand notre lotus s'ouvrira nous atteindrons le pur et suprême bonheur de la permanence, de la béatitude du vrai soi et de la pureté.

Il a été dit qu'en récitant le nom du Bodhisattva, nous pourrions éloigner toute souffrance et comprendre notre propre esprit et nature, est-ce aussi facile ? Les êtres vivants souvent sceptiques pourraient se poser cette question cela. Mais les Bodhisattvas sont déterminés à donner aux êtres vivants un profit, qui est la raison dont ils enseignaient cette efficace porte de Dharma. Néanmoins, certains êtres vivants sont inconscients de ce suprême profit. Quel dommage !



Certains disent : « J'admets que réciter le nom du Bodhisattva peut dissiper les fautes et supprimer la souffrance, mais comment fait-on pour comprendre l'esprit et voir la nature ? » Il y a quelques jours, je me servais de l'analogie du téléphone. Maintenant, je vais donner une autre analogie plus simple.

Supposez qu'une personne a les yeux bandés si bien qu'elle ne voie que du noir. Quand elle essaie de marcher, elle continue à se cogner contre les murs jusqu'à ce qu'elle soit meurtri et terriblement douloureux. Cependant, il ne lui arrive pas à enlever le bandeau sur les yeux. Heureusement, elle rencontre une personne aimable qui voit son misérable état et enlève le bandeau sur les yeux pour lui. Maintenant, elle peut voir, et elle ne se blessera plus en se heurtant contre les murs.

Le même principe s'applique dans la récitation du nom du Bodhisattva. Nous les êtres humains sommes comme la personne bandée les yeux. Elle n'est pas vraiment aveugle ; mais ses yeux sont couverts par un chiffon. De même, nous les êtres vivants n'avons pas perdu notre esprit et notre nature. Ils sont à l'origine clairs et brillants, mais ils sont couverts par d'innombrables obstructions, défauts et pensées oisives. Le Bodhisattva est comme ce genre de personne, puisqu'il éloigne les obstructions karmiques qui couvrent notre propre nature brillante, qui nous permettent de retourner à la source et d'obtenir notre face origine.

Nous ne pouvons pas manquer de réciter le nom du Bouddha, ou ce serait comme l'aveugle qui refuse d'être aidé par les autres. Se cogner contre le mur est un petit incident, mais s'il ne peut pas voir où il va et il marche dans l'abîme, sa vie est certainement en danger.

Il y a beaucoup d'offenses que nous pouvons essayer de commettre dans ce monde, et si nous ne faisons pas attention, nous pouvons tomber dans le gouffre de l'offense et perdre notre cher corps humain. Nous ne pouvons pas retourner pendant dix mille éons, et nous le regrettons pendant des siècles. Les laïcs ! Recevez vite les encouragements du Bodhisattva et récitez constamment le grand nom du Bodhisattva, si bien que le Bodhisattva peut nous sauver bientôt de la grande mer de la naissance et de la mort.

**PRATIQUEZ LES CINQ  
PRECEPTES ET LES DIX**

## **BONNES ACTIONS POUR ERADIER LES CATASTROPHES**

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

**L**e karma causé par les êtres vivants, le monde a toutes sortes de catastrophes. Quand l'illusion se soulève. Les êtres créent le karma et subissent le chatiment. Ce sont les liens dans une relation causale. Si nous ne sommes pas trompés, nous ne créerions pas le karma, et alors il n'y aurait pas de châtement à subir.

L'illusion signifie être confus. En manquant la vraie sagesse, nous négligeons de comprendre les principes et les choses spécifiques, et nous nous devenons ainsi confus. En particulier, nous ne pouvons pas faire la différence entre le vrai et le faux, le bon et le mauvais, le noir et le blanc, ou le pur et l'impur. En général, nous ne sommes pas lucides des choses, parce que notre ignorance se conduit mal.

Quand nous créons le karma, il peut être soit bon ou mauvais. Le bon karma nous emmène dans les cieux. Le mauvais karma nous fait descendre dans les enfers. Puisque nous ne pouvons pas dire clairement la différence, nous commettons le karma de la tuerie, du vol, de la conduite adultère, du mensonge et de la consommation de l'alcool. Il y a donc des niveaux différents de la sévérité dans le karma commis.

*TUER* : Ceci comprend la prise des vies des moustiques et des fourmis. La massacre des vaches et des cochons est aussi bien la tuerie. Même si ceux ci sont considérés tous de la massacre, la tuerie n'est pas trop sévère. Pourquoi ? Parce que les animaux sont trop stupides. Ils ne trouvent pas le lieu où le tueur se cache. Même s'ils le trouvent, ils ne peuvent pas venger leur rancune. Cependant, la loi universelle de la cause et de l'effet est juste. Elle vous atteindra sans que vous le sachiez et résolument sans une raison apparente. Elle vous rendra malade avec une maladie étrange. Elle vous tortura avec la souffrance de la maladie. Ceci est un moyen passif de la vengeance. La plupart des malades de cancer par exemple, sont malades parce qu'ils commettaient le karma de la tuerie très sérieux, soit dans leur vie présente ou

antérieure. C'est pourquoi ils ont maintenant des maladies en phase terminale.

Parmi tous les genres de tuerie, le karma de la tuerie est le plus sévère. Les gens qui sont tués, deviennent des fantômes vindicatifs qui poursuivent constamment leurs assassins. Ils n'abandonneront pas jusqu'à ce qu'ils eussent vengé ; ils sont déterminés à trouver une occasion pour se venger. Ceux qui commettent l'homicide sont certains d'être punis par la loi. Ils sont nerveux et agité, et se sentent menacés par leur entourage. Ils ont bientôt une dépression nerveuse et vont soit devenir fou soit mourir.

**VOLER :** Les gens qui volent, ont toujours la peur dans le coeur. Ainsi dit-on : « Un voleur a une conscience coupable. » Si vous ne vous engagez jamais à voler, vous n'avez aucune cause à avoir honte devant le ciel ou les autres gens. Alors qu'est-ce qu'il y a à avoir peur ? Quand tout ce que vous faites est évident, alors il n'y a absolument rien à avoir peur.

**L'ADULTERE :** Les religieux doivent s'abstenir de toute relation sexuelle quelqu'il soit. Les laïcs ne pourraient pas s'engager dans la relation sexuelle avec une autre personne que leur épouse. Ne pensez pas toujours au sexe, ne vous laissez pas traumatiser par le sexe en songeant jusqu'à ce que vos cheveux deviennent blancs et vos dents tombent et vous mourirez. Alors vous arrêtez à songer. Mais dans la prochaine vie, vous continuez à rêvasser et vos rêveries continueront incessamment vie après vie. Ceci s'appelle « être né à cause du désir sexuel et mourir à cause du désir sexuel. »

**MENTIR :** Les gens qui aiment mentir ne font pas conscience à personne. Ils ne disent pas la vérité, alors ils pensent que les autres ne disent pas non plus la vérité. Ceci s'appelle : « se servir d'un esprit petit pour juger une personne supérieure. » Ils racontent toujours eux-mêmes des mensonges et alors ils pensent que les autres font la même chose.

**CONSOMMER DES PRODUITS ALCOOLIQUES :** Il est facile pour les gens qui boivent de perdre leur raison. Lorsqu'ils sont excités, ils peuvent commettre des graves crimes sans regarder les conséquences. Pourquoi ? Parce que les boissons intoxicantes font les gens immoraux, et leurs émotions prennent le dessus sur eux.

Les catastrophes se produisent dans le monde parce que les gens n'observent pas les cinq préceptes et ne pratiquent pas les dix bonnes actions. Durant la

période où un roi sage gouverne le monde, tout le monde observe les cinq préceptes et pratique les dix bonnes actions, et alors il n'y a pas de malheurs dans le monde. Les vents et les pluies sont opportuns, et les gens vivent en harmonie. Maintenant, puisque les gens négligent à observer les cinq préceptes ou pratiquent les dix bonnes actions, il y a beaucoup de catastrophes. C'est l'origine du problème.

## LA PLANETE EST SUR LE POINT D'ECLATER

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

**L**e monde moderne est formé de plusieurs pays. Chaque pays est composé de plusieurs familles. Chaque famille est formée de plusieurs personnes. Chaque personne est donc très prochainement relié à tous les autres dans le monde.

Si les pensées des êtres humains sont pures exclues de toute souillure, ce monde sera certainement paisible et libre de guerre. Par contre, si l'esprit humain est souillé, le monde s'avariera en conséquence. Tout le monde connaît ce principe, mais personne ne l'applique. Nous le savions tous clairement et pourtant nous allons à l'encontre. C'est vraiment pitoyable !

*Ce qui est appelé « bien » commence par l'esprit,  
Ce qui est appelé « mal » commence aussi par  
l'esprit.*

Le monde moderne a déjà atteint le point culminant de la mort prochaine, quand le matin on ne peut pas être sûr s'il y aura la nuit ! Pourquoi est-ce ? C'est parce que la planète est sur le point d'éclater ; le danger a atteint son extrémité. Pourquoi est-ce que la terre est sur le point d'éclater ? Parce qu'elle est accablée de forces violentes des trois poisons ; la cupidité, la colère et la stupidité. Si la terre est détruite, la race humaine ne survivra certainement pas.

Mais les gens du monde refusent toujours de faire face à cette situation. Ils passent toujours leur temps dans l'ivresse et meurent dans le cauchemar, oubliant totalement la crise. Certains s'inquiètent seulement de ce qui se produit devant

eux et font peu de cas de l'avenir. Ils s'inquiètent que la population augmente quotidiennement, et qu'il y a des gens sans la nourriture à manger, pas de vêtements pour vêtir, pas de maisons pour habiter et pas d'énergie supplémentaire ; ils pensent que ce sont les problèmes les plus graves. En réalité, ce sont relativement des petits problèmes qui se résoudre naturellement par eux-mêmes à temps.

Notre naissance et mort est réellement le gros problème. Une minute nous nous trouvons ici, mais la minute suivante nous nous disparaîtrons. En un clin d'oeil, la souffrance de la séparation, soit vivant ou mort tombe sur nous. Mais les gens traitent tous ce problème sérieux avec l'indifférence, comme si c'était un rêve. D'où venions-nous quand nous sommes nés ? Où irons-nous quand nous mourons ? Nous ne savons pas. Même si nous la situation, que pourrions-nous faire ? Il y a un seul moyen pour nous sauver. Changer le mal pour le bien- reformer nous-mêmes réellement. Dans l'intérêt des êtres vivants, nous devrions être aimables et compatissants, nous ne devrions pas être si égoïstes. Nous devrions imiter la pensée des Bodhisattvas.

Le comportement de chaque personne est contrôlé par ses pensées, qui lui causent d'entrer dans les Dix Mondes de Dharma. Avec une bonne réflexion, on peut être né dans les cieus. Avec une mauvaise pensée, on peut tomber dans les enfers. Il est dit :

*Avec une pensée éveillée, vous êtes un Bouddha.  
Avec une pensée confuse, vous êtes un être vivant.*

Pour parler franchement, avec pensée pour faire du bien aux êtres vivants, vous êtes un Bodhisattva. Avec une pensée pour profiter vous-même, vous êtes un être vivant. Par une pensée de retourner la lumière vers l'intérieur pour réfléchir sur vous-même, vous êtes un Arhat ou un Pratyekabouddha. Le choix est le vôtre. Si vous tournez le dos à l'illumination et vous unissez avec la souillure, vous êtes une personne ordinaire. Si vous tournez le dos à la souillure et vous unissez avec l'illumination, vous êtes un Sage. C'est aussi facile qu'en tournant votre main.

Quoique le monde soit bon ou mauvais, dépend aussi sur une seule pensée. Si la pensée de tout le monde est bonne, le monde demeurera éternellement. Si la pensée de tout le monde est mauvaise, le monde sera détruite. Ceci est la loi de la nature. Le Bouddhisme encourage les gens d'aller vers le bien, comprendre la cause et l'effet, créer du mérite et de la vertu. C'est à dire si les gens se retiennent de la lutte, de l'avidité, de la

recherche, de l'égoïsme, du profit personnel et en cachant le danger dans le monde, le monde deviendra naturellement paisible. On dit que : « Tout est fait par la seule pensée. » La pensée peut créer le monde, et elle peut détruire le monde. La pensée peut créer les cieus et elle peut créer les enfers.

Les familles sont formées des gens, et les gens sont composés des pensées oisives. Si vous changez les mauvaises pensées oisives en bonnes pensées oisives, vous devenez une bonne personne. Si vous transformez les bonnes pensées oisives en mauvaises pensées oisives, vous devenez une mauvaise personne. C'est un point cardinal entre étant une bonne personne et une mauvaise personne.

Les pratiquants devraient pratiquer assidûment les préceptes, le samadhi et la sagesse, et mettre fin à la cupidité, à la colère et à la stupidité. Ce sont des exigences fondamentales. Les gens qui étudient la Doctrine du Bouddha devraient avant tout s'abstenir de tout le mal, et offrir toute la bonne conduite. C'est une exigence fondamentale. Si tout le monde peut pratiquer réellement de cette façon, le monde deviendra bon, l'énergie favorable augmentera, et la force violente diminuera. Si l'univers est rempli de la pure force favorable, alors la terre ne s'éclatera pas.

Comment pouvons-nous faire le monde pacifique et solide ? Il y a seulement une seule façon, c'est à dire venir vers un lieu de la Voie du Pur Dharma pour étudier la Doctrine du Bouddha, pour corriger vos défauts, et vous renouveler. Si tout le monde se corrige et devient bon, le monde sera libre des trois calamités et les huit difficultés, et tous les gens vivront ensembles harmonieusement, sans avidité ou dispute, dans un monde de la Grande Union.

J'espère que les gens qui n'ont pas la foi religieuse renonceront dans l'intérêt de la famille, du pays, et du monde de la cupidité et feront du travail pour le bonheur de la société. Vous devriez vous rendre compte que l'argent est une chose externe que vous ne l'avez pas ramené quand vous êtes né, et que vous ne pouvez pas l'emmener quand vous serez mort.

Si la lumière des bons gens peut dissimuler l'obscurité des mauvais gens, ce monde sera libre de toutes les forces violentes des trois poisons et ne sera pas sur le point de l'anéantissement. Quoique ce principe soit très simple, il exige un effort profond pour l'appliquer avec succès. Vous tous ! Vous devez commencer avec la pensée et

reformez le monde, en changeant l'hostilité en harmonie et en apportant la paix au monde.

Le Maître de chaque personne est sa pensée. Si la pensée est corrompue, le corps sera tourmenté par la maladie et sera prédisposé à des maladies et des catastrophes. Nous devons éclairer l'intérieur et examiner nous-mêmes. Si nous avons des fautes, nous devrions dépêcher de nous repentir ! Il a souvent dit que :

*Les offenses qui remplissent les cieux  
peuvent être dissipées  
par une seule pensée du repentir.*

Mais vous devez vous repentir sincèrement si vous voulez réprimer les catastrophes. Vous ne pouvez pas le considérer comme une plaisanterie, faire le mal pendant le jour et repentir le soir, en pensant que vous pouvez réprimer les malheurs. Avec une telle attitude, au lieu de vous débarrasser de vos défauts, vous augmentez leur sincérité. Pourquoi ? C'est parce que vous brisez délibérément la loi, et vous ne pouvez donc pas l'oublier.

## A PROPOS DU NOUVEL AN

Le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en Français : Ly Thi Minh Nguyet

Aujourd'hui, je vous souhaite une nouvelle année pleine de bonheurs et de paix. Cela veut dire que l'année passée n'était donc pas une année de bonheurs et paix ? A chaque heure, chaque mois, chaque année, nous devrions vivre dans le bonheur. Pourquoi ? Le bonheur ne réside pas dans le fait de bien manger, bien s'habiller, d'avoir une belle voiture, d'habiter une grande maison confortable. Alors, que faut-il faire pour vivre dans le bonheur et dans la paix. Voici la réponse : Il faut savoir se contenter de son sort ; car si on se contente de ce qu'on a, on vivra dans le bonheur et la paix ; savoir se résigner nous permet aussi de vivre dans le bonheur et la paix. Si on reconnaît que c'est suffisant, ce sera largement suffisant. Nous devrions toujours accepter notre destin. L'être humain est doté d'un esprit, d'une intelligence et d'une connaissance supérieurs à l'animal. Dans tous les domaines et de toutes les espèces, nous sommes les plus privilégiés : c'est pourquoi, nous devons savoir nous contenter de notre destin. Si nous acceptons notre sort, nous éloignons toute

affliction. C'est pourquoi, ce ne sera pas l'année prochaine que nous vivrons dans la joie, mais à chaque instant nous devons vivre dans le bonheur et la paix. L'absence d'afflictions : 'nous permet de fertiliser notre terre de conscience, et de dégager l'horizon de notre nature.' Quand notre terre de conscience est éclairée, notre vraie nature sera illuminée. Cette clarté c'est précisément l'illumination du Bouddha. Pourquoi sommes-nous incapables d'illuminer ? Parce que nous n'avons pas fertilisé notre terre de conscience, ni dégagé l'horizon de notre vraie nature. C'est pourquoi, selon le Bouddhisme, si vous pouvez toujours vivre dans le bonheur et la paix, vous avez déjà cultivé la voie. Dans le livre TRAI CAN DOAN, il a été dit que : 'Quand .....' cela veut dire : 'Dans la clarté du vent et de la lune, la nature s'égaie.'

En soufflant légèrement, le vent chasse les nuages, alors apparaît la lune éclairée et même la nature s'égayed'une fraîcheur verdoyante, comme si elle était vraiment très gaie. Par contre que signifie : la colère impétueuse de la pluie et du vent ? Précisément, quand le ciel se met en colère, il déverse une pluie intense sur la terre. La pluie intense est considérée comme des larmes versées par le ciel. 'Tat phong' veut dire : ouragan et tempête violents. En effet, quand souffle cet ouragan, non seulement, les humains, mais même les bêtes, les oiseaux se sentiront inquiets, pas en sécurité. Tout le monde est triste. Voici le poème en entier : 'Gia.....'

Cela veut dire : 'Dans la clarté du vent et de la lune, la nature s'égare.' 'Dans la tempête rugissante et l'ouragan violent, les oiseaux et les bêtes se recroquevillent.' C'est pourquoi : 'Le ciel et la terre ne peuvent pas ne pas s'accommoder harmonieusement même durant une journée. De même, l'être humain ne peut pas vivre une minute sans gaieté. Quand la tempête et l'ouragan se soulèvent, l'harmonie disparaît. C'est pourquoi, on dit que le ciel et la terre ne peuvent pas ne pas s'accommoder harmonieusement même durant une journée, mais il faut une brise légère soufflant la fraîcheur, répandant partout la bienveillance. De même, l'être humain ne peut pas manquer de joie même une minute. Comme Bodhisattva Maîtrea, qu'importe l'attitude des gens à son égard, il ne s'afflige jamais. Il nous apprend ceci : 'Gia kho khoac ao map.' 'Gia kho' désigne un vieil imbécile, sans aucune connaissance. 'Khoac ao map : ' portant une robe totalement rapiécée. 'Com lat dang no bung.' mangeant sobrement,

qu'importe la qualité de la nourriture, il mange à sa faim. On le voit souvent tapoter son ventre en disant : 'J'ai bien mangé, regardez mon ventre, il est plein. 'Va viú do rét hàn : ' mes vêtements sont tout déchirés, il suffit de les raccommoder pour me protéger du froid. 'Van su tuy duyên thôi : ' J'agis toujours selon les circonstances, au présent, je fais face, et pour le passé, je garde le silence. 'Hê ai chui gia kho' : Devant les insultes : 'espèce de monstre, pourquoi ne disparaissiez pas à votre âge, 'gia kho tu noi : gioi : 'le vieil imbécile vous dira : c'est bien, vous avez raison d'insulter. 'Hê ai danh gia kho', 'gia kho lan ra ngu' : Sous les coups de fouet, le vieil imbécile s'allonge et s'endort, présentant son dos pour recevoir les coups. 'Khac nhô noi mat gia' 'Cu dê no tu khô' : si les gens crache sur son visage, le vieil imbécile le laisse sécher. Je ne l'essuierai pas, je le laisse sécher tout seul à son gré. 'Gia nay chang tôn công' 'Ban cung không phiên nao' : Car pour moi, c'est peine perdue, vous aussi, vous ne vous affligerez pas, car je ne me vengerai pas en crachant sur votre visage, aussi vous serez tout à fait tranquille, sans aucun ennui. 'Nhu thê Ba la mât' : Ca s'appelle-Résignation Paramita- Un Dharma qui fait passer à l'autre rive, un merveilleux Dharma que la plupart d'entre nous ne savent pas utiliser pour se faire passer à l'autre rive. C'est précisément une merveille parmi toutes les merveilles, un trésor parmi tous les trésors. 'Thâu ro ly le nây' 'Lo gi dao chang xong' : Ayant bien compris cette vérité, bien pénétré cette doctrine, n'ayez pas de souci, vous allez sûrement réussir dans votre voie. En Chine, actuellement, il y a un professeur enseignant la compatibilité et la miséricorde de Bouddha et la charité, la bonté de Confucius. En réalité, le Confucianisme prêche surtout la fidélité et le pardon, tandis que le Protestantisme et le Christianisme parlent surtout de l'amour universel. Dans l'écriture chinoise, les deux termes : 'BAC AI' renferment un caractère commun qui est précisément : l'esprit ; ce qui montre que l'amour ne peut exister que dans l'esprit. Et LAO TSEU nous parle de : communication. Pourquoi le TAOISME nous enseigne la sérénité, la tranquillité, le non agi, à cultiver selon la nature, comme nous apprend 'le Sutra de la Vertu' (Dao duc Kinh) : L'être humain cultive selon les lois de la Terre ; celle-ci suit l'exemple du ciel, qui, lui-même, suit l'exemple de la religion, celle agit selon la nature ; mais en vérité, la quintessence du Taoïsme nous apprend uniquement : la communication. Le Bouddhisme soutient le thème de la miséricorde ; En somme, le Confucianisme, le

Taoïsme ainsi que le Bouddhisme ne peuvent pas se détacher de l'esprit (la conscience). Aucune religion n'existe, hors de la conscience. Le Confucianisme nous enseigne la fidélité et le pardon. Pour se sauvegarder soi-même, on doit observer la fidélité. Dans les relations humaines, vous devriez faire appel au pardon. Se sauvegarder soi-même, c'est à dire qu'en accomplissant une action, on se doit être fidèle envers autrui, et l'accomplir de tout son cœur et de toute sa conscience. C'est la condition de base pour renforcer notre dignité vertueuse. Pardonner quelqu'un c'est ne pas tenir compte de ses fautes. Vous devriez tolérer, excuser les fautes commises envers vous. Si vous observez la fidélité pour vous sauvegarder vous-même, vous élevez votre dignité humaine. Si vous savez pardonner les autres, vous leur serez profitable ainsi, vous n'irez pas chercher leurs fautes. C'est l'objectif du Confucianisme, il n'est nullement séparé de la conscience. Toujours dans les caractères chinois, si vous examinez bien l'écriture des deux mots : Fidélité et Pardon, vous verrez qu'ils renferment le mot : conscience. Lao Tseu nous enseigne : la communication (cam ung) que veut dire : 'Cam' ? 'Cam' veut dire : transmettre, communiquer, et 'Ung' veut dire : répondre à l'appel ; que tout souhait sera exaucé. Chaque fois que vous formulez un vœu et le transmettez, il sera exaucé inmanquablement. Ainsi les deux termes : 'Cam-Ung' sont comparables à un courant électrique. Là où arrive l'électricité, vous avez de la lumière. De même, vous transmettez un vœu, il sera reçu et exaucé. Vous lisez bien les pensées des autres et inversement n'est-ce pas c'est parce qu'il existe un courant électrique communiquant votre esprit et celui des autres. C'est la raison pour laquelle, quand vous priez d'un cœur absolument fervent et sincère, vos prières seront transmises, entendues puis communiquées aux anges. Lao Tseu disait que la communication commence de la façon suivante : ' HOA PHUOC VO MON, DUY NHAN TU CHIEU' cela veut dire que : ' Le bonheur ainsi que le malheur ne se trouvent pas systématiquement au même endroit. Ils arrivent seulement quand nous les évoquons.' Voici l'explication à propos de communication (Cam ung). Comme le bonheur ainsi que le malheur n'ont ni l'un, ni l'autre de porte d'entrée systématique. Si vous faites le bien, le bonheur arrive et si vous faites le mal, survient le malheur. Ils ne sont pas fixés à un endroit systématique mais arrivent selon notre action positive ou négative.

‘Thiên ac chi bao nhu anh tuy hình.’ Cela veut dire que : ‘les conséquences faste ou néfaste suivent (des actions bonne ou mauvaise) comme l’objet et son ombre de notre corps, il nous suit partout, où que nous soyons. Qu’elle soit faste ou néfaste, elle est toujours notre ombre, et nous suit partout constamment. C’est la raison pour laquelle, il existe dans le ciel et sur terre des Génies éclairés qui jugent nos bonnes et mauvaises actions ; ils sont au nombre de quatre : le génie annuel, mensuel, journalier et horaire qui examinent et jugent secrètement et à chaque instant toute action de ce monde. C’est pourquoi : ‘Thien dia huu ....ban hao.’ Cela veut dire : Dans le ciel et sur la terre, il existe des Génies qui observent et qui jugent les fautes de chaque individu, et en fonction de la gravité de ses fautes, il diminuerait ses mérites. Une fois que ses mérites sont diminués, il serait malheureux et vivrait dans la misère. Diminution de bénédictions veut dire aussi diminution de durée de vie. Autrement dit, au lieu de bénéficier d’une longue vie, il devrait mourir jeune. Sa durée de vie serait écourtée d’un cycle de douze ans. Cette diminution de vie entraîne avec elle toutes sortes de malheurs : misère, accidents, maladies, incendies médisances. Tout cela se rapporte aussi au principe de la communication. Toute mauvaise action appelle des conséquences néfastes. Il suffit de transmettre, de communiquer pour obtenir des réponses correspondantes. Ceci est l’objectif de l’enseignement taoïste. Le Bouddhisme soutient le thème de la miséricorde et de la compassion (Tu Bi). Que veut dire le terme : ‘Tu’ ? A ce propos, il existe un proverbe disant : ‘Vô duyên Dai Tu’ : cela veut dire : adopter une attitude douce et paisible à l’égard des gens avec qui, vous n’avez semé aucune relation, peu importe qu’ils soient bons ou mauvais envers vous. S’ils n’ont pas semé des relations avec vous ? Raison de plus pour que vous soyez bienveillants envers eux. Ceci s’appelle la Grande Compassion. Comment faire pour avoir la grande miséricorde ? Avoir la grande Miséricorde c’est considérer l’autrui comme son égal, leurs souffrances comme les nôtres. C’est pourquoi on dit : ‘Dong thê dai bi.’ Nous devons pratiquer : la compassion, la miséricorde, la joie, le pardon. Autant la compassion peut apporter la joie et la sécurité ; autant la grande miséricorde peut effacer toute souffrance car nous comprenons mieux la souffrance des autres.

Autrement dit, nous devons aimer les autres, comme nous nous aimons nous-mêmes. Le Christianisme comme le Protestantisme proclame

l’amour universel. (Bac ai) Dans l’écriture chinoise du mot ‘Bac’ figure le mot ‘esprit’ sur le côté, et dans le terme ‘Ai’ le mot : ‘Esprit’ se trouve au milieu. ‘Ai’ ou ‘amour’ signifie à peu près l’amour existant entre un homme et une femme, un amour impur, souillé. Le Catholicisme préconise qu’on doit aimer l’un l’autre et aimer tout être humain sans exception. Or l’amour juste et pur est invisible, sans forme, et ne être exprimé. L’amour universel n’est nullement l’amour existant entre un homme et une femme. Or le fait que l’homme et la femme vivent ensemble, c’est la loi naturelle de l’espèce humaine. Et le devoir d’un honnête homme commence par les relations existant dans un couple. C’est le Dharma mondain. Tandis que dans le Dharma extra-mondain, l’amour ne renferme plus aucune pensée souillée. C’est pourquoi, nous devons bien comprendre le sens et les limites du mot : amour. L’amour entre homme et la femme c’est un amour passionné ; alors que l’amour extra-mondain c’est précisément l’amour universel couvrent toute créature.

## LES HEUREUX CRABES

Liang Tui An était un médecin qui voulait réellement soulager la souffrance, non seulement pas parmi des êtres humains mais aussi bien parmi toutes les créatures vivantes. Il était bien sûr un végétarien.

Un automne, son ami Chi Fei Te lui envoya deux paniers de crabes, ‘pour les laver à grande eau avec de l’alcool.’ Les gourmets savent qu’ en automne, les crabes et l’alcool sont une combinaison imbattable. Mais Liang faisait une chose étrange. Il ne ramenait pas les crabes dans la cuisine ; il les ramena vers la rivière près de chez lui pour les libérer.

Un autre invité, qui était venu de Hu Jou, dit : ‘Vous êtes vraiment un gentil homme. Vous me rappelez un certain Jang Feng Weng. Pendant des générations, lui et sa famille ont été végétariens et ne tuaient jamais rien.

‘En récompense de leur bonté, plusieurs de la famille ont gagné des positions supérieures dans le gouvernement, avec pouvoir et réputation.

‘Je prédis que par suite de votre bonté, un jour dans le futur, votre fils estimé atteindra une position supérieure dans le service impérial juste comme les fils de la famille de Jang.

Liang souriait et dit : ‘Les bonnes actions sont des choses que nous sommes supposés de faire. Ce ne sont pas des choses que nous faisons en espérant des récompenses. Si j’avais déjà fait quelque bien, ce n’était pas par espoirs d’obtenir des récompenses pour moi-même ou pour ma famille. Ne pensez-vous pas que ces crabes ont l’air plus heureux ici dans la rivière qu’ils bouillonnent dans une marmite ? C’est une récompense assez pour moi.’

Quand le fils de Jang, Ji Ching grandit, il réussissait des épreuves impériales avec des couleurs volantes, et il fut désigné pour gouverner Gao Jou. Quand on l’avait envoyé gouverner le Comté de Min, il était heureux de rencontrer à nouveau son meilleur ami, le sag Jang qui servait dans le gouvernement de comté. Il se trouve que ce sage était le fils de Jang Feng Weng, et était aussi un végétarien.

Jang restait chez Liang pendant un mois. Il était ravi de voir qu’aucun produit animal ne fut jamais servi dans les repas. Aux diners officiels, la plupart des plats étaient végétariens. Il pourrait y avoir du canard grillé, mais Jang remarquait que son ami Liang Ji Ching n’en mangeait jamais.

Liang était aussi impressionné par son ami Jang. Jang était honnête et laborieux. Il vivait tout simplement et mangeait aussi tout simplement. Il mangeait un petit déjeuner léger et allait au poste tôt pour commencer sa journée. Il ne venait jamais en retard au poste, comme faisaient certains officiels importants, et il ne remettait jamais à plus tard sur les services officiels.

Pensez donc à cela. Si tout le monde était végétarien : si tout le monde mangeait des simples nourritures ; si tout le monde faisait son devoir loyalement, sans cérémonies, éclat ou corruption. Si tout le monde était juste et honnête : ne serait-il pas un merveilleux monde à vivre ?

Si vous voulez vivre dans un tel merveilleux monde, commencez à le construire vous-même ! Vous ne pouvez pas demander aux autres d’être gentils et honnêtes si vous n’y êtes pas en premier.

## Poème de la fleur cette année

La fleur de cette année  
est plus belle que celle  
l’année dernière.

Cette année on vieillit  
un peu par rapport de  
l’année passée.

Qui sait on n’est pas  
comme le fleur.

Malheureusement la fleur  
tombe sans personne se  
rendre compte.

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

# LE SOUVENIR DE LA VIE DU VÉNÉRABLE MAÎTRE HSUAN HUA

La suite

## LA METHODE

**L**e Maître accompagnait le Grand Maître Ch’ang Jen pour encourager les gens à faire des dons de charité. Ils allaient partout. Une fois, en traversant un village, au moment où ils entraient dans la maison de Mr. Wong, celui-ci prenant son enfant dans ses bras, s’agenouillait devant eux devant la porte et leur demandait de sauver la vie de son enfant. L’enfant atteint de tuberculose et

crachait du sang ; son estomac et sa tête lui faisaient mal. En entendant la demande, le Grand Maître Ch’ang Jen dit : Demandez au Maître du Dharma An Tz’u. Il peut vous aider.

Le Maître répondit : L’homme vous demande de l’aider, pourquoi me désignez-vous ?

Le Supérieur insistait et alors le Maître accepta et posa une question étrange à Mr. Wong : Voulez-

vous sauver votre fils ? Moi, j'en suis incapable. Vous devez le sauver vous-même.

Je veux qu'il vive, dit Mr. Wong. Comment puis-je le sauver ? Je ne sais pas comment.

Voici la méthode, dit le Maître. Si vous voulez qu'il vive ? Vous devez l'autoriser à quitter la vie de famille pour devenir un Bhiksu. S'il quitte la maison, il vivra. Si non, il mourra sûrement. Il n'y a pas d'autre solution.

L'enfant avait onze ans à l'époque. La femme de Mr. Wong était d'accord avec la condition et le Maître répéta :-Si votre enfant quitte la maison, à partir de ce jour, il ne crachera plus de sang et son estomac et sa tête seront guéris.

Comment vous sentez-vous ? demandat-il au garçon.

Mieux. En fait je me sens mieux.

L'enfant fut bientôt complètement rétabli. Bien que le Maître ait conseillé Mr. Wong à plusieurs reprises d'emmener son fils au temple, Mr. Wong ne le faisait pas. Le Maître attendait deux, trois mois. Un jour, comme il marchait le long des bord du village, l'enfant, assis dans la maison, était conscient de sa proximité.

Père, dit-il, mon Maître est venu dans notre village aujourd'hui mais il ne s'est pas arrêté chez nous. Il est probablement malheureux avec nous.

A partir de ce jour, l'enfant rechutait et sa maladie était pire qu'avant. Une semaine plus tard, son père allait au temple, mais le Maître n'était pas là et comme personne d'autre ne comprenait la situation, personne ne pouvait l'aider.

Rentré à la maison, son fils dit : Je suis allé avec vous au temple aujourd'hui. J'ai regardé toutes les chambres pour savoir qui vit où. Une chambre était décoré de bannières pour les morts.

Etrange, dit son père. Votre mère dit que vous étiez là tout le temps. Comment avez-vous pu aller avec moi au temple ?

Quelques jours plus tard, le Maître marchait à nouveau sur les bords du village en retournant au temple. Et l'enfant le sut.

Mon Maître retourne au temple, il ne s'arrête pas ici. S'il vous plaît, suivez ses enseignements et laissez-moi quitter la maison sur le champ. Allez le voir immédiatement.

Attendez jusqu'à demain, dit son père. J'irai ensuite.

Cette nuit-là, à la tombée de la nuit, l'enfant se dressait sur son lit.

Père, appela-t-il. Allumez la lampe et dites-moi si ne m'assieds correctement.

Son père alluma la lampe et regarda son fils qui s'asseyait serein et raide dans la position du plein lotus. Il était mort.

Quoique son père et sa mère pleuraient, l'enfant ne revenait pas à la vie. Ils demandaient au Maître de le faire revivre, mais le Maître dit :-La méthode était la vôtre, pas la mienne. Je vous l'ai donnée mais vous ne l'avez pas utilisée. Je ne plus rien faire.

Pourquoi le Maître enseignait-t-il à l'enfant de quitter la maison. C'était parce qu'il avait l'apparence d'un Bhikshu et dans les vies antérieures il avait fait vœu de quitter la vie de famille.

### UN EXEMPLE MARQUANT

Dans le quartier Shuang Ch'eng, au village San Hsing, vivait un homme nommé Yen Yu K'un dont le troisième fils Shao Ying était un colonel dans l'armée. Quand le régiment de Shao Ying était en garnison dans la province San Chiang en 1942, il emmena sa mère et sa soeur là-bas pour vivre avec lui. Sa soeur, Shu Lan, n'était pas encore mariée et bientôt Shao Ying arrangeait ses fiançailles avec le colonel Pai. Le jour précédant le mariage, Shu Lan tomba tout à coup malade et pendant plusieurs jours restait inconsciente dans son lit.

Un jour, elle dit tout à coup à sa mère : Kuan Yin en robe blanche arrive. Vite, allumez l'encens comme offrande.

Ensuite elle se leva et se prosternait devant l'autel. Ses lèvres qui bougeaient montraient qu'elle parlait avec quelqu'un. Et à la fin, elle faisait des gestes comme si elle disait un adieu respectueux à un invité honoré. Ensuite elle se tournait vers sa mère et dit : Kuan Yin m'a simplement dit que ma maladie sera guérie si je ne me marie pas et si je quitte la vie de famille pour pratiquer la voie. Elle était d'accord que je quitte la vie de famille après la mort de mes parents. Demain, un Maître du Dharma viedra me guérir.

Sa mère était heureuse et le jour suivant, le gong devant l'autel de Shu Ln retentit spontanément trois fois. Juste après un Maître du Dharma entra dans la chambre, portant un bonnet de moine et une robe en chiffons. Il était pied-nus et portait un plumeau blanc qui est utilisé pour chasser la maladie. Il apparaissait de cette façon trois fois quotidiennement pendant neuf jours. Finalement, il dit : Shu Lan pouvez-vous quitter la vie de famille sans aucune hésitation.

Lorsque j'irai bien, dit-elle, je quitterai certainement la maison pour pratiquer.

Le Maître lui tendait une pilule. Elle l'avalait et se rétablissait immédiatement.

Pendant que Shu Lan était gravement malade, sa mère avait informé son père. Lorsqu'il arriva, elle allait bien et il se moquait quand il entendait les événements qui entouraient son rétablissement :



Aucun doute, c'étaient simplement des hallucinations provoquées par une forte fièvre. Ce n'est rien que des produits de son délire. Comment un être humain ordinaire pouvait-il voir un Bodhisattva ?

En entendant ces mots, Shu Lan se doutait de ses épreuves et retournait au village San Hsing avec son père et sa mère. Plus tard, elle fit un rêve dans lequel le Bodhisattva Maitreya lui dit : Votre père mourra dans sept jours. Récitez le nom du Bouddha pour diminuer ses fautes.

Quand elle raconta à son père le lendemain, il ne la croyait pas. Malgré les protestations de sa fille, le sixième jour après le rêve, il partait pour Shuang Ch'eng pour faire des courses. Il allait à la gare pour acheter son billet de retour et au moment où il arriva à la porte, il s'évanouit soudainement. La police informait la famille Yang et quand le père de Shu Lan était ramené à la maison, il était mort. Cela est arrivé exactement sept jours après le rêve de Shu Lan.

Un autre frère de Shu Lan, Shih Ch'ao non seulement obstruait les tentatives de quitter la maison de sa soeur, mais calomniait aussi le Bouddha, le Dharma et le Sangha. Une nuit il rêvait qu'un Bodhisattva lui parlait :-Dans un mois vous mourrez !

Il s'éveilla, surpris mais ne se repentissait pas et mourut un mois après, le 13<sup>ème</sup> jour du 5<sup>ème</sup> mois 1945.

Cette année-là, le 25<sup>ème</sup> jour du 12<sup>ème</sup> mois, le Maître rendait une visite spéciale à la maison de Shu Lan. Au moment où elle vit le Maître, Shu Lan s'exclama : Mère ! Le Maître du Dharma qui guérissait ma maladie à la province San Ching est là.

Elle se leva pour l'accueillir et le salua respectueusement.

Le Maître dit : Alors, vous me reconnaissez ?

Oui, dit la fille.

Voulez-vous toujours quitter la vie de famille ? demanda-t-il.

Avant, dans ma confusion, je n'ai pas compris. Je n'avais pas de preuve et alors je doutais, répondit-elle. Maintenant je sais que c'est vrai. Le Maître s'était manifesté comme un Bodhisattva pour guérir ma maladie. Je suis résolue à quitter la maison. Comment pouvait-il avoir des questions ?

A partir de ce moment, Shu Lan mangeait un strict régime végétarien et récitait constamment le nom du Bouddha. Elle donnait un exemple remarquable pour ses pairs et convaincut ses trois frères et beaucoup de ses parents, les jeunes de la vérité du Bouddhisme. Ils ont tous pris refuge en le Triple Joyau et prenaient le Maître comme leur maître.

(à suivre)

# L'HISTOIRE DU BOUDDHA

La suite

## LE DEUXIEME VOYAGE

**L**e roi ayant entendu parler que le Prince était triste, se demanda ce qui pouvait arriver à son fils. « Il a besoin de plus de divertissements. J'arrangerai un autre parcours pour lui, mais cette fois-ci, il visitera le quartier le plus beau de la ville. »

Et alors, Channa banda maintes et maintes fois Kantaka, ils se promenaient dans la capitale Kapilavastu. Les rues étaient décorées comme avant et les gens étaient à nouveau heureux de voir leur Prince. Mais cette fois, Seuls Siddhartha et son cocher ont vu une personne malade apparaître dans la foule.

« Regarde Channa, » appela le Prince. « Qui est cet homme qui tousse si fortement, son corps tremble et il pleure si pitoyablement. »

« Oh Prince, c'est un malade. »

« Pourquoi est-il « malade » ? » demanda-il.

« Les gens tombent malades pour des raisons diverses, mon Seigneur. Peut-être il a mangé un aliment malsain ou il se prit froid. C'est pourquoi son corps est déséquilibré et il se sentit fiévreux. »

Est-ce que même les gens heureux comme ceux qui sont dans la foule tombent aussi malades ? »

« Oh, Oui, » répondit le cocher. « Une personne peut être en bonne santé un jour et malade le jour suivant. Personne n'est à l'abri de la maladie. »

Pour la deuxième fois, le Prince fut choqué profondément. « Je ne comprends pas. » dit-il, « Comment les gens peuvent-ils être si insouciant et heureux en sachant que la maladie pourrait les frapper à tout moment. S'il te plaît, fais demi-tour. J'en ai assez vu aujourd'hui. »

De retour au palais, le Prince était même plus malheureux qu'auparavant. Impossible de le faire sourire, et il ne voulait parler à personne. Quand le roi découvrit la tristesse de son fils, il devint très inquiet et perturbé. « J'ai tout essayé pour rendre mon fils heureux, mais son cœur est rempli récemment de mélancolies. Je dois demander à mes ministres ce que je peux faire pour éclaircir les pensées de mon fils. »

Ils proposaient que la prochaine fois, si le Prince voulait visiter les terres du palais, il ne doit pas aller seul. Il devrait accompagné être accompagné par des chanteurs, des danseurs et des nobles de la cour. Et ils devraient lui proposer de visiter un beau jardin bien arrangé où le Prince pouvait être amusé et ditrait par toutes sortes d'amusements.

Et alors, quand le Prince Siddhartha interrogea à nouveau de visiter la ville au delà des murs du jardin, plusieurs préparatifs furent faits pour le voyage aussi agréable que possible. La ville fut embellie même plus que la fois précédente. Toutes les vues désagréables furent éloignées et un parc spécial fut préparé pour toutes sortes de plaisirs.

## LE CHOC FINAL

Siddhartha et Channa quittèrent à nouveau le palais en chariot. Accompagnés par des ministres, des musiciens et des servants, ils ressemblaient à un rassemblement de cérémonie. Comme les jours précédents, les gens s'alignaient les rues et repâtraient leurs yeux du grand cortège royal.

Mais pour une troisième fois, seuls le Prince et son cocher pouvaient voir une apparition étrange au milieu de la foule. Un groupe de gens aux yeux tristes, transportant une longue caisse dans laquelle un corps enveloppé dans un drap blanc, apparaissaient d'une des maisons et descendaient lentement d'une des rues à côté.

(à suivre)

Chùa/Pagode Kim Quang  
8 B rue Fontaine  
93000 Bobigny-France  
Tel./Fax : 01.48.50.98.66  
kimquang@free.fr  
kimquangtu@hotmail.com



Trước kia, có người Mỹ đến Chùa, tự nói là đã khai ngộ, và giống như Lục Tổ ở Trung Quốc. Do đó tôi nói : "Vậy thì tốt lắm ! Lục Tổ đã viên tịch, người khác còn muốn trộm cái đầu của Ngài để cúng dường, hiện tại ông là tổ sư sống, tôi muốn mượn cái đầu của ông để cúng dường chẳng phải là tốt hơn chăng ?" Ông ta nghe nói muốn mượn cái đầu của ông ta cúng dường, bèn sợ hãi đứng dậy bỏ chạy. Vọng tưởng của kẻ cuồng là như thế, trên thế giới này có không biết là bao nhiêu, thật là đáng thương xót ! Chẳng do người khác dạy mà tự hiểu được, là phải chứng được trí vô ngại. Chẳng tu hành đến trình độ nào, chẳng chứng được trí vô ngại, mà cứ nói mình là ông trời, chúa trời, đó lại có ích gì ! Chỉ lạc vào danh hiệu điên cuồng mà thôi. Hành giả đắc được trí vô ngại, dù Ngài không biết chữ, không xem bản Kinh cũng giảng Kinh được. Có vấn đề quan hệ đến Phật pháp, Ngài đều giải đáp như nước chảy, khiến cho người mãn nguyện. Dù chưa từng học qua ngôn ngữ văn tự khác, Ngài cũng nghe được nói được, đây mới gọi là không do kẻ khác dạy mà hiểu được. Năm trước có một người Gia Nã Đại, đến Chùa Kim Sơn. Ông ta muốn tôi ấn chứng cho ông ta, ông ta là Ban Thiên Lạt Ma. Lúc đó ông ta cũng chẳng biết Ban Thiên còn sống hay đã chết, nhưng ông ta chiêu hoán như thế, đi khắp nơi nói với mọi người mình là Ban Thiên Phật sống. Mà vẫn có người tin ông ta, phụ hoà ông ta, lâu dần thì cảm thấy chính ông ta cũng có những sự mê hoặc, cho nên đặc biệt chạy đến cầu tôi ấn chứng. Tôi nói : "Tốt ! Ban Thiên là người Tây Tạng, nếu ông không học tiếng Tây Tạng, văn Tây Tạng, mà có thể thông đạt được tiếng Tây Tạng, văn Tây Tạng thì tôi sẽ vì ông ấn chứng". Ông ta nghe tôi nói như thế, thì cũng không giám ở lại lâu, sau đó bèn bỏ đi, về sau cũng chẳng nghe thấy vị Phật sống đó hạ lạc. Ban Thiên Lạt Ma là người Tây Tạng cử làm Phật sống, trong giáo lý của họ có truyền thuyết chuyển thế, thế hệ đều dùng quy định này. Khi một đời Phật sống viên tịch thì họ lưu lại một vật làm tin nhất định. Đến lúc sẽ đi tìm Phật sống tái sinh như thế nào, ngoại giáo không thể biết được bí mật. Đó có chuyện đơn giản như thế, tùy tiện có thể tự xưng là Phật sống, mạo xưng là Ban Thiên Lạt Ma, hà huống phỏng tìm đức bé chẳng phải thành người. Trên thế gian này, những người đặc biệt lạ lùng, mở mắt đều thấy. Tôi đến nước Mỹ rồi, đã gặp qua rất nhiều lần. Giả thiết có thể khai xiển chánh nghĩa tất cả các pháp, đối với Phật pháp quyết đầy đủ minh nhãn, làm người khí chất, nơi nơi hiển được khai lãng khoát đạt, bình dị gần gũi người, đối với mọi người bình đẳng từ bi, không kể ngày tháng, luôn thường như thế, có biểu hiện như vậy, mới có thể cho rằng người khai ngộ. Ngược lại, tự cho là thế, mà tất cả sự biểu hiện hành vi lại đều đi ngược lại, như thế thì khai ngộ gì !

Hoà Thượng Tuyên Hoá

